



LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM
VIETNAM BAR FEDERATION

BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VẤN ĐỀ BẢO VỆ
QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA LUẬT SƯ TẠI CÁC
ĐOÀN LUẬT SƯ ĐỊA PHƯƠNG**

Hà Nội, tháng 12 năm 2009

Văn phòng luật sư NHQUANG & CỘNG SỰ thực hiện khảo sát

*Nhóm Nghiên cứu chân thành cảm ơn Ban Lãnh đạo – Liên Đoàn Luật Sư Việt Nam,
Vụ Bổ Trợ Tư pháp - Bộ Tư Pháp đã giúp đỡ, tạo điều kiện để
Nghiên cứu này được hoàn thành.*

*Nhóm Nghiên cứu chân thành cảm ơn sự hỗ trợ nghiên cứu của
Luật sư Phan Trung Hoài – Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ Quyền lợi Luật sư,
Luật sư Lưu Tiến Dũng – Chủ nhiệm Ủy ban Hợp tác Quốc tế
đã nhiệt tình hỗ trợ công tác nghiên cứu và
có những nhận xét quý báu đối với Báo cáo này*

MỘT SỐ TỪ VIẾT TẮT

Trong Báo cáo này, một số từ sau đây được viết tắt:

- Bộ luật Hình sự	BLHS
- Bộ luật Tố tụng hình sự	BLTTHS
- Chương trình Phát triển Liên hiệp quốc	UNDP
- Cơ quan điều tra	CQĐT
- Công ước quốc tế về Quyền chính trị và Dân sự	ICCPR
- Đoàn luật sư	ĐLS
- Giấy chứng nhận người bào chữa	GCNNBC
- Liên đoàn Luật sư Việt Nam	LĐLS
- Liên hiệp quốc	LHQ
- Mặt trận Tổ quốc	MTTQ
- Trợ giúp pháp lý	TGPL
- Viện kiểm sát	VKS
- Xã hội Chủ nghĩa	XHCN

CHƯƠNG 1

GIỚI THIỆU CHUNG

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Bối cảnh

Luật Luật sư số 65/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006 đã tạo ra một khung pháp lý vô cùng quan trọng cho hoạt động của luật sư. Một trong những nguyên tắc hành nghề của luật sư là “*Độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan*”¹.

Trước mục tiêu phát triển đội ngũ luật sư có trình độ ngang tầm với khu vực và trên thế giới, Liên đoàn Luật sư Việt Nam (“LĐLS”) đã ra đời và Đại hội đại biểu LĐLS lần thứ nhất đã được khai mạc ngày 11/5/2009. Tới dự Đại hội, Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết phát biểu “*trong bối cảnh hội nhập quốc tế, luật sư phải độc lập, tôn trọng sự thật khách quan, tuân thủ Hiến pháp và đạo đức nghề nghiệp*”. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng nhấn mạnh tới vai trò của luật sư trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của quốc gia, hội nhập kinh tế quốc tế². Đối với tổ chức xã hội-nghề nghiệp của luật sư, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho rằng: “*LĐLS là một lực lượng có vai trò quan trọng trong xã hội, không thể xem như tổ chức xã hội nghề nghiệp đơn thuần như những tổ chức khác... Đúng là vai trò của giới luật sư và Liên đoàn trong một đất nước mà chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền, đang chuyển đổi mạnh sang kinh tế thị trường, đang hội nhập quốc tế thì rất quan trọng. Nhất là chúng tôi mong các giới luật sư nâng cao hiệu quả hoạt động của mình. Vai trò vị trí đó sẽ được khẳng định trong xã hội, trong nhân dân*”³.

Những hoạt động này phần nào minh chứng Đảng, Nhà nước và Chính phủ hiện nay đang rất chú trọng và tạo điều kiện cho sự phát triển nghề nghiệp và bảo đảm sự độc lập, quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư. Một số đoàn luật sư địa phương (“ĐLS”) có bộ phận bảo vệ luật sư trong cơ cấu quản lý của đoàn mình. LĐLS ngay sau khi ra đời cũng đã thành lập Ủy ban Bảo vệ Quyền lợi Luật sư.

Trong bối cảnh đó, Bộ Tư pháp và LĐLS chủ trì một nghiên cứu về “Đánh giá thực trạng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư tại các ĐLS” dưới sự tài trợ của Chương trình Hỗ trợ Cải cách Pháp luật và Tư pháp ở Việt Nam (Giai đoạn III). Mục tiêu của Nghiên cứu này nhằm tổng hợp hoạt động của các ĐLS trong công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư thành viên từ trước cho tới nay. Những yếu tố thường gây ảnh hưởng tới quyền và

¹ Luật Luật sư, Điều 5, Khoản 3.

² Vietnamnet, Thủ tướng: *Luật sư giỏi để bảo vệ lợi ích quốc gia*, 08/12/2009, <http://www.vietnamnet.vn/chinhtri/200912/Thu-tuong-Luat-su-gioi-de-bao-ve-loi-ich-quoc-gia-883095/>; Báo Điện tử Chính phủ, *Thủ tướng tọa đàm với giới luật sư: Nâng cao vai trò của luật sư*, 08/12/2009, <http://baodientu.chinhphu.vn/Home/Thu-tuong-toa-dam-voi-gioi-luat-su-Nang-cao-vai-tro-cua-luat-su/200912/25219.vgp>; Báo Điện tử Đảng Cộng sản, *Xây dựng đội ngũ luật sư Việt Nam xứng tầm với khu vực và trên thế giới*, 08/12/2009, http://www.cpv.org.vn/cpv/modules/news/newsdetail.aspx?cn_id=376495&co_id=30638

³ Báo Đất Việt online, *LĐLS không phải tổ chức xã hội nghề nghiệp đơn thuần*, ngày 08/12/2009 <http://www.baodatviet.vn/Home/phapluat/LDLS-khong-phai-to-chuc-xa-hoi-nghe-nghiep-don-thuan/200912/71451.datviet>

lợi ích của luật sư và đề xuất những phương án khắc phục nhằm bảo đảm hoạt động hành nghề của luật sư.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu khảo sát này được đòi hỏi phải đạt những mục tiêu sau:

- Đánh giá khái quát các quy định pháp luật liên quan đến bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư.
- Đánh giá tổng quát các hoạt động của các ĐLS trên toàn quốc trong công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư thành viên từ trước cho tới nay.
- Khảo sát và phát hiện những yếu tố (bao gồm cả hữu hình và vô hình) thường gây ảnh hưởng tới quyền và lợi ích của luật sư và những biện pháp của ĐLS trong việc bảo vệ quyền lợi của luật sư.
- Đề xuất những phương án khắc phục nhằm bảo đảm hoạt động hành nghề của luật sư.

3. Phương pháp nghiên cứu

a. Nghiên cứu tài liệu

Để hiểu rõ về bối cảnh và làm cơ sở cho việc nghiên cứu và báo cáo này, Nhóm nghiên cứu đã nghiên cứu kỹ lưỡng các nguồn thông tin và tài liệu về quyền lợi của luật sư, bảo vệ quyền lợi của luật sư bao gồm:

- o Các quy định pháp luật, các chính sách của Đảng và nhà nước liên quan đến hoạt động bảo vệ quyền lợi của luật sư. Nhóm nghiên cứu sẽ nghiên cứu các quy định và chính sách qua từng thời kỳ phát triển của Việt Nam để có thể đánh giá được những tư tưởng, định kiến tồn tại trong xã hội và các thành tố gây ảnh hưởng tới quyền lợi của các luật sư.
- o Nghiên cứu các tài liệu nghiên cứu của các tác giả trong nước và quốc tế về công cuộc “Đổi mới”, “Cải cách pháp luật”, “Cải cách tư pháp” và “Tiếp cận công lý” tại Việt Nam có liên quan gián tiếp và trực tiếp đến việc bảo vệ quyền lợi của luật sư.
- o Nghiên cứu các báo cáo của các ĐLS về tình hình bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư. Báo cáo này sẽ do LĐLS yêu cầu các ĐLS báo cáo.

Các tài liệu cụ thể xin xem danh mục tài liệu tham khảo kèm theo. Nghiên cứu tài liệu sẽ giúp cho việc phân tích, so sánh đối chiếu giữa các quy định của pháp luật, các thông tin theo báo cáo và các thông tin trên thực tế mà Nhóm nghiên cứu thu nhận được, qua đó người đọc có được bức tranh toàn diện hơn về thực tế công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư tại các ĐLS.

b. Khảo sát thực địa và phỏng vấn sâu:

Nhóm nghiên cứu đã tiến hành phỏng vấn sâu với các đối tượng gồm: các luật sư, lãnh đạo các ĐLS và tổ chức hành nghề luật sư, điều tra viên, kiểm sát viên và một số thẩm

phán tại 5 tỉnh/ thành phố đại diện cho khu vực Bắc, Trung và Nam, cụ thể: Hà Nội, Phú Thọ, Nghệ An, Tp. Hồ Chí Minh và Cần Thơ. Tổng số có 44 cuộc phỏng vấn sâu tại các địa phương bao gồm:

- 24 cuộc phỏng vấn với luật sư, trong đó có 5 luật sư là lãnh đạo ĐLS, 7 luật sư đồng thời là lãnh đạo tổ chức hành nghề và 12 luật sư.
- 9 cuộc phỏng vấn với lãnh đạo và thẩm phán của tòa án cấp tỉnh và cấp huyện
- 7 cuộc phỏng vấn với lãnh đạo và kiểm sát viên VKS cấp tỉnh và cấp huyện
- 4 cuộc phỏng vấn với điều tra viên.

c. Khảo sát bằng bảng hỏi (phiếu điều tra)

1000 bảng hỏi được gửi tới các luật sư thông qua các tổ chức hành nghề luật sư và các ĐLS trên toàn quốc. Có 203 bảng hỏi được điền và gửi lại. Tỷ lệ phiếu hỏi được gửi đi và thu về đạt 20%.

d. Nghiên cứu Báo cáo tình hình công tác bảo vệ luật sư của các ĐLS theo yêu cầu của LĐLS

Thông tin về những vi phạm quyền và lợi ích của luật sư đã được thiết kế trong nội dung báo cáo của các ĐLS về công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư. Hiện tại có 29/61 ĐLS đã gửi báo cáo theo yêu cầu của LĐLS⁴.

Có rất nhiều nguyên nhân mà Nhóm Nghiên cứu đã cố gắng tìm hiểu ở các ĐLS không gửi báo cáo như: ĐLS chưa có hoạt động nào liên quan công tác bảo vệ luật sư nên không biết phải báo cáo thế nào; Ban chủ nhiệm bận quá nên không có thời gian làm báo cáo; thời hạn phải báo cáo quá gấp nên không thể làm báo cáo; có làm báo cáo cũng chẳng có tác dụng gì; phải tổ chức họp Ban chủ nhiệm thì mới có thể thông qua báo cáo được; chưa thống nhất được ý kiến với Sở Tư pháp về nội dung báo cáo...

Cho đến ngày hoàn thiện Nghiên cứu này, ngày 30/12/2009 (sau 1,5 tháng đề nghị báo cáo), Nhóm Nghiên cứu cũng chỉ nhận số lượng báo cáo như đã nêu ở trên. Vì thời hạn của Nghiên cứu này không dài, Nhóm Nghiên cứu nhận thấy rằng khó có thể chờ để có đủ các báo cáo của các ĐLS mặc dù LĐLS đã có gửi công văn lần thứ hai đề nghị các ĐLS nghiêm túc làm báo cáo và gia hạn thời gian gửi báo cáo. Do đó, Nhóm Nghiên cứu đã tiến hành điện thoại trực tiếp chủ nhiệm hoặc thành viên của Ban chủ nhiệm của một số ĐLS để tìm hiểu thêm thông tin.

Hộp 1: Danh sách các ĐLS gửi báo cáo

1. Bạc Liêu
2. Bắc Ninh
3. Bến Tre
4. Bình Dương
5. Cà Mau
6. Cao Bằng
7. Đà Nẵng
8. Đắk Lắk
9. Gia Lai
10. Hà Nội
11. Hà Tĩnh
12. Hải Dương
13. Hải Phòng
14. Hưng Yên
15. Kiên Giang
16. Kontum
17. Lào Cai
18. Nam Định
19. Ninh Bình
20. Phú Yên
21. Quảng Ngãi
22. Tây Ninh
23. Thừa Thiên Huế
24. Vĩnh Long
25. Vĩnh Phúc
26. Yên Bái
27. Tp. Hồ Chí Minh
28. Nghệ An
29. Sơn La

⁴ Hiện nay (31/12/2009), tỉnh Lai Châu vẫn chưa thành lập được ĐLS.

Đối với những báo cáo của 29 ĐLS gửi về, 7/29 ĐLS báo cáo cho biết các luật sư thành viên đã bị xâm phạm quyền và lợi ích. 2/29 ĐLS cho biết “không thể thống kê” được số vụ việc vi phạm quyền và lợi ích của luật sư. Trong khi đó có tới 7/29 ĐLS cho rằng các luật sư thành viên chưa từng bị vi phạm quyền và lợi ích trong quá trình hành nghề.

4. Hướng tiếp cận

Qua những nghiên cứu tài liệu như đã nêu ở trên và qua phỏng vấn một số luật sư tại Hà Nội trong quá trình xây dựng đề cương và bảng hỏi, Nhóm Nghiên cứu nhận thấy có hai cách tiếp cận đối với hoạt động bảo vệ luật sư tại LĐLS và các ĐLS như sau:

- Quan điểm thứ nhất: Hoạt động bảo vệ luật sư của các ĐLS hay của LĐLS là hoạt động bảo vệ quyền và lợi ích của các luật sư trong quá trình hành nghề trước các cơ quan tiến hành tố tụng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hoạt động bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư không bao gồm việc giải quyết những hành vi xâm phạm tới quyền và lợi ích khác của luật sư như tranh chấp giữa các luật sư, tranh chấp giữa luật sư và khách hàng...
- Quan điểm thứ hai: Hoạt động bảo vệ luật sư của các ĐLS hay của LĐLS là hoạt động bảo vệ mọi quyền và lợi ích của luật sư, bao gồm quyền được luật định trong quá trình hành nghề và quyền nhân thân của luật sư có liên quan đến hoạt động hành nghề.

Nhóm Nghiên cứu nhận thấy rằng, để bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư tại các ĐLS thì cần nghiên cứu ở góc độ rộng theo Quan điểm thứ hai. Những lý do mà Nhóm Nghiên cứu chọn Hướng tiếp cận theo Quan điểm thứ hai trong Nghiên cứu này vì:

- Nhóm Nghiên cứu nhận thấy chưa có bất kỳ một nghiên cứu nào về hoạt động bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư tại các ĐLS. Bởi vậy, cần nghiên cứu ở góc độ rộng để LĐLS và các ĐLS có được nhiều thông tin phục vụ cho công tác quản lý, hỗ trợ và bảo vệ luật sư;
- Nhóm Nghiên cứu cũng nhận thấy rằng theo cam kết tại Các Nguyên tắc Cơ bản về Vai trò Luật sư (*Basic Principles on the Role of Lawyers*) của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đã chỉ ra rằng: (i) luật sư phải được bảo đảm các quyền hành nghề; (ii) quyền được tự do bộc lộ quan điểm và lập hội; (iii) tổ chức hành nghề luật sư phải là tự quản; (iv) tổ chức hành nghề được quyền hợp tác với Chính phủ để bảo đảm mọi người dân được quyền tự do tiếp cận các dịch vụ pháp lý; và (v) người luật sư có thể hỗ trợ khách hàng của họ theo quy định của pháp luật mà không bị bất kỳ một can thiệp nào⁵.
- Thông qua nghiên cứu tài liệu, phỏng vấn trực tiếp để xây dựng Đề cương nghiên cứu và bảng hỏi, Nhóm Nghiên cứu nhận thấy một số luật sư phản ánh rằng họ

⁵ Basic Principles on the Role of Lawyers adopted by the Eighth United Nations Congress on the Prevention of Crime and the Treatment of Offenders, Havana, Cuba, 27 August to 7 September 1990

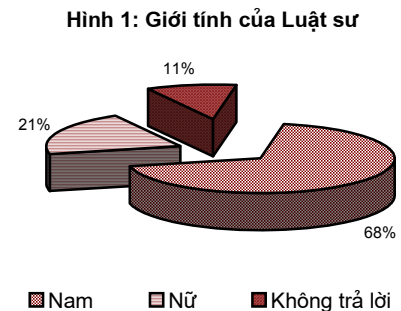
không chỉ bị xâm phạm trong quá trình hành nghề mà còn cả những xâm phạm vào đời sống và thân thể của họ.

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ CUỘC KHẢO SÁT

1. Giới tính

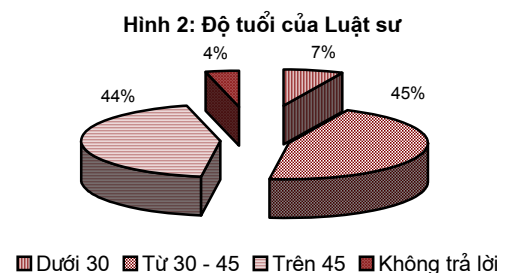
Theo thống kê của LĐLS đến cuối năm 2009, cả nước hiện có 5078 luật sư trong đó có 1516 luật sư nữ và 3562 luật sư nam⁶ (tỷ lệ 30/70). Theo thống kê sơ bộ của Vụ Bổ trợ Tư pháp – Bộ Tư pháp, đến cuối năm 2009, đội ngũ luật sư của cả nước đã tăng tới khoảng 5700 luật sư⁷.

Để bảo đảm được yếu tố bình đẳng giới trong nghiên cứu, cơ cấu của Nhóm Nghiên cứu cũng bao gồm cả nam và nữ. Số lượng nữ luật sư trả lời khảo sát là tương đối thấp 21% so với 68% luật sư nam (Hình 1) so với tỷ lệ chung được nêu ở trên. Tuy nhiên, tỷ lệ nam-nữ tham gia khảo sát có thể thay đổi vì có đến 11% luật sư không trả lời câu hỏi về giới tính.

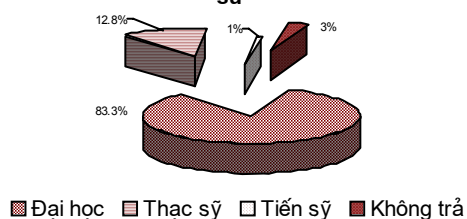


2. Độ tuổi

Cùng với sự hoàn thiện của khung pháp lý về luật sư từ Pháp lệnh luật sư năm 1987 và Luật Luật sư năm 2006, đội ngũ luật sư toàn quốc đang dần được trẻ hóa⁸. Số liệu khảo sát cho thấy phần lớn luật sư đang hành nghề hiện nay có độ tuổi trên 30, trong đó luật sư ở độ tuổi từ 30 - 45 tuổi chiếm 45% và luật sư ở độ tuổi trên 45 chiếm 44% (Hình 2).



Hình 3: Trình độ học vấn của Luật sư



3. Trình độ học vấn

Một trong những điều kiện tiên quyết để trở thành luật sư là người đó phải có bằng cử nhân luật⁹. Đội ngũ luật sư tham gia khảo sát cũng đang tự nâng cao trình độ của mình thông qua các khóa đào tạo sau đại học với 13% ở trình độ thạc sĩ và 1% là tiến sĩ luật học trong khi đó 83% số luật sư tham gia trả

lời bảng hỏi chỉ có bằng cử nhân luật.

⁶ Website của Liên đoàn Luật sư Việt Nam,

http://luatsuvietnam.org.vn/?option=com_lawyer&render=n5684§ion=list.

⁷ Theo Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát về tổ chức và hoạt động tham gia tổ tụng của luật sư của Bộ Tư pháp (tháng 8/2009) thì đến tháng 8/2009 cả nước có hơn 5000 luật sư và 2000 người hành nghề tập sự luật sư trong hơn 1500 tổ chức hành nghề, tr. 2.

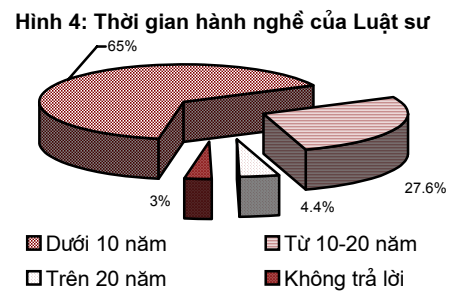
⁸ Theo Website của Liên đoàn Luật sư Việt Nam,

http://luatsuvietnam.org.vn/?option=com_lawyer&render=n5684§ion=list, thì các luật sư có độ tuổi từ 60 trở lên chiếm 268 người trên toàn quốc (tương đương với 5,2%, độ tuổi từ 40-60 là 3561 người (chiếm 70% của tổng số luật sư).

⁹ Pháp lệnh Luật sư 2001, Điều 8, khoản 1, Điểm b; Luật Luật sư, Điều 10.

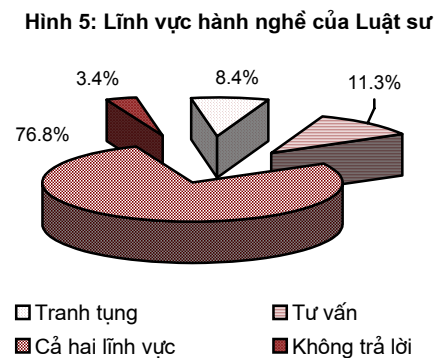
4. Thời gian hành nghề

Hình 4 cho thấy phần lớn các luật sư tham gia trả lời bảng hỏi (93%) hành nghề sau khi Pháp lệnh luật sư được ban hành năm 1987, trong đó 65% luật sư có thời gian hành nghề dưới 10 năm và 28% luật sư có thời gian hành nghề từ 10 – 20 năm. Số lượng luật sư có thời gian hành nghề trên 20 năm và trước khi Pháp lệnh luật sư hành nghề chỉ chiếm 4%.



5. Lĩnh vực hành nghề

Cơ cấu nghề luật sư tại Việt Nam không phân biệt rõ ràng luật sư chuyên về lĩnh vực tranh tụng hay chuyên về lĩnh vực tư vấn như ở một số quốc gia theo hệ thống luật thông lệ (common law). Qua nghiên cứu tài liệu và phỏng vấn các luật sư trong quá trình xây dựng đề cương nghiên cứu và bảng hỏi, Nhóm Nghiên cứu nhận thấy có một số luật sư chuyên hành nghề trong lĩnh vực tư vấn (chủ yếu là về đầu tư, kinh doanh thương mại...), còn phần lớn các luật sư chuyên về lĩnh vực tranh tụng. Trong lĩnh vực tranh tụng, các luật sư tham gia cả lĩnh vực hình sự, dân sự, kinh doanh-thương mại, lao động¹⁰.



Theo thống kê của LDLS, cả nước có 4961 luật sư hành nghề trong lĩnh vực hình sự (chiếm 98% tổng số luật sư tính đến ngày 31/12/2009)¹¹. Cả 15/24 luật sư được phỏng vấn sâu lý giải số liệu này cho rằng các luật sư xác định mình hành nghề trong lĩnh vực “*hình sự*” có nghĩa là hành nghề chủ yếu là “*tranh tụng*” nói chung.

Số liệu khảo sát tại Hình 5 cho thấy các luật sư tham gia khảo sát chỉ chuyên hành nghề trong một lĩnh vực: tranh tụng hoặc tư vấn là rất ít (tương ứng là 8% và 11% số người trả lời). Trong khi đó, phần lớn luật sư hiện nay hành nghề trong cả hai lĩnh vực vừa tranh tụng vừa tư vấn (77% số người trả lời). Số liệu này đã minh họa rằng những ý kiến được nêu tại Nghiên cứu này là phản ánh cho luật sư tham gia ở cả hai lĩnh vực tranh tụng và tư vấn.

Các luật sư được phỏng vấn sâu thì chỉ có 5/24 luật sư được hành nghề tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh cho biết là họ chỉ hành nghề trong lĩnh vực thương mại, đầu tư, tàu biển, sở hữu trí tuệ hoặc ngân hàng mà không có liên quan đến các lĩnh vực về hình sự và dân sự. 19/24 luật sư ở các địa phương được khảo sát cho rằng họ hành nghề chủ yếu là về hình sự và dân sự (tất cả những luật sư này chỉ tham gia chủ yếu vào lĩnh vực tranh tụng).

¹⁰ Có 7 luật sư có ý kiến nêu trên và trong buổi tọa đàm về xây dựng đề cương nghiên cứu của Nhóm Nghiên cứu (thành viên là các luật sư đang hành nghề) và 3 luật sư thuộc các văn phòng luật sư khác.

¹¹ Theo Website của LDLS, http://luatsuvietnam.org.vn/?option=com_lawyer&render=n5684§ion=list#.

CHƯƠNG 2

TỔNG QUAN VỀ CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ VÀ CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CỦA VIỆT NAM VỀ BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA LUẬT SƯ

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐƯỢC QUY ĐỊNH TRONG ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ LIÊN QUAN ĐẾN BẢO VỆ LUẬT SƯ

Theo *Nguyên tắc Cơ bản về Vai trò của Luật sư* và các điều ước quốc tế về nhân quyền khác của Đại hội Đồng Liên hiệp quốc¹² mà Việt Nam đã tham gia, những vấn đề chủ yếu liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp luật sư bao gồm như sau:

- Nghề luật sư cần phải được bảo đảm tính độc lập để cho bất kỳ cá nhân nào cũng có thể tiếp cận để sử dụng dịch vụ pháp lý từ những luật sư độc lập.
- Tổ chức nghề nghiệp của luật sư phải có vai trò quan trọng trong việc xây dựng các tiêu chuẩn và đạo đức nghề nghiệp, bảo vệ thành viên của họ khỏi bị truy tố, xâm phạm hoặc hạn chế không đúng đắn.
- Vai trò của luật sư cần phải được tôn trọng và được sự quan tâm của Chính phủ trong khuôn khổ pháp luật, trên thực tế và phải được sự chú ý của các luật sư, thẩm phán, kiểm sát viên, các cơ quan hành pháp và lập pháp cũng như toàn xã hội¹³.
- Chính phủ và tổ chức nghề nghiệp của luật sư, tổ chức giáo dục cần phải bảo đảm cho các luật sư được đào tạo thích hợp để hiểu rằng những tư duy và đạo đức của người luật sư và những vấn đề về nhân quyền và quyền tự do cơ bản được công nhận bởi pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế¹⁴.
- Chính phủ và tổ chức nghề nghiệp của luật sư, tổ chức giáo dục cần phải bảo đảm không có sự phân biệt đối xử khi bắt đầu hành nghề hoặc khi đang hành nghề vì những yếu tố chủng tộc, giới tính, màu da, sắc tộc, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác, nguồn gốc quốc tịch hoặc xã hội, tài sản, dòng dõi, địa vị kinh tế hay địa vị khác trừ điều kiện luật sư phải là công dân của một quốc gia đó thì không bị coi là phân biệt.
- Tại những quốc gia nơi chưa đáp ứng được các dịch vụ pháp lý cho những nhóm, cộng đồng hoặc khu vực, đặc biệt là những nhóm có sự khác biệt về văn hóa, truyền thống, ngôn ngữ hoặc đã từng bị phân biệt đối xử, thì Chính phủ, tổ chức nghề nghiệp của luật sư và tổ chức giáo dục cần có những biện pháp đặc biệt để tạo cơ hội cho những ứng cử viên của nhóm đó trở thành luật sư và bảo đảm cho họ nhận được đào tạo thích hợp để đáp ứng nhu cầu của cộng đồng đó.

¹² Các Nguyên tắc Cơ bản về Vai trò Luật sư (*Basic Principles on the Role of Lawyers*) của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc.

¹³ Các Nguyên tắc Cơ bản về Vai trò Luật sư (*Basic Principles on the Role of Lawyers*) của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, Lời nói đầu.

¹⁴ Các Nguyên tắc Cơ bản về Vai trò Luật sư (*Basic Principles on the Role of Lawyers*) của Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc, Điểm 9.

- Chính phủ phải bảo đảm rằng người luật sư (a) được thực hiện các chức năng chuyên môn của họ mà không bị đe dọa, cản trở, quấy rối hoặc can thiệp không đúng đắn; (b) có thể đi lại và tham vấn tự do với khách hàng của mình ngay tại quốc gia của mình hoặc nước ngoài; và (c) không phải gánh chịu hoặc bị đe dọa, truy tố hay bị xử phạt hành chính, kinh tế hoặc hình thức khác đối với bất kỳ một hành vi nào được coi là trách nhiệm, nghĩa vụ và đạo đức chuyên môn.
- Khi sự an toàn của luật sư bị đe dọa do thực hiện chức năng của họ thì nhà nước phải bảo đảm tương xứng cho họ.
- Không được coi luật sư cùng bản chất với khách hàng của họ khi họ thực hiện chức năng của mình.
- Luật sư được miễn trừ trách nhiệm dân sự và hình sự đối với các văn bản trình bày trên tinh thần thiện chí và những tranh luận hùng biện hoặc những biểu hiện chuyên môn trước tòa án, hội đồng xét xử hoặc các cơ quan hành chính hoặc cơ pháp luật.
- Trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền là bảo đảm quyền của luật sư được tiếp cận các thông tin, tài liệu và văn bản thích hợp mà các cơ quan nắm giữ hoặc kiểm soát trong một khoảng thời gian tương xứng để luật sư có thể cung cấp các hỗ trợ pháp lý hiệu quả cho khách hàng của họ. Việc tiếp cận thông tin cần phải được tạo điều kiện trong thời gian thích hợp sớm nhất.
- Chính phủ phải công nhận và tôn trọng việc liên lạc và tham vấn giữa luật sư và khách hàng của họ trong mối quan hệ chuyên môn được bảo mật.
- Luật sư cũng như các công dân khác được tự do bày tỏ quan điểm, niềm tin, hội đoàn và hội họp. Cụ thể, luật sư có quyền tiến hành các thảo luận trước đại chúng về những vấn đề pháp lý, thể chế tư pháp, thúc đẩy và bảo vệ quyền con người, có quyền tham gia các tổ chức cấp địa phương, cấp quốc gia và cấp quốc tế và được tham gia các cuộc họp của họ mà không bị giới hạn chuyên môn vì những hành động hợp pháp của họ hay vì mối quan hệ hội viên trong các tổ chức hợp pháp. Luật sư phải tự mình thực hiện những quyền này phù hợp với pháp luật và các tiêu chuẩn, đạo đức được công nhận của nghề luật.
- Tổ chức nghề nghiệp của luật sư hợp tác với Chính phủ để bảo đảm rằng mọi người có thể tiếp cận một cách bình đẳng và hiệu quả tới các dịch vụ pháp lý mà luật sư có thể bảo vệ và hỗ trợ khách hàng của họ theo quy định pháp luật, tiêu chuẩn và đạo đức hành nghề mà không bị can thiệp vô lý nào.
- Việc xử phạt hay khiếu nại đối với luật sư về năng lực hành nghề của họ thì phải được xử lý mau lẹ và công bằng theo các thủ tục thích hợp. Luật sư có quyền được hưởng việc xử lý công bằng, bao gồm cả việc được sự hỗ trợ bởi một luật sư theo sự lựa chọn của họ.
- Tất cả các việc xử lý kỷ luật luật sư phải được giải quyết bởi một ủy ban kỷ luật không thiên vị được thành lập bởi chuyên môn pháp lý, bởi một cơ quan pháp luật độc lập hoặc bởi tòa án và phải phụ thuộc vào thẩm quyền giám sát tư pháp độc lập.

- Mọi tiến trình kỷ luật phải được quyết định phù hợp với quy tắc xử sự và các tiêu chuẩn, đạo đức được công nhận của nghề luật và những hướng dẫn của các quy tắc này.

II. KHÁI QUÁT CÁC CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA LUẬT SƯ TỪ 1945 CHO ĐẾN NAY

Theo một khảo sát của Chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc (UNDP) về Nhu cầu tòa án cấp huyện trên toàn quốc trong năm 2007¹⁵, rất nhiều luật sư bào chữa đã không được tạo điều kiện trong hành nghề tại các cơ quan tiến hành tố tụng. Luật sư bào chữa gặp nhiều khó khăn khi phải ghi chép, sao chụp hồ sơ của vụ án hay tranh luận tại phiên tòa¹⁶. Luật sư nhiều khi chỉ được coi là một yếu tố “đủ” trong phiên tòa để “*có hình thức dân chủ và bảo đảm quyền lợi của công dân*” theo quy định của pháp luật¹⁷. Hơn nữa, hệ thống pháp luật và hệ thống tư pháp chú trọng vào việc xử phạt người phạm tội và tạo điều kiện để các cơ quan tiến hành tố tụng có thể giữ gìn được kỷ cương-phép nước. Mặc dù, tại từng hoàn cảnh lịch sử, Đảng và Nhà nước đã có những chính sách và quy định pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư. Nhưng vai trò, vị trí, quyền lợi của người luật sư trong hệ thống nhà nước và pháp luật vẫn còn nhiều vấn đề cần được nghiên cứu dưới góc độ xem xét quá trình phát triển theo lịch sử (quá trình tiến hóa) dưới góc độ nghiên cứu sự hình thành ý thức, quan điểm và hành vi (lề thói) của các cơ quan nhà nước, bản thân luật sư và người dân đối với nghề luật sư.

1. Giai đoạn trước 2001

Ngay sau thành công của Cách mạng tháng Tám 1945, Chính phủ Việt Nam mới được thành lập đã tiến hành cải tổ hệ thống luật pháp. Tháng 10 năm 1945, hơn một tháng sau thành công của Cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 46 về “tổ chức luật sư”. Đây chính là văn kiện đầu tiên của chính phủ mới đã tạm thời cho tiếp tục thi hành Sắc lệnh tổ chức luật sư ngày 25/03/1930¹⁸ và công nhận sự tồn tại của vai trò người luật sư trong hệ thống tư pháp.

Tại giai đoạn 1959¹⁹-1972²⁰, Hiến pháp 1959 khẳng định “*quyền bào chữa của người bị cáo được đảm bảo*”²¹. Hiến pháp 1959 đã cơ cấu lại tổ chức của Chính phủ theo

¹⁵ *Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc*, Nhà xuất bản Tư pháp, 2007 (Khảo sát này do VPLS NHQUANG & CỘNG SỰ thực hiện).

¹⁶ *Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc*, sđd.

¹⁷ Nguyễn Hưng Quang, *Lawyers and Prosecutors under Legal Reform in Vietnam: The Problem of Equality*, trong sách *International Perspectives on the State and Reform in Vietnam*, Stephanie Balme and Mark Side (Eds), Palgrave MacMillan Publishing House, 2006.

¹⁸ Phan Trung Hoài, *Hoàn thiện tổ chức và hoạt động của luật sư nước ta hiện nay*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 5/2002, trang 3-11, 2002.

¹⁹ Năm 1959, Hiến pháp 1959 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được ban hành.

²⁰ Năm 1972, Ủy ban Pháp luật của Chính phủ được tái thành lập. Ủy ban Pháp luật của Chính phủ là tiền thân của Bộ Tư pháp hiện nay.

²¹ Hiến pháp 1959, Điều 101.

hướng không duy trì Bộ Tư pháp độc lập²². Các luật sư lại hoạt động dưới sự quản lý của Tòa án Nhân dân Tối cao và chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực hình sự²³ do đó đã ảnh hưởng đến yếu tố độc lập của luật sư trong giai đoạn này. Cũng trong giai đoạn này, tổ chức luật sư không được hình thành thành các ĐLS như ngày nay mà chỉ có một văn phòng luật sư thí điểm “*Văn phòng luật sư Hà Nội*”²⁴.

Đến năm 1980, Hiến pháp thứ ba, Hiến pháp của nước Việt Nam thống nhất lần đầu tiên đã quy định tổ chức luật sư với tính chất là một thiết chế hiến định đã được trang trọng ghi vào Luật cơ bản với sứ mệnh: “*Tổ chức luật sư được thành lập để giúp bị cáo và các đương sự khác về mặt pháp lý*”²⁵ mở ra thời kỳ định hình hệ thống các tổ chức nghề nghiệp của luật sư trong phạm vi cả nước²⁶. Trên cơ sở này, Thông tư số 691/QLTA ngày 31/10/1983 của Bộ Tư pháp về hướng dẫn tạm thời công tác bào chữa, kiện toàn tổ chức bào chữa viên nhân dân đã hình thành các đoàn bào chữa viên nhân dân tại các địa phương.

Sang đến giai đoạn 1987-2001, hoạt động luật sư được khởi sắc nhờ Pháp lệnh Tổ chức Luật sư 1987 và công cuộc đổi mới kinh tế, chính trị và xã hội tại Việt Nam. Tính tích cực của Pháp lệnh Tổ chức Luật sư có thể nhận thấy đây là cơ sở pháp lý mở đường cho hoạt động luật sư với tính chất là một hoạt động bổ trợ tư pháp không thể thiếu được của một xã hội đang vận hành theo con đường dân chủ hoá mọi mặt đời sống đất nước. Với khởi điểm 30 Đoàn bào chữa viên nhân dân và 400 bào chữa viên nhân dân đến cuối năm 2001 khi Pháp lệnh luật sư mới ra đời thì 61 tỉnh, thành phố, tức trên địa bàn toàn quốc, đã có các ĐLS với 2100 luật sư. Các ĐLS hoạt động khá sôi động, đóng góp một phần đáng kể đáp ứng nhu cầu giúp đỡ dịch vụ pháp lý của một bộ phận nhân dân trước toà án các cấp²⁷.

Một số ý kiến cho rằng Pháp lệnh Tổ chức Luật sư vẫn còn tồn tại một số mâu thuẫn như vừa khẳng định tính độc lập và tự quản của luật sư lại vừa đưa ra những cơ chế cản trở việc hiện thực hoá tính độc lập và tự quản này. Hoạt động luật sư vẫn bị coi là một phần của hoạt động hành chính nhà nước²⁸. Pháp lệnh Tổ chức Luật sư dường như chú trọng tới các tổ chức luật sư hơn là hoạt động của luật sư²⁹. Các cơ quan hành chính nhà nước quản lý hoạt động của luật sư³⁰ như là hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước hay hợp tác xã³¹. Dẫn đến hoạt động của các ĐLS thì cứng nhắc và hoạt động của luật sư thì bị

²² Nguyễn Hưng Quang, *The judiciary and equality: the changing roles of Lawyers and Prosecutors in Vietnam*, Vietnam Book, Palgrave, 2006.

²³ Phan Hữu Thư, *Đào tạo và bồi dưỡng luật sư trong thời kỳ mới*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số chuyên đề Pháp lệnh Luật sư, 2001; Lê Hồng Hạnh (chủ biên), *Đạo đức và kỹ năng của luật sư trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*, NXB Sự phạm, 2002.

²⁴ Nguyễn Đình Lộc, *Luật Luật sư – Một bước phát triển dài của chế định pháp luật luật sư tại Việt Nam*, Tạp chí Nghề luật, số 5/2006 và số 6/2006, 2006
http://judaca.edu.vn/default.aspx?lang=VN&key=search&sub=news&news_id=13807eaf-6d2d-4317-b38d-0a70a2d0c04b

²⁵ Hiến pháp 1980, Điều 133.

²⁶ Nguyễn Đình Lộc, *Luật Luật sư – Một bước phát triển dài của chế định pháp luật luật sư tại Việt Nam*, sđd.

²⁷ Nguyễn Đình Lộc, *Luật Luật sư – Một bước phát triển dài của chế định pháp luật luật sư tại Việt Nam*, sđd.

²⁸ Nguyễn Văn Thảo, *Một số vấn đề cần quan tâm khi thi hành Pháp lệnh Luật sư*, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số chuyên đề Pháp lệnh Luật sư, trang 26-37, 2001; Nguyễn Đình Lộc, *Luật Luật sư – Một bước phát triển dài của chế định pháp luật luật sư tại Việt Nam*, sđd.

²⁹ Phan Trung Hoài, *Hoàn thiện tổ chức và hoạt động của luật sư nước ta hiện nay*, sđd; Nguyễn Đình Lộc, *Luật Luật sư – Một bước phát triển dài của chế định pháp luật luật sư tại Việt Nam*, sđd.

³⁰ Nguyễn Hưng Quang, *The judiciary and equality: the changing roles of Lawyers and Prosecutors in Vietnam*, sđd.

³¹ Nguyễn Đình Lộc, *Luật Luật sư – Một bước phát triển dài của chế định pháp luật luật sư tại Việt Nam*, sđd.

bó hẹp³², trái với những nguyên tắc hành nghề tự do của luật sư³³. Mặc dù, Hiến pháp năm 1992 quy định: “*Tổ chức luật sư được thành lập để giúp bị cáo và các đương sự khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa*”³⁴.

2. Giai đoạn sau 2001 cho tới nay

Kể từ khi bắt đầu công cuộc Đổi mới, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều nghị quyết và văn bản quy phạm pháp luật nhằm hoàn thiện bộ máy nhà nước và pháp luật³⁵. Đối với hoạt động tư pháp, ngay từ năm 2001, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 08/NQ-TU về một số nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách tư pháp. Văn bản này là cơ sở cho những hoạt động cải cách tư pháp tại Việt Nam nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa³⁶ bắt đầu từ đầu thiên niên kỷ mới.

Nghị quyết 08/NQ-TU đã yêu cầu phải có sự thay đổi sâu sắc trong thủ tục tố tụng đó là phải nghiên cứu và chuyển đổi thủ tục tố tụng thẩm vấn sang thủ tục tố tụng tranh tụng. Nếu thực hiện nghiêm chỉnh yêu cầu này, địa vị và vai trò của luật sư sẽ thay đổi nhiều về bản chất.

Để củng cố vị trí của luật sư trong hoạt động tố tụng và trong đời sống, các nghị quyết trung ương đã yêu cầu phải “*đổi mới việc tổ chức phiên toà xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh*”³⁷ và “*“xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ tư pháp (luật sư, công chứng, giám định, cảnh sát tư pháp...) theo hướng đáp ứng ngày càng đầy đủ, thuận lợi các nhu cầu đa dạng về hỗ trợ pháp lý của nhân dân, doanh nghiệp; thực hiện xã hội hoá mạnh mẽ các hoạt động hỗ trợ tư pháp; kết hợp quản lý nhà nước với tự quản của các tổ chức xã hội nghề nghiệp*”³⁸

Pháp lệnh Luật sư (2001) đã thay đổi mối quan hệ giữa Ban chủ nhiệm ĐLS, Chủ nhiệm ĐLS và các luật sư thành viên. ĐLS hoàn toàn không còn là tổ chức hành nghề của các luật sư mà trở thành tổ chức xã hội – nghề nghiệp của các luật sư. ĐLS theo Pháp lệnh là người đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các luật sư, giám sát việc tuân theo pháp luật, quy tắc đạo đức nghề nghiệp và tham gia quản lý hành nghề luật sư. Các luật sư sẽ hành nghề tại các tổ chức hành nghề luật sư nằm độc lập với ĐLS. Theo nguyên Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp Nguyễn Đình Lộc thì “*Pháp lệnh đã từng bước đưa mô hình tổ chức và phương thức hành nghề của luật sư giống với một số nước trên thế giới*”³⁹.

³² Nguyễn Hưng Quang, *Những giới hạn tạo ra nhận thức về người luật sư*, trong sách Luật sư Việt Nam và Hội nhập quốc tế, Ts. Phạm Hồng Hải và ThS Trần Văn Sơn (Chủ biên), ĐLS Tp. Hà Nội, Nhà xuất bản Tư pháp, 2007.

³³ Nguyễn Đình Lộc, *Luật Luật sư – Một bước phát triển dài của chế định pháp luật luật sư tại Việt Nam*, sdd.

³⁴ Hiến pháp 1992, Điều 132.

³⁵ Hoàng Thế Liên, *quan điểm của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp từ năm 1986 cho tới nay*, tham luận hội thảo ‘*Quan điểm về Cải cách Tư pháp trong bối cảnh xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa do dân, vì dân*’, Bộ Tư pháp, Hà Nội, 2002.

³⁶ Nguyễn Hưng Quang and Kerstin Steiner, *Ideology and Professionalism: the resurgence of the Vietnamese Bar*, trong sách *Asian Socialism and Legal Change: The Dynamics of Vietnamese and Chinese Reform* do John Gillespie & Pip Nicholson. Australia (Chủ biên), Nhà xuất bản Asian Pacific Press, 191-211, 2005.

³⁷ Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về “*Chiến lược Cải cách Tư pháp đến 2020*”, Đoạn 2.2

³⁸ Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/05/2005 của Bộ Chính trị về “*Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*”, Đoạn II.2.

³⁹ Nguyễn Đình Lộc, *Luật Luật sư – Một bước phát triển dài của chế định pháp luật luật sư tại Việt Nam*, sdd.

Luật Luật sư tiếp tục củng cố mối quan hệ mới giữa luật sư và ĐLS mà Pháp lệnh Luật sư 2001 đã đặt ra và đồng thời xác lập một mô hình tổ chức luật sư toàn quốc để đại diện cho tất cả các luật sư trên toàn quốc. Trên cơ sở pháp lý này, ngày 10-12/05/2009, tổ chức luật sư toàn quốc được thành lập với tên gọi Liên đoàn Luật sư Việt Nam. Liên đoàn Luật sư Việt Nam là đơn vị có đại diện của tất cả các đoàn luật sư địa phương trên toàn quốc⁴⁰. Liên đoàn Luật sư Việt Nam có trách nhiệm “*đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư, các Đoàn luật sư trong phạm vi cả nước*”, “*giải quyết tranh chấp liên quan đến thù lao, chi phí của luật sư*”, “*giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền*”, “*tập hợp, phản ánh tâm tư, nguyện vọng, ý kiến đóng góp, kiến nghị của luật sư*”⁴¹.

Để tăng cường cho công tác bảo vệ luật sư, Điều lệ của LĐLS đã quy định việc thành lập các ủy ban của LĐLS, trong đó có Ủy ban Bảo vệ Quyền lợi luật sư, gồm 8 luật sư thành viên⁴².

Bên cạnh những quy định pháp luật về luật sư và tổ chức luật sư, các quy định pháp luật hiện hành cũng đã mở rộng rất nhiều được bào chữa của bị can, bị cáo, quyền và lợi ích của luật sư trong hoạt động tố tụng và trong các hoạt động pháp lý khác, bao gồm:

a. Bộ Luật Tố tụng Hình sự:

Bộ Luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) mở rộng thêm nhiều quyền cho luật sư so với BLTTHS trước. BLTTHS đã quy định rõ trách nhiệm của cơ quan điều tra (“CQĐT”) phải hỗ trợ luật sư trong các hoạt động bào chữa như: “*trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của người bào chữa kèm theo giấy tờ liên quan đến việc bào chữa, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải xem xét, cấp giấy chứng nhận người bào chữa để họ thực hiện việc bào chữa. Nếu từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải nêu rõ lý do. Đối với trường hợp tạm giữ người thì trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được đề nghị của người bào chữa kèm theo giấy tờ liên quan đến việc bào chữa, CQĐT phải xem xét, cấp giấy chứng nhận người bào chữa để họ thực hiện việc bào chữa. Nếu từ chối cấp giấy chứng nhận thì phải nêu rõ lý do*”⁴³.

BLTTHS cũng quy định về quyền và nghĩa vụ của người bào chữa: “*Người bào chữa tham gia tố tụng từ khi khởi tố bị can. Trong trường hợp bắt người trong trường hợp khẩn cấp và bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì người bào chữa tham gia tố tụng từ khi có quyết định tạm giữ. Trong trường hợp cần giữ bí mật điều tra đối với tội xâm phạm an ninh quốc gia, thì Viện trưởng VKS quyết định để người bào chữa tham gia tố tụng từ khi kết thúc điều tra*”⁴⁴.

Nếu được tham gia bào chữa thì người bào chữa có quyền:

- o “*Có mặt khi lấy lời khai của người bị tạm giữ, khi hỏi cung bị can và nếu Điều tra viên đồng ý thì được hỏi người bị tạm giữ, bị can và có mặt trong những hoạt động điều tra khác; xem các biên bản về hoạt động tố tụng có sự tham gia của mình và các quyết định tố tụng liên quan đến người mà mình bào chữa;*

⁴⁰ Luật Luật sư, Điều 64.

⁴¹ Luật Luật sư, Điều 65.

⁴² Điều lệ của LĐLS, Điều 31; Xem thêm website của Liên đoàn Luật sư Việt Nam, http://luatsuvietnam.org.vn/index.php?option=com_news&render=n5683§ion=view&cat=10&scat=13&ne=177&Pi=1&Paging=15

⁴³ BLTTHS, Điều 56 (4).

⁴⁴ BLTTHS, Điều 58 (1).

- o Đề nghị *CQĐT* báo trước về thời gian và địa điểm hỏi cung bị can để có mặt khi hỏi cung bị can;
- o Đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch theo quy định của Bộ luật này;
- o Thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa từ người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người thân thích của những người này hoặc từ cơ quan, tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nếu không thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác;
- o Đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu;
- o Gặp người bị tạm giữ; gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam;
- o Đọc, ghi chép và sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa sau khi kết thúc điều tra theo quy định của pháp luật;
- o Tham gia hỏi, tranh luận tại phiên tòa;
- o Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;
- o Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án nếu bị cáo là người chưa thành niên hoặc người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất⁴⁵.

BLTTHS cũng quy định về nghĩa vụ của người bào chữa⁴⁶ và quy định về chế tài đối với những người bào chữa làm trái pháp luật⁴⁷.

BLTTHS quy định trước tòa án, luật sư được bình đẳng trước các cơ quan tiến hành tố tụng, bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, đưa ra yêu cầu và tranh luận dân chủ tại phiên tòa. Các cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm tạo điều kiện cho họ thực hiện các quyền đó nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án⁴⁸. Nhưng BLTTHS không có bất kỳ một quy định nào bắt buộc cơ quan tiến hành tố tụng trong hoạt động tố tụng phải có sự tham gia của người bào chữa, trừ những vụ án buộc phải chỉ định người bào chữa⁴⁹.

Ở giai đoạn điều tra vụ án hình sự, người bào chữa có thể tham gia việc hỏi cung bị can⁵⁰ nhưng không phải là bắt buộc, trừ trường hợp những vụ án buộc phải chỉ định người bào chữa⁵¹. BLTTHS chỉ quy định việc người bào chữa “*được hỏi*” trong quá trình hỏi cung mà không quy định “*có quyền hỏi*”. BLTTHS yêu cầu biên bản hỏi cung phải ghi đầy đủ câu hỏi của người bào chữa (“*được hỏi*”) và trả lời của bị can⁵².

BLTTHS cho phép “*thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa từ người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người thân thích của những người này hoặc từ cơ quan, tổ chức, cá nhân theo yêu cầu của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo nếu không thuộc bí mật*”

⁴⁵ BLTTHS, Điều 58 (2).

⁴⁶ BLTTHS, Điều 58 và Điều 59.

⁴⁷ BLTTHS, Điều 58 (4).

⁴⁸ BLTTHS, Điều 19.

⁴⁹ BLTTHS, Điều 57 (2).

⁵⁰ BLTTHS, Điều 132 (3).

⁵¹ BLTTHS, Điều 57 (2); Công văn số 45/C16(P6) ngày 26/01/2007 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Bộ Công an; Xem thêm: Phạm Thái Quý, *Trao đổi về chế định quyền bào chữa trong pháp luật tố tụng hình sự*, Tạp chí Tòa án Nhân dân kỳ II, số 24, tr. 34-40, 2008.

⁵² BLTTHS, Điều 132 (3).

*nhà nước, bí mật công tác*⁵³” nhưng không có quy định cho phép thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan từ những người khác có lưu giữ hoặc biết về vụ án⁵⁴. BLTTHS cũng không có quy định cho phép luật sư được xem xét những tài liệu, vật chứng mà CQĐT thu thập được những chưa sử dụng⁵⁵.

Như đã nêu ở trên, BLTTHS cho phép người bào chữa được “*gặp người bị tạm giữ; gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam*” nhưng lại không quy định cụ thể điều kiện cho việc “*gặp*” này như là có cần phải có sự cho phép hoặc có mặt của điều tra viên trong giai đoạn điều tra hay không? Thời gian được phép gặp là bao lâu và được trao đổi những vấn đề gì cũng không được BLTTHS quy định⁵⁶.

BLTTHS được coi là đổi mới khi quy định người bào chữa có quyền “*sao chụp*” tài liệu. Tuy nhiên, quy định đơn giản và ngắn gọn này lại gây ra những cách hiểu khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và các luật sư mà khảo sát dưới đây sẽ bóc lộ những vấn đề này.

Liên quan đến quyền được tranh luận tại tòa, BLTTHS dành hẳn một chương gồm bốn điều để quy định vấn đề này (Chương XXI (từ Điều 217 đến 221) của BLTTHS). Đây là quy định mới của BLTTHS năm 2003 so với những quy định trước đây. Tuy nhiên, việc tranh luận tại tòa mới chỉ được diễn ra sau khi phiên tòa kết thúc “*việc xét hỏi tại tòa*” mà thiếu quy định được phép tranh luận ngay từ khi “*có yêu cầu xin thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, kiểm sát viên, thư ký tòa án, người giám định, người phiên dịch*” để chứng minh những đề nghị đó có căn cứ hay không (?) và được phép tranh luận trong quá trình “*xét hỏi tại tòa*”⁵⁷. BLTTHS đã không hạn chế thời gian tranh luận tại tòa để tạo điều kiện cho người bào chữa, kiểm sát viên được trình bày quan điểm của mình trong điều kiện thời gian thoải mái. Nhưng tuy nhiên, quy định về trách nhiệm tranh luận tới cùng của kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn còn có những cách hiểu khác nhau.

b. Bộ Luật Tố tụng Dân sự:

b.1 Quyền của người bào chữa trong vụ án dân sự

Theo Bộ luật Tố tụng Dân sự của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 15/06/2004 (“BLTTDS”), trong các vụ việc dân sự, đương sự được nhờ luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự thực hiện quyền bảo vệ của họ⁵⁸.

Đối với vụ việc dân sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền và nghĩa vụ sau:

⁵³ BLTTHS, Điều 58 (2).

⁵⁴ Nguyễn Văn Chiến, *Quyền và nghĩa vụ của người bào chữa trong tố tụng hình sự*, Tham luận tại Hội thảo khoa học về Sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS năm 2003, Đoàn luật sư Hà Nội tổ chức vào tháng 10, 2009.

⁵⁵ Nguyễn Hà Thanh, *Vai trò hạn chế của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự - Nguyên nhân và giải pháp*, Tạp chí Tòa án Nhân dân, số 3, tr. 1-5, 2007

⁵⁶ Vũ Công Dũng, *Một số ý kiến đóng góp về sửa đổi, bổ sung BLTTHS năm 2003*, Tham luận tại Hội thảo khoa học về Sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS năm 2003, Đoàn luật sư Hà Nội tổ chức vào tháng 10, 2009

⁵⁷ Lê Thúc Anh, *Một số suy nghĩ về tranh tụng tại phiên tòa trong cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án Nhân dân, số 1, tr. 2-4, 2008.

⁵⁸ BLTTDS, Điều 9.

- *Tham gia tố tụng từ khi khởi kiện hoặc bất cứ giai đoạn nào trong quá trình tố tụng dân sự. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được tham gia phiên toà giám đốc thẩm, tái thẩm nếu Toà án xét thấy cần thiết.*
- *Xác minh, thu thập chứng cứ và cung cấp chứng cứ cho Toà án, nghiên cứu hồ sơ vụ án và được ghi chép, sao chụp những tài liệu cần thiết có trong hồ sơ vụ án để thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.*
- *Tham gia việc hoà giải, tham gia phiên toà hoặc có văn bản bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.*
- *Thay mặt đương sự yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này.*
- *Giúp đương sự về mặt pháp lý liên quan đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.*
- *Tranh luận tại phiên toà; có mặt theo giấy triệu tập của Toà án và chấp hành các quyết định của Toà án trong thời gian giải quyết vụ án; tôn trọng Toà án, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên toà⁵⁹.*

Đương sự là cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài tham gia tố tụng tại Toà án Việt Nam có quyền nhờ luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình theo quy định của pháp luật Việt Nam⁶⁰.

Tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày yêu cầu của nguyên đơn và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn và chứng cứ để chứng minh cho đề nghị đó là có căn cứ và hợp pháp; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền bổ sung chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị của mình⁶¹.

d. Luật Luật sư:

Trong quá trình hoạt động hành nghề, Luật Luật sư nghiêm cấm luật sư thực hiện các hành vi sau đây:

- *“Cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng có quyền lợi đối lập nhau trong cùng vụ án hình sự, vụ án dân sự, vụ án hành chính, việc dân sự, các việc khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là vụ, việc);*
- *Cố ý cung cấp tài liệu, vật chứng giả, sai sự thật; xúi giục người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, đương sự khai sai sự thật hoặc xúi giục khách hàng khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện trái pháp luật;*
- *Tiết lộ thông tin về vụ, việc, về khách hàng mà mình biết được trong khi hành nghề, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác;*

⁵⁹ BLTTDS, Điều 64.

⁶⁰ BLTTDS, Điều 409.

⁶¹ BLTTDS, Điều 221.

- o *Sách nhiễu, lừa dối khách hàng;*
- o *Nhận, đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ khách hàng ngoài khoản thù lao và chi phí đã thoả thuận với khách hàng trong hợp đồng dịch vụ pháp lý;*
- o *Móc nối, quan hệ với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, cán bộ, công chức khác để làm trái quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ, việc;*
- o *Lợi dụng việc hành nghề luật sư, danh nghĩa luật sư để gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân”⁶².*

Luật Luật sư nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở hoạt động hành nghề của luật sư⁶³.

Cũng theo Luật này, Luật sư được phép hành nghề trong phạm vi sau đây⁶⁴:

- o *“Tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo hoặc là người bảo vệ quyền lợi của người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án hình sự.*
- o *Tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện hoặc là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong các vụ án về tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, hành chính, việc về yêu cầu dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và các vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.*
- o *Thực hiện tư vấn pháp luật.*
- o *Đại diện ngoài tố tụng cho khách hàng để thực hiện các công việc có liên quan đến pháp luật.*
- o *Thực hiện dịch vụ pháp lý khác.”*

Tương tự như BLTTHS và BLTTDS, luật sư phải được cơ quan tiến hành tố tụng cấp giấy chứng nhận người bào chữa, giấy chứng nhận người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự hoặc giấy chứng nhận người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính. Để được cấp giấy chứng nhận, luật sư phải xuất trình đủ giấy tờ thuộc một trong các trường hợp sau đây⁶⁵:

- o (i) thẻ luật sư, (ii) giấy yêu cầu luật sư của khách hàng và (iii) giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề luật sư hoặc của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đó hành nghề đối với trường hợp luật sư hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư; hoặc
- o (i) thẻ luật sư, (ii) giấy yêu cầu luật sư của khách hàng và (iii) giấy giới thiệu của ĐLS nơi luật sư đó là thành viên đối với trường hợp luật sư hành nghề với tư cách cá nhân; (i) thẻ luật sư và (ii) giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức nơi luật sư hành nghề với tư

⁶² Luật Luật sư, Điều 9

⁶³ Luật Luật sư, Điều 9

⁶⁴ Luật Luật sư, Điều 22

⁶⁵ Luật Luật sư, Điều 27 (2).

cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó; hoặc

- O (i) thẻ luật sư và (ii) văn bản cử luật sư của tổ chức hành nghề luật sư hoặc của chi nhánh tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đó hành nghề đối với luật sư hành nghề trong tổ chức hành nghề luật sư; hoặc (i) thẻ luật sư và (ii) văn bản phân công của ĐLS đối với luật sư hành nghề với tư cách cá nhân để tham gia tố tụng trong vụ án hình sự theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng.

Như vậy, các quy định của pháp luật đòi hỏi luật sư phải xuất trình tối thiểu 2 loại giấy tờ để có thể được cấp giấy chứng nhận người bào chữa.

Thời hạn cấp giấy chứng nhận tham gia tố tụng của luật sư không quá 3 ngày, kể từ ngày nhận đủ giấy tờ thuộc một trong các trường hợp quy định nêu trên. Giấy chứng nhận tham gia tố tụng của luật sư có giá trị trong các giai đoạn tố tụng, trừ trường hợp bị thu hồi, luật sư bị thay đổi hoặc không được tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Khi cần liên hệ với cá nhân, cơ quan, tổ chức để thực hiện quyền, nghĩa vụ và các hoạt động có liên quan đến việc bào chữa, bảo vệ quyền lợi của khách hàng, luật sư xuất trình Thẻ luật sư và giấy chứng nhận tham gia tố tụng của luật sư⁶⁶.

Đối với hoạt động tư vấn pháp luật, luật sư được hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp khách hàng soạn thảo các giấy tờ liên quan đến việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của họ. Luật sư thực hiện tư vấn pháp luật trong tất cả các lĩnh vực pháp luật⁶⁷.

Luật sư đại diện cho khách hàng để giải quyết các công việc có liên quan đến việc mà luật sư đã nhận theo phạm vi, nội dung được ghi trong hợp đồng dịch vụ pháp lý hoặc theo sự phân công của cơ quan, tổ chức nơi luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động⁶⁸.

Luật sư còn được cung cấp cho khách hàng dịch vụ pháp lý khác, bao gồm: giúp đỡ khách hàng thực hiện công việc liên quan đến thủ tục hành chính; giúp đỡ về pháp luật trong trường hợp giải quyết khiếu nại; dịch thuật, xác nhận giấy tờ, các giao dịch và giúp đỡ khách hàng thực hiện công việc khác theo quy định của pháp luật⁶⁹.

Luật Luật sư cũng quy định trách nhiệm xem xét và xử lý kỷ luật luật sư của Ban chủ nhiệm ĐLS. Trong một số trường hợp ĐLS có quyền thông báo với Sở Tư pháp địa phương và đề nghị Bộ Tư pháp thu hồi chứng chỉ hành nghề luật sư, đề nghị Tổ chức Luật sư Toàn quốc thu hồi thẻ luật sư. Luật sư có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật của Ban chủ nhiệm ĐLS đối với mình, khiếu nại đối với quyết định, hành vi của Ban chủ nhiệm ĐLS, Tổ chức Luật sư Toàn quốc (nay là Liên đoàn Luật sư Việt Nam)⁷⁰.

Tuy nhiên, Luật Luật sư không quy định cụ thể thủ tục xem xét và xử lý kỷ luật luật sư mà quy định trách nhiệm này thuộc về các ĐLS và tổ chức luật sư toàn quốc (nay là Liên đoàn Luật sư Việt Nam)⁷¹.

⁶⁶ Luật Luật sư, Điều 27 (3,4,5).

⁶⁷ Luật Luật sư, Điều 28

⁶⁸ Luật Luật sư, Điều 29 (1).

⁶⁹ Luật Luật sư, Điều 30 (1).

⁷⁰ Luật Luật sư, Điều 86 và Điều 87

⁷¹ Luật Luật sư, Điều 61, 62, 63 và Điều 67

Luật Luật sư quy định “*tổ chức xã hội- nghề nghiệp luật sư được thành lập để đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của luật sư...*”⁷². Tổ chức xã hội- nghề nghiệp được đề cập chính là ĐLS địa phương và Liên đoàn Luật sư Việt Nam⁷³. Nhưng công tác “*đại diện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư*” thì chưa được luật hóa. Vấn đề này cần được nghiên cứu một cách cụ thể khoa học bao gồm cả vấn đề tính tự chủ của tổ chức xã hội- nghề nghiệp hoặc sự hỗ trợ về cơ chế, pháp luật của Nhà nước trong công tác này.

đ. Luật Khiếu nại, tố cáo:

Luật Khiếu nại Tố cáo số 09/1998/QH10 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 02/12/1998 (“Luật Khiếu nại Tố cáo 1998”) đã không quy định rõ về vai trò của luật sư trong việc giúp đỡ người khiếu nại, tố cáo trong các thủ tục hành chính.

Nhưng Luật Khiếu nại Tố cáo năm 2005 đã sửa đổi để cho phép luật sư được tư vấn cho khách hàng về pháp luật trong quá trình khiếu nại⁷⁴. Trong trường hợp người khiếu nại nhờ luật sư giúp đỡ về pháp luật thì luật sư có quyền tham gia trong quá trình giải quyết khiếu nại⁷⁵.

g. Luật Trợ giúp Pháp lý:

Trợ giúp pháp lý (“TGPL”) là trách nhiệm của nhà nước đối với nhóm người yếu thế trong xã hội (người nghèo, trẻ vị thành niên...). Luật Trợ giúp Pháp lý khuyến khích tổ chức hành nghề luật sư và luật sư, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác tham gia thực hiện, đóng góp, hỗ trợ hoạt động TGPL⁷⁶.

Phạm vi TGPL của Trung tâm TGPL là tư vấn pháp luật; tham gia tố tụng; đại diện ngoài tố tụng và các hình thức TGPL khác như: giúp đỡ hộ hoà giải, thực hiện những công việc liên quan đến thủ tục hành chính, khiếu nại và các hoạt động khác cho người được trợ giúp theo quy định của pháp luật⁷⁷.

Khi tham gia hoạt động tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng phải cấp giấy chứng nhận người bào chữa, giấy chứng nhận người bảo vệ quyền lợi của đương sự trong vụ án hình sự hoặc giấy chứng nhận người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự, vụ án hành chính cho trợ giúp viên pháp lý, luật sư.

III. KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Vai trò của người luật sư đã được ghi nhận từ rất sớm khi thành lập nhà nước cách mạng. Nhưng các chính sách, quy định về vai trò của luật sư trong xã hội tại từng giai đoạn lịch sử có khác nhau nên đã tạo nên những nhận thức chưa sâu sắc và thuận lợi đối với vai

⁷² Luật Luật sư, Điều 7.

⁷³ Luật Luật sư, Điều 61 và Điều 65.

⁷⁴ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo số 58/2005/QH11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 29/11/2005 (“Luật Khiếu nại Tố cáo”), Điều 1, Khoản 2.

⁷⁵ Luật Khiếu nại Tố cáo, Điều 1, Khoản 9, 18.

⁷⁶ Luật Trợ giúp pháp lý số 69/2006/QH11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 29/06/2006 (“Luật TGPL”), Điều 6.

⁷⁷ Luật TGPL, Điều 28, 29, 30 và Điều 31.

trò của luật sư trong xã hội, trong các hoạt động tố tụng và các hoạt động bảo vệ quyền và lợi ích của công dân.

Các nghị quyết của Bộ Chính trị gần đây đã yêu cầu “*đổi mới việc tổ chức phiên toà xét xử, xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên toà xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp*”⁷⁸.

“*Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về hỗ trợ tư pháp (luật sư, công chứng, giám định, cảnh sát tư pháp...) theo hướng đáp ứng ngày càng đầy đủ, thuận lợi các nhu cầu đa dạng về hỗ trợ pháp lý của nhân dân, doanh nghiệp; thực hiện xã hội hoá mạnh mẽ các hoạt động hỗ trợ tư pháp; kết hợp quản lý nhà nước với tự quản của các tổ chức xã hội nghề nghiệp.*”

Cải cách mạnh mẽ các thủ tục tố tụng tư pháp theo hướng dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch, chặt chẽ, nhưng thuận tiện, bảo đảm sự tham gia và giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp; bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên toà xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại toà làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án, coi đây là khâu đột phá để nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp”⁷⁹

“*Hoạt động nghề nghiệp của luật sư nhằm góp phần bảo vệ công lý, phát triển kinh tế và xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”⁸⁰ là một khẳng định và nhấn mạnh về chức năng và vai trò của luật sư trong một xã hội.

Để thực hiện được mục tiêu chính trị nêu trên đồng thời thực thi một triệt để các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia thì các chính sách, quy định pháp luật trong nước cần phải được nghiên cứu một cách thấu đáo.

Nghiên cứu lý thuyết nêu trên không phải là một nghiên cứu chuyên sâu về lý thuyết của các quy định pháp luật, so sánh với các điều ước quốc tế và yêu cầu chính trị mà chỉ nhằm khái quát một số vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của luật sư cũng như là công tác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư. Từ những phân tích này, tạm thời có thể nhận thấy rằng tinh thần căn bản của các quy định pháp luật trong nước đã phần lớn phù hợp với các vấn đề chủ yếu của các điều ước quốc tế liên quan đến quyền cơ bản của luật sư và việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư. Tuy nhiên, quy định hướng dẫn thực thi pháp luật vẫn còn có những vấn đề cần được xem xét để hoàn thiện như:

- Các văn bản hướng dẫn cụ thể về việc bảo đảm “tính độc lập” của luật sư, như luật sư có quyền được nghiên cứu hồ sơ vụ án một cách độc lập và thích hợp về thời gian. Luật sư được phép gặp riêng và đủ thời gian với khách hàng của mình tại trại tạm giam, tạm giữ trong quá trình tố tụng nhưng phải tuân thủ quy định của pháp luật về “không làm lộ bí mật điều tra”. Văn bản hướng dẫn cần cụ thể ở mức độ cao

⁷⁸ Nghị quyết số 49--NQ-TW ngày 02/06/2005 của Bộ Chính trị về “*Chiến lược Cải cách Tư pháp đến 2020*”, Đoạn 2.2

⁷⁹ Nghị quyết số 48--NQ-TW ngày 24/05/2005 của Bộ Chính trị về “*Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*”, Đoạn II.2.

⁸⁰ Luật Luật sư, Điều 3.

nhất có thể được, như quy định rõ về cấp giấy chứng nhận người bào chữa. Giấy chứng nhận quyền bào chữa là cơ sở để thực hiện quyền tham gia của luật sư trong các giai đoạn tố tụng.

- Cần nghiên cứu một cách cụ thể khoa học bao gồm cả vấn đề tính tự chủ của tổ chức xã hội-nghề nghiệp hoặc sự hỗ trợ về cơ chế, pháp luật của Nhà nước trong công tác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư.
- Pháp luật cần có quy định hướng dẫn cụ thể để bảo đảm rằng người luật sư (a) được thực hiện các chức năng chuyên môn của họ mà không bị đe dọa, cản trở hoặc can thiệp không đúng đắn; (b) có thể đi lại và trao đổi tự do với khách hàng của mình; và (c) không bị đe dọa, truy tố hay bị xử phạt hành chính hoặc hình thức khác đối với luật sư thực hiện công việc chuyên môn của mình. Quy định hướng dẫn này cần phải bắt buộc các cơ quan tư pháp khác thực thi nghiêm túc.

CHƯƠNG 3

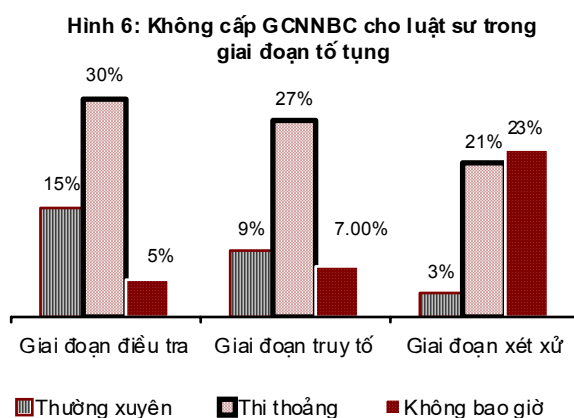
THỰC TẾ CÔNG TÁC BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA LUẬT SƯ

I. NHỮNG KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI LUẬT SƯ TRONG QUÁ TRÌNH HÀNH NGHỀ

1. Khái quát về những khó khăn đối với Luật sư trong quá trình hành nghề

1.1. Những xâm phạm về quyền và lợi ích của luật sư

Từ những phân tích ở Chương 2 cho thấy hoàn cảnh lịch sử đã có thể tác động tới nhận thức của xã hội đối với vai trò, địa vị của người luật sư hiện tại. Kết quả khảo sát đã cho thấy trên thực tế có rất nhiều hành vi xâm phạm tới quyền và lợi ích của luật sư trong quá trình hành nghề. Nhóm Nghiên cứu đã tổng hợp được một số vi phạm điển hình xâm phạm tới quyền và lợi ích của luật sư, bao gồm:



a. Cơ quan tiến hành tố tụng không cấp giấy chứng nhận người bào chữa (“GCNNBC”):

Việc không cấp GCNNBC được phản ánh rất trên các phương tiện truyền thông đại chúng và nhiều cuộc họp ĐLS kể từ khi BLTTHS (năm 2003) quy định về chế định

này⁸¹. Mặc dù, để khẳng định “quyền” này của luật sư, Luật Luật sư cũng khẳng định lại quyền được cấp GCNNBC năm 2006⁸². Có 2 ĐLS báo cáo là tình trạng này xảy ra thường xuyên với các luật sư thành viên của đoàn, thậm chí là rất nhiều nên “không thống kê được”. Có đến 15% luật sư cho rằng họ thường xuyên không được cấp GCNNBC trong giai đoạn điều tra và 60% luật sư thì cho rằng họ thì thoảng không được cấp trong giai đoạn này (xem Hình 6).

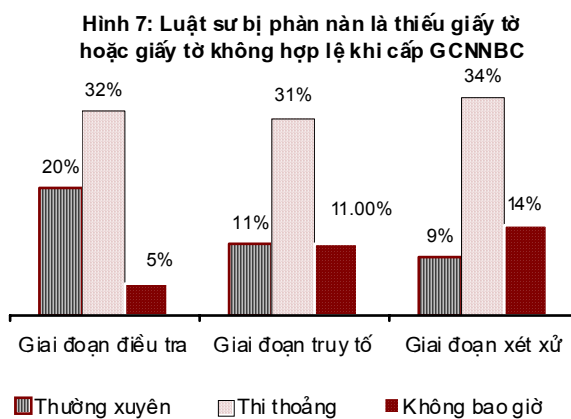
9/24 luật sư được phỏng vấn thì lại có ý kiến khác. Các luật sư này cho rằng hiện nay các cơ quan tiến hành tố tụng “không quá gây khó dễ” trong công tác cấp GCNNBC. Các cơ quan này vẫn cấp GCNNBC cho luật sư khi được yêu cầu. Tuy nhiên, luật sư có được giấy này thì cũng không thể nào gặp được bị can, bị cáo hay tiếp xúc hồ sơ của vụ án mà phải chờ cho đến khi cán bộ thụ lý cho phép. Lý do mà các cán bộ thụ lý này đưa ra thường là “bạn quá nên chưa thể vào gặp bị can, bị cáo được”, “chưa có lịch hỏi cung”, “khi nào đi hỏi cung thì tôi sẽ gọi”, “chúng tôi cần phải giữ bí mật điều tra, lúc khác luật sư gọi lại nhé”... cho nên các luật sư không thể nào tiếp cận khách hàng của mình được.

⁸¹ Ý kiến khó khăn trong việc cấp GCNNBC cũng được nêu ra trong một số cuộc hội thảo như: Hội thảo “Luật sư Việt Nam và hội nhập quốc tế” do ĐLS Hà Nội tổ chức ngày 14/10/2006; Hội thảo “Hoạt động luật sư trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự” do ĐLS Hà Nội tổ chức ngày 06/10/2007; Hội thảo “Bộ luật Tố tụng Hình sự - Những vấn đề cần được sửa đổi, bổ sung” do ĐLS Hà Nội tổ chức ngày 08/10/2009, Hà Nội; và qua rất nhiều bài viết như: Dư Hoàng Châu, “Bảo đảm quyền bào chữa trong giai đoạn điều tra”, website Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân; Phan Trung Hoài, “Một số ý kiến về thực trạng và nhu cầu hình thành cơ chế bảo vệ quyền lợi luật sư ở nước ta hiện nay”, tác giả cung cấp; VnExpress, “Gặp khó, luật sư tố khổ tới Phó Thủ tướng”, <http://vnexpress.net/GL/Phap-luat/2006/08/3B9ECED4/>

⁸² Luật Luật sư, Điều 27.

Có 5/24 luật sư khác cho biết họ thường xuyên khuyên khách hàng của mình là chưa nên tham gia từ giai đoạn điều tra vì “*chẳng giúp được gì nhưng lại có thể gặp rủi ro*”. “*Rủi ro*” mà các luật sư này cho biết có thể là luật sư không được tham gia tích cực trong giai đoạn điều tra nhưng lại có thể bị CQĐT yêu cầu tham gia vào một hoặc một số hoạt động điều tra, hoặc xác nhận vào một số chứng cứ, tài liệu điều tra trong khi họ lại không được tham gia một cách liên tục. Theo các luật sư này thì tốt nhất là nên tham gia vào vụ án từ giai đoạn truy tố (hồ sơ vụ án được chuyển sang VKS) (xem thêm những ý kiến được nêu ở Mục 2 (a) dưới đây).

b. Yêu cầu luật sư quá nhiều giấy tờ để cấp GCNNBC:



Tình trạng không cấp GCNNBC hiện nay đang được giảm bớt tại một số cơ quan và một số địa phương nhưng thay vào đó thì tình trạng yêu cầu luật sư nhiều loại giấy tờ để cấp GCNNBC (xem thêm các chỉ số khảo sát ở trên và dưới đây). Có hai ĐLS báo cáo là “*không thống kê được số lượng giấy tờ*” mà các luật sư bị yêu cầu quá nhiều và không đúng theo các quy định của pháp luật. Các luật sư phản ánh rằng họ thường xuyên thực hiện theo đúng các quy định của BLTTHS và Luật Luật sư về những giấy tờ cần phải xuất trình cho

CQĐT để được cấp GCNNBC, CQĐT không từ chối cấp GCNNBC nhưng lại cho rằng các giấy tờ cần phải nộp theo quy định lại “*không hợp lệ*” hoặc “*thiếu*” (xem Hình 7).

Theo kết quả khảo sát bằng phỏng vấn sâu và kết quả khảo sát tại Mục 2 (b) dưới đây, thì tình trạng này vẫn còn diễn ra rất phổ biến ở nhiều địa phương.

c. Không tạo điều kiện cho Luật sư được sao chụp, đọc tài liệu hồ sơ liên quan đến vụ án:

Có hai ĐLS báo cáo là “*không thống kê được*” về tình trạng không tạo điều kiện này. Thực tế, tình trạng này hiện nay diễn ra không mang cấp độ đặc thù của địa phương hay cấp tòa án. Tại Chương IV Phần 2 các luật sư phản ánh rằng tình trạng không tạo điều kiện cho luật sư được sao chụp, đọc tài liệu hồ sơ của vụ án chủ yếu là phụ thuộc vào ý chí chủ quan của cá nhân kiểm sát viên, thẩm phán hoặc thư ký tòa án. Người luật sư phải biết cách “*ứng xử*” trong quan hệ với những cán bộ này để được tạo điều kiện.

Việc sao chụp, đọc tài liệu hồ sơ của luật sư không diễn ra trong giai đoạn điều tra vì các luật sư cho rằng pháp luật quy định về việc bảo vệ bí mật điều tra nên CQĐT không cho phép luật sư được tiếp cận hồ sơ vụ án trong quá trình điều tra.

d. Không tạo điều kiện cho Luật sư được thực hiện vai trò người đại diện cho khách hàng:

Hai ĐLS báo cáo là “*không thống kê được*” vấn đề này. Các luật sư qua khảo sát bằng phiếu hỏi và phỏng vấn sâu ở Chương IV, Mục 2.d dưới đây có nhiều ý kiến khác nhau về vấn đề này, nhưng tựu chung cho rằng quy định pháp luật nói chung và thái độ của các cơ

quan hành chính, cơ quan tiến tố tụng chưa tạo điều kiện cho luật sư được thực hiện vai trò người đại diện cho khách hàng. Nhiều cơ quan hành chính từ chối tiếp luật sư cho dù luật sư có giấy ủy quyền. Một số cơ quan hành chính khác thì yêu cầu giấy ủy quyền phải được chứng thực hoặc công chứng. Một số cơ quan tòa án từ chối sự hiện diện của luật sư tại các buổi hòa giải, lấy lời khai trong các vụ án dân sự.

e. Yêu cầu ký luật luật sư:

Có 4 trường hợp của 3 ĐLS nhận được yêu cầu ký luật luật sư từ phía các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan tiến hành tố tụng. Tạm gác vấn đề về truy cứu trách nhiệm và hành vi của luật sư, việc các cơ quan nhà nước trực tiếp yêu cầu ĐLS phải ký luật luật sư đã đặt ra vấn đề về vai trò tự quản (tính độc lập) của ĐLS theo các quy định của pháp luật⁸³ (xem thêm phân tích tại Chương IV, Mục 3.d dưới đây).

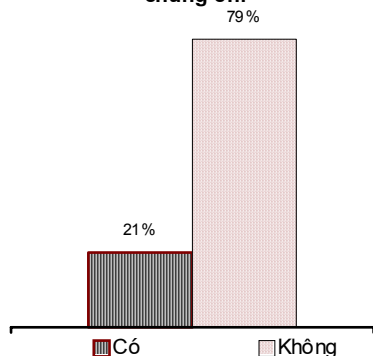
f. Đe dọa hoặc sử dụng vũ lực đối với luật sư:

g.

Có một ĐLS ở miền núi Tây Nguyên báo cáo là “không thống kê được” các vụ việc đe dọa hoặc sử dụng vũ lực đối với luật sư.

Theo như kết quả khảo sát được nêu tại Chương IV Mục 1.c, các hành vi đe dọa hoặc trực tiếp sử dụng vũ lực với các luật sư vẫn tiếp tục là một thách thức đối với nghề luật sư. Điều đáng lưu tâm là hiện nay chưa có một chế định rõ ràng hoặc một biện pháp chống các hành vi đe dọa hoặc sử dụng vũ lực trực tiếp đối với luật sư.

Hình 8: Cán bộ thụ lý gợi ý luật sư yêu cầu đương sự phải “chung chi”

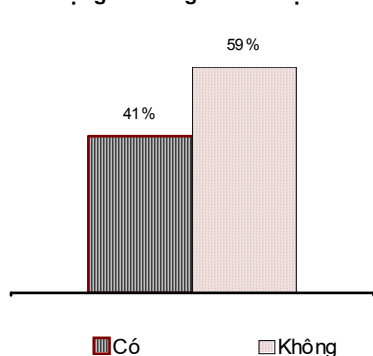


h. Ép buộc luật sư phải thực hiện các hành vi đưa hối lộ:

Có một ĐLS ở miền núi Tây Nguyên báo cáo là “không thống kê được” các vụ việc này. Kết quả khảo sát được nêu tại Mục 1.2 dưới đây và Hình 8 ở bên cho thấy có hiện tượng một số cán bộ biến chất ép buộc luật sư phải thực hiện các hành vi đưa hối lộ. Tuy nhiên, theo 79% luật sư khảo sát bằng bảng hỏi cho rằng hiện tượng này mới chỉ dừng lại ở mức hiện tượng nhưng không chuyển hóa thành những hành vi “gợi ý luật sư yêu cầu đương sự phải chung chi”. Vấn đề này sẽ được nêu cụ thể hơn ở

Mục 1.2 dưới đây. Điều đáng lưu ý rằng, nhiều luật sư đã ngần ngại đấu tranh chống lại các hành vi trái pháp luật này.

Hình 9: Can thiệp vào hoạt động hành nghề của luật sư



i. Can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động hành nghề của Luật sư:

Có một ĐLS ở miền núi Tây Nguyên báo cáo là “không thống kê được” các vụ việc này. Một ĐLS ở Miền Nam báo cáo 02 vụ và hai ĐLS ở Miền Trung cũng thông báo mỗi tỉnh có 01 vụ.

Qua khảo sát được nêu tại các Phần 2, 3, 4 và 5 của Chương này và ở Hình 9 ở bên, các luật sư đã phản ánh

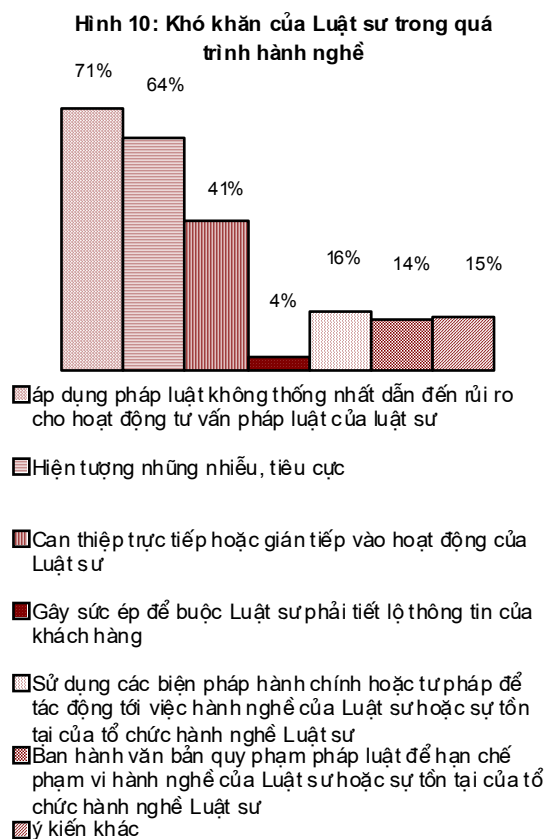
⁸³ Luật Luật sư, Điều 6 và Điều 84.

có hành vi can thiệp trực tiếp vào hoạt động hành nghề của luật sư từ các cơ quan hành chính và cơ quan tiến hành tố tụng. Đây là vấn đề cần phải được giải quyết thấu đáo để bảo đảm quyền hành nghề của luật sư, quyền và lợi ích của công dân.

j. Văn bản quy phạm pháp luật ở địa phương, văn bản hành chính có nội dung can thiệp trực tiếp vào hoạt động của luật sư:

Một ĐLS ở miền núi Tây Nguyên đã báo cáo là tại địa phương mình có một văn bản hành chính có nội dung can thiệp trực tiếp vào hoạt động của luật sư.

Qua các thông tin nêu trên có thể thấy rằng tình trạng vi phạm quyền và lợi ích của luật sư vẫn đang diễn ra tại một số địa phương. Các cơ quan tiến hành tố tụng còn can thiệp quá nhiều và không hợp tác với luật sư trong quá trình hành nghề tại địa phương.



1.2. Những khó khăn mà Luật sư thường gặp phải trong quá trình hành nghề:

Ngoài những xâm phạm cụ thể được nêu ở trên, các luật sư còn phải đối mặt với những khó khăn khác trong quá trình hành nghề, như:

a. Việc áp dụng pháp luật không thống nhất

71% luật sư cho rằng khó khăn mà họ thường gặp phải trong quá trình hành nghề nhất là việc áp dụng pháp luật không thống nhất của các cơ quan tố tụng và cơ quan nhà nước. Việc này đã tạo nên rất nhiều rủi ro tiềm ẩn cho việc hành nghề luật sư (bao gồm tư vấn và tranh tụng) và có thể dẫn tới luật sư bị mất uy tín trước khách hàng, bồi thường cho khách hàng và có thể gây thêm rất nhiều chi phí phát sinh để giải quyết công việc của thân chủ (Hình 10) hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho rằng “có ý tư vấn trái luật” (xem Hộp 2).

b. Hiện tượng những nhiều, tiêu cực

Hiện tượng những nhiều, tiêu cực của các cơ quan nhà nước cũng là một khó khăn/thách thức lớn đối với người luật sư (chiếm 64%), trong đó có cả những hành vi “ép buộc luật sư phải thực hiện các hành vi đưa hối lộ” (ý kiến của 19/24 luật sư được phỏng vấn sâu). Có hai (02) luật sư ghi rõ vào phiếu hỏi rằng khó khăn lớn nhất của họ là cán bộ thụ lý yêu cầu họ phải “*hối lộ nếu muốn công việc được thuận lợi*”.

Hiện tượng này ảnh hưởng trực tiếp tới vai trò tốt đẹp của luật sư đó là góp phần bảo vệ công lý. Trước hiện tượng này, người luật sư sẽ phải đối mặt với việc phải chấp nhận “tiêu cực” để mình và khách hàng được việc (15/24 luật sư được phỏng vấn sâu đã có quan điểm này) hoặc phải chấp nhận đương đầu với “tiêu cực” mà hậu quả là khách hàng và bản thân luật sư sẽ không được việc (4/24 luật sư được phỏng vấn sâu đã có quan điểm này).

Tất cả các luật sư được phỏng vấn cho rằng họ sẽ phụ thuộc vào nhu cầu của các khách hàng và các yếu tố khác khi giải quyết vụ việc để quyết định cách thức xử lý đề nghị “hối lộ”. Trong đó, ba (03) luật sư tư vấn đã có ý kiến rằng khách hàng nước ngoài của họ (chủ yếu là những công ty của Hoa Kỳ hoặc khối EU) không chấp nhận bất kỳ những vấn đề nào có liên quan đến tiêu cực (dù ít hay nhiều) vì những quốc gia này có đạo luật chống liên quan đến tham nhũng ở nước ngoài. Cho nên, các luật sư này phải tìm cách giải quyết “khéo léo” khi có đề nghị “hối lộ” đưa ra.

c. Gây sức ép để buộc luật sư cung cấp thông tin của khách hàng

Các luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng họ không gặp phải vấn đề này. Tuy nhiên, có một luật sư cho rằng vẫn còn tồn tại nhưng là nghe luật sư khác nói lại. Nhưng luật sư này khẳng định rằng các cơ quan nhà nước không gây sức ép một cách chính thức hay bằng văn bản cụ thể về việc cung cấp thông tin mà vấn đề này chỉ xảy ra trong trường hợp cán bộ thụ lý vụ việc có mối quan hệ cá nhân với luật sư của vụ việc. Việc cung cấp thông tin chỉ là trên cơ sở mối quan hệ cá nhân “*có đi-có lại*” giữa hai người.

Hộp 2 : UBND Tp. Hà Nội đề nghị xử lý luật sư

Văn phòng luật sư Tạ Đình (thuộc ĐLS Hà Nội) nhận tư vấn pháp lý cho hơn 200 hộ dân ở cụm dân cư Bằng A, thuộc phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Tp. Hà Nội. Những hộ dân này chịu ảnh hưởng của dự án Khu đô thị mới Tây Nam hồ Linh Đàm. Dự án này đã được UBND TP. Hà Nội ra quyết định thu hồi đất từ năm 2007 với một diện tích đất nông nghiệp khá lớn.

Tuy vậy, đã 2 năm qua, công việc bồi thường giải phóng mặt bằng mới chỉ có 1/3 số hộ dân đồng ý nhận tiền đền bù. Số còn lại, hơn 200 hộ dân đã khiếu nại lên chính quyền các cấp trong mấy năm nay.

Trong lúc đang tiến hành công việc trợ giúp pháp lý cho các hộ dân (tháng 6/2009) thì luật sư Tạ Đình nhận được văn bản số 5500/UBND-TNMT của UBND Tp. Hà Nội có nội dung đề nghị Sở Tư pháp Hà Nội “*có biện pháp xử lý nghiêm đối với Văn phòng luật sư Tạ Đình, đồng thời có văn bản chấn chỉnh hoạt động của các Văn phòng Luật sư, tư vấn pháp luật trên địa bàn (mà Sở (Tư pháp) đã cấp Giấy đăng ký hoạt động) tuân thủ các quy định của pháp luật, báo cáo kết quả về Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 30/6/2009.*”

Trước đó, Sở Tư pháp Hà Nội có báo cáo gửi UBND Tp. Hà Nội (theo văn bản số 176/BC-STP ngày 3/6/2009) cho rằng VPLS Tạ Đình đã tư vấn sai.

Một số tờ báo cho rằng VPLS Tạ Đình đã tư vấn sai luật như Báo An Ninh Thủ đô với bài “Văn phòng Luật sư tư vấn sai luật”, Báo Kinh tế - Đô thị với bài “Khi người tư vấn pháp lý không ... rành luật”.

ĐLS Tp. Hà Nội đã có văn bản số 326/ĐLS gửi tới Báo An Ninh Thủ đô đưa ra phân tích của ĐLS để “*đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư trong hành nghề*”. ĐLS Hà Nội đề nghị Báo An Ninh Thủ đô đăng lại toàn văn công văn này để công luận được rõ. Chủ nhiệm ĐLS cũng phát biểu trên tờ báo khác về “nguyên nhân” của sự việc này là do “*cách hiểu khác nhau về Điều 40 của Luật Đất đai*”.

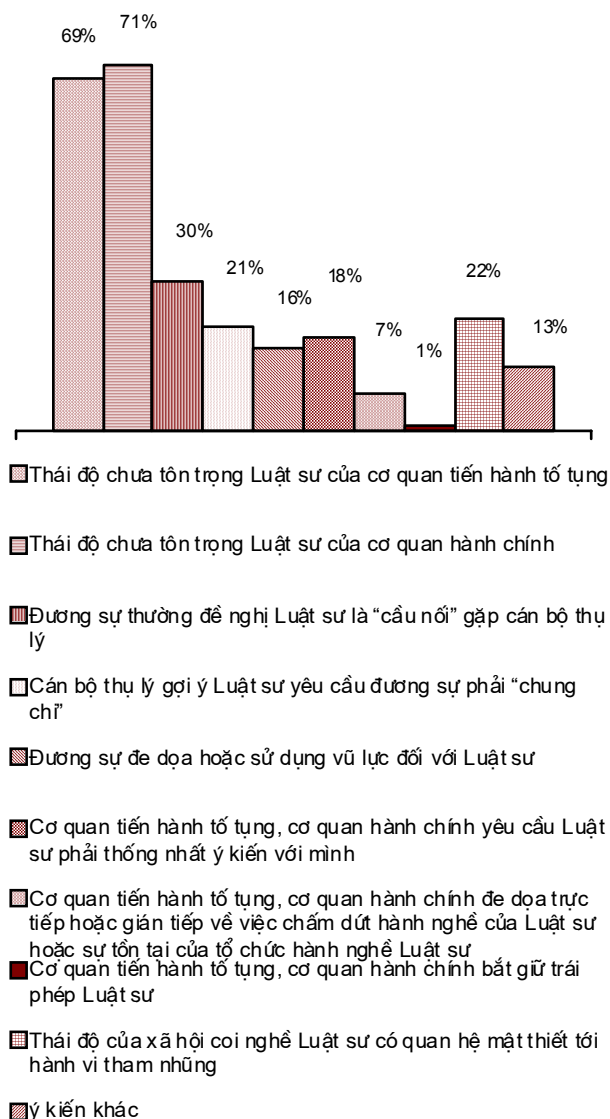
Theo Vietnamnet, An Ninh Thủ Đô, Pháp lý, Kinh tế - Đô thị

d. Sử dụng các biện pháp để tác động tới việc hành nghề của luật sư

Tất cả các luật sư chuyên về tranh tụng cho rằng các cơ quan tiến hành tố tụng có những biện pháp tác động tới việc hành nghề của luật sư. Mỗi luật sư có một câu chuyện khác nhau về các biện pháp tác động của cơ quan tiến hành tố tụng như: hợp liên ngành tư pháp (cơ quan điều tra-viện kiểm sát-tòa án) về định hướng công tác xét xử, ban hành quy chế tiếp làm việc với luật sư, nhận xét không tốt về đoàn luật sư nói chung hoặc cá nhân luật sư trước phiên tòa, hội đồng nhân dân, tỉnh ủy... thậm chí tại cả các phiên họp của đoàn luật sư. Ngoài ra, còn một số biện pháp khác sẽ được nêu và phân tích trong Báo cáo khảo sát này.

Có ba (03) luật sư được phỏng vấn sâu ở 3 địa phương khác nhau cho rằng cơ quan chính quyền địa phương có biện pháp tác động tới việc hành nghề của luật sư với nhiều hình thức như UBND tỉnh gửi công văn tới Sở Tư pháp đề nghị chấn chỉnh hoạt động của các văn phòng luật sư trên địa bàn.

Hình 11: áp lực của Luật sư trong quá trình hành nghề



Có sáu (06) luật sư cho rằng những đương sự của vụ án cũng nhiều tác động vào quá trình hành nghề của họ. Có hai (02) luật sư này phản ánh rằng họ đã từng bị đương sự hoặc gia đình đương sự đe dọa hoặc trực tiếp tấn công xâm phạm thân thể của họ để nhằm ép buộc họ trong quá trình hành nghề. Bốn (04) luật sư còn lại thì phản ánh rằng họ có biết hoặc nghe nói rằng có những trường hợp luật sư bị đương sự ép buộc. Các luật sư đều cho rằng công tác bảo vệ luật sư hiện nay là yếu.

đ. Ban hành các văn bản pháp luật nhằm hạn chế phạm vi hành nghề của luật sư

Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền can thiệp can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động của luật sư cũng ở mức tương đối cao chiếm 41% trong tổng số phiếu trả lời của luật sư (Hình 6).

Trong quá trình phỏng vấn sâu, tất cả các luật sư cho rằng BLTTHS và BLTTDS đã giới hạn nhiều phạm vi hành nghề của luật sư. Không có luật sư nào đưa ra được bằng chứng về việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền (trung ương và địa phương) đã ban hành các văn bản pháp luật nhằm hạn chế phạm vi hành nghề của luật sư.

1.3 Những áp lực mà Luật sư thường

gặp phải trong quá trình hành nghề:

Luật sư có quá nhiều áp lực khác trong quá trình hành nghề bên cạnh những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hoặc những khó khăn khách quan và chủ quan như đã nêu ở trên. Nhóm Nghiên cứu đã khái quát những áp lực mà nhiều luật sư đang gặp phải trên thực tế như đã minh họa ở Hình 11.

a. Thái độ chưa tôn trọng luật sư của cơ quan hành chính và cơ quan tiến hành tố tụng:

Áp lực lớn nhất mà luật sư thường gặp phải trong quá trình hành nghề là thái độ chưa tôn trọng luật sư của cơ quan hành chính (71%) và thái độ chưa tôn trọng luật của cơ quan tiến hành tố tụng (69%). Có rất nhiều hình thức bộc lộ thái độ thiếu tôn trọng luật sư của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, như: không chấp nhận luật sư là người đại diện của người thực hiện thủ tục hành chính, yêu cầu luật sư phải thực hiện các công việc của nhân viên hành chính tại tòa án, yêu cầu luật sư không được ngồi cùng với thân chủ khi tòa án lấy lời khai, chỉ chấp nhận luật sư với tư cách là nhân viên của thân chủ...

Có hai (02) luật sư khi được phỏng vấn sâu phản ánh thêm rằng thái độ coi thường luật sư còn thể hiện bằng lời nói công khai của cán bộ nhà nước rằng luật sư chỉ làm thêm “hồng việc”. Có một (01) luật sư cho rằng cán bộ nhà nước đã từng nói với thân chủ của ông rằng luật sư chỉ làm vấn đề thêm phức tạp mà thôi và một trường hợp khác thì cán bộ cho rằng hành nghề vì lợi nhuận (tiền phí luật sư) cho nên họ không khách quan, công bằng mà chỉ nghĩ kiếm được nhiều tiền...

Thái độ chưa tôn trọng luật sư của cơ quan quyền lực nhà nước là đi ngược lại chỉ đạo và thông điệp của Thủ tướng Chính phủ về việc phải tôn trọng và nâng cao vị thế của luật sư trong cuộc gặp gỡ với luật sư vào cuối năm 2009 như đã nêu ở trên. Thái độ đó cũng làm giảm vai trò và hình ảnh của luật sư trong nhận thức của xã hội và tạo ra những rào cản cho hoạt động nghề nghiệp của luật sư.

Tất cả các ý kiến của lãnh đạo tòa án, VKS từ cấp tỉnh đến cấp huyện được phỏng vấn đều cho rằng “*luật sư có vai trò là rất cần thiết trong các vụ án hình sự và phi hình sự*” và “*luật sư là lực lượng phản biện xã hội, là cầu nối giữa người dân với các cơ quan chính quyền, góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền*”. Tuy nhiên, các kiểm sát viên và thẩm phán (những người không giữ chức quản lý) được phỏng vấn cho rằng luật sư phải làm theo yêu cầu của khách hàng cho nên luật sư chủ yếu chỉ tìm cách “lách” hay “vận dụng pháp luật” theo hướng có lợi cho mình, mà không có lợi cho cộng đồng chung. Ý kiến của luật sư do vậy mà không có tính độc lập và xây dựng trật tự xã hội chung.

Về vấn đề này, nhiều luật sư khi được phỏng vấn sâu và trả lời bảng hỏi đã cho biết đặc biệt là các CQĐT thường nói xấu luật sư để bị can/bị cáo không mời hoặc từ chối luật sư nhằm chạy án hoặc cản trở luật sư tham gia giai đoạn điều tra vì nhiều lý do (xem thêm Hình 11).

b. Thái độ chưa tôn trọng luật sư của cơ quan hành chính

Tất cả các luật sư được phỏng vấn sâu đều cho rằng cơ quan hành chính nói chung chưa có thói quen làm việc với luật sư. Các luật sư khi đại diện cho khách hàng trước các cơ quan hành chính thường phải thực hiện dưới hình thức là cán bộ/nhân viên của khách hàng thì mới được cán bộ thụ lý của cơ quan hành chính tiếp.

Tuy nhiên, các luật sư được phỏng vấn sâu đều cho rằng việc được cơ quan hành chính chấp nhận làm việc hoàn toàn phụ thuộc vào mối quan hệ cá nhân giữa luật sư với cán bộ thụ lý của cơ quan hành chính. Mục 5 dưới đây sẽ nêu kỹ hơn những khó khăn mà luật sư gặp phải khi làm việc với các cơ quan hành chính.

c. Đương sự thường đề nghị luật sư là “cầu nối” gặp cán bộ thụ lý:

Có đến hai mươi (20) luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng họ đã từng được đề nghị là “cầu nối” để tiếp xúc với cán bộ thụ lý. Những luật sư này cho rằng phần lớn khách hàng Việt Nam hoặc một số nước châu Á khi gặp vấn đề pháp lý hoặc vướng mắc về thủ tục hành chính thì thường đề nghị luật sư tìm cách liên hệ với người có thẩm quyền giải quyết vấn đề.

Như đã từng nêu ở vấn đề “tiêu cực” ở trên, nhiều luật sư phải chấp nhận cơ chế “thỏa hiệp” với khách hàng để nhằm bảo đảm quyền lợi cho khách hàng. Tất cả các luật sư được phỏng vấn đều nói là mình không muốn làm việc “cầu nối”.

1.4 Những lĩnh vực mà luật sư thường gặp khó khăn nhất trong quá trình hành nghề

Số liệu thống kê tại Bảng 1 dưới đây cho thấy rằng các luật sư thường gặp khó khăn nhất trong lĩnh vực tố tụng hình sự và sau đó là tố tụng dân sự. Khi phỏng vấn sâu các luật sư tại các địa phương, Nhóm Nghiên cứu cũng nhận được kết quả tương tự.

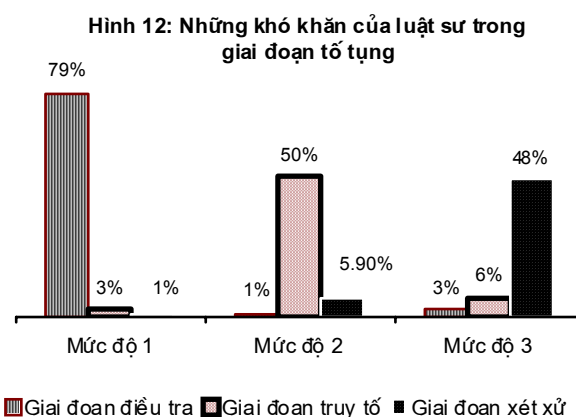
Bảng 1: Mức độ khó khăn trong những lĩnh vực luật sư thường gặp (% người trả lời)

Mức độ khó khăn	Tố tụng hình sự	Tố tụng dân sự	Đại diện ngoài tố tụng	Tố tụng trọng tài	Hoạt động tư vấn	Dịch vụ pháp lý khác
1	47	13	9	5	2	2
2	8	30	18	3	2	3
3	7	9	15	6	6	9
4	3	6	7	9	11	10
5	3	3	3	10	18	7
6	3	1	2	9	8	18
Không trả lời	29	38	46	58	54	51

2. Khó khăn về quyền và lợi ích của Luật sư trong các vụ án hình sự

a. Những khó khăn đối với Luật sư trong các giai đoạn tố tụng

Số liệu khảo sát qua bảng hỏi và ý kiến của các luật sư được phỏng vấn sâu đều chỉ ra rằng trong các giai đoạn tố tụng thì khó khăn nhất là ở giai đoạn điều tra (Hình 12). Các luật sư còn cho biết thêm trong giai đoạn điều tra, CQĐT thường sử dụng nhiều “Biện pháp nghiệp vụ” để gây khó khăn cho luật sư chủ yếu trong việc tiếp xúc với bị can/bị cáo đang bị tạm giam. Có 3/7 kiểm sát viên cũng đồng ý với quan điểm này.



luật sư chủ yếu trong việc tiếp xúc với bị can/bị cáo đang bị tạm giam. Có 3/7 kiểm sát viên cũng đồng ý với quan điểm này.

b. Những khó khăn Luật sư gặp phải trong giai đoạn điều tra

Giai đoạn điều tra là giai đoạn khó khăn nhất đối với các luật sư trong đó có 3 (ba)

khó khăn thường xuyên nhất là: cấp giấy chứng nhận người bào chữa quá thời hạn quy định và không được phép tiếp xúc với bị can, bị cáo trong trại tạm giam và không được sự hợp tác của cơ quan tiến hành tố tụng.

Bảng 2: Khó khăn của luật sư gặp phải trong giai đoạn điều tra (% người trả lời)

	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Không được cấp giấy chứng nhận người bào chữa	15	30	5
Được cấp giấy chứng nhận người bào chữa quá thời hạn quy định	37	23	5
Không được phép tiếp xúc với bị can, bị cáo trong trại tạm giam	31	30	4
Không được sự hợp tác của cơ quan tiến hành tố tụng	33	35	3
Thái độ coi thường Luật sư của cán bộ thụ lý	29	32	6

Do không thể thu xếp được các cuộc phỏng vấn sâu một cách chính thống với các CQĐT nên Nhóm Nghiên cứu không có được các ý kiến phản biện chính thức từ các cơ quan này. Nhưng với ý kiến từ các điều tra viên được phỏng vấn sâu, các điều tra viên đã bộc bạch rằng trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự, CQĐT thường phải đấu tranh với tội phạm để xây dựng hồ sơ buộc tội. Do đó, khi chưa có được những bằng chứng, lời khai chắc chắn và có tính chất quyết định để làm sáng tỏ vụ án thì điều tra viên sẽ hạn chế việc luật sư tiếp xúc với bị can, bị cáo trong trại tạm giam nhằm giới hạn khả năng bị thông cung, lộ bí mật điều tra hoặc không khai báo...

Một trong những biện pháp nghiệp vụ để hạn chế luật sư trong giai đoạn này là CQĐT sẽ trì hoãn việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa với nhiều lý do.

Bảng 3: Lý do từ chối hợp tác với luật sư của CQĐT (% người trả lời)

Lý do	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Thiếu giấy tờ hoặc giấy tờ không hợp lệ	20	32	5
Cần bảo đảm bí mật điều tra	38	21	2
Nhằm khai thác lời khai nhận tội của bị can trước khi có mặt Luật sư	53	17	4
Không xin được ý kiến chấp thuận của Thủ trưởng	25	33	3
Người bị tạm giữ/bị can/bị cáo có ý kiến hoặc bị tác động của điều tra viên nên từ chối sử dụng sự giúp đỡ của Luật sư	34	37	5
Im lặng, không trả lời và không đưa ra lý do	16	33	1

Ngoài những lý do nêu trên, các luật sư còn cho biết thêm rằng CQĐT thường viện dẫn các lý do chủ yếu sau để từ chối hợp tác với luật sư (ghi trực tiếp vào Phiếu hỏi):

- *Bạn chưa sắp xếp được thời gian.*
- *để khai thác lời khai nhận tội của bị can trước, điều tra viên đã tác động nên bị can từ chối luật sư.*
- *Lãnh đạo, điều tra viên đi công tác.*
- *CQĐT, VKS yêu cầu bị can, bị cáo không được mời luật sư, hoặc người nhà bị can, bị cáo mời luật sư thì CQĐT, VKS yêu cầu bị can từ chối hoặc dùng thủ thuật để không cho luật sư tham gia.*
- *Sợ luật sư tham gia làm khó cho công việc điều tra, kết luận và truy tố theo hướng họ định.*

Thậm chí có một số luật sư trả lời rằng thân chủ của họ nhận được “lời khuyên” của cán bộ điều tra là “không nên thuê luật sư”.

Ngay cả trong trường hợp luật sư đã được cấp giấy chứng nhận người bào chữa thì luật sư cũng không thể một mình đi tới trại tạm giam tiếp xúc với bị can/bị cáo mà không có điều tra viên đi cùng⁸⁴. Do đó, sáu (06) luật sư chuyên về hình sự cho rằng hiện nay CQĐT không quá gây khó dễ về việc cấp giấy chứng nhận người bào chữa như trước đây

⁸⁴ Phỏng vấn các kiểm sát viên VKSNDTC và VKSND tỉnh Phú Thọ, 2 luật sư.

nhưng khi luật sư liên hệ với các điều tra viên đề nghị được cung cấp lịch hỏi cung để cùng phối hợp thì các điều tra viên thường từ chối hoặc đưa ra lịch hỏi cung vào những lúc luật sư không thể chuẩn bị kịp để phối hợp. Dẫn đến, luật sư dù có giấy chứng nhận người bào chữa thì cũng không thể tới gặp bị can, người bị tạm giam.

Thông thường, để được cấp giấy chứng nhận người bào chữa trong giai đoạn điều tra, luật sư thường phải cung cấp cho CQĐT các giấy tờ sau (Bảng 5):

- Giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề luật sư (bản gốc)
- Giấy yêu cầu luật sư của khách hàng (bản gốc)
- Văn bản cử luật sư của tổ chức hành nghề luật sư (bản gốc)
- Thẻ luật sư và chứng chỉ hành nghề luật sư (bản sao công chứng)
- Hợp đồng ủy quyền của đương sự cho luật sư (bản gốc)

Tuy nhiên, trên thực tế một số luật sư mặc dù đã được người nhà của bị can/bị cáo mời để bào chữa cho bị can/bị cáo đang bị tạm giam nhưng CQĐT vẫn yêu cầu luật sư phải được sự đồng ý của bị can/bị cáo thì mới được cấp giấy chứng nhận người bào chữa. Điều này thực sự là “đánh đố” các luật sư vì họ không thể trực tiếp gặp bị can/bị cáo đang bị tạm giam khi không có giấy chứng nhận người bào chữa thì chưa được tiếp xúc với bị can/bị cáo.

Bảng 4: Giấy tờ cần phải có để được cấp giấy chứng nhận người bào chữa của CQĐT
(% người trả lời)

Giấy tờ	Bản gốc	Bản sao có công chứng	Bản sao thường
Thẻ Luật sư	12	48	34
Giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề Luật sư	69	13	6
Văn bản cử Luật sư của tổ chức hành nghề Luật sư	46	9	5
Giấy yêu cầu Luật sư của khách hàng	64	9	13
Hợp đồng dịch vụ pháp lý	14	4	8
Chứng từ thanh toán phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý	3	2	3
Chứng chỉ hành nghề Luật sư	10	35	25
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	4	14	6
Hợp đồng ủy quyền của đương sự cho Luật sư hoặc cho tổ chức hành nghề Luật sư	25	10	5

Có 6 luật sư cho biết thêm ngoài những giấy tờ nêu trên, trường hợp CQĐT còn yêu cầu luật sư phải xuất trình những giấy tờ sau:

- Bản sao chứng minh thư công chứng, chứng thực
- CQĐT yêu cầu chữ ký của người mời luật sư phải được chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
- Công văn của tổ chức hành nghề luật sư đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng cấp giấy chứng nhận người bào chữa cho luật sư
- Giấy đề nghị cấp giấy chứng nhận người bào chữa có xác nhận của tổ chức hành nghề Luật sư
- Giấy yêu cầu luật sư của khách hàng có dấu xác nhận của nơi cư trú cấp phường xã

Hộp 3: Phỏng vấn một điều tra viên

Chúng tôi cũng tạo điều kiện cho các luật sư tham gia trong quá trình điều tra. Tuy nhiên, không phải luật sư nào cũng sẵn lòng tham gia ngay. Nếu họ tham gia hỏi cung thì họ cũng chỉ được ngồi quan sát chứ không được hỏi vì luật định. Trong những buổi hỏi cung có luật sư, chúng tôi thường rà soát lại các thông tin chính của vụ án, thông tin về nhân thân của bị can. Sau đó, chúng tôi đề nghị luật sư ký tên vào bản cung.

c. Những khó khăn đối với luật sư trong giai đoạn truy tố

Giai đoạn truy tố mà Báo cáo tiếp cận là giai đoạn kể từ khi CQĐT kết thúc giai đoạn điều tra và chuyển hồ sơ sang Viện Kiểm sát (VKS) để xem xét và ra quyết định truy tố. Theo quy định của BLTTHS thì trong thời hạn 3 ngày kể từ ngày VKS ra quyết định truy tố, VKS phải thông báo cho bị can, người bào chữa biết; giao

bản cáo trạng cho bị can. Người bào chữa được đọc bản cáo trạng, ghi chép, sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa theo quy định của pháp luật và đề xuất yêu cầu⁸⁵ và cũng trong thời hạn 3 ngày này, VKS phải chuyển hồ sơ và bản cáo trạng đến Tòa án⁸⁶ và kết thúc giai đoạn truy tố.

Với quy định của BLTTHS nêu trên thì thời gian luật sư được tiếp cận với hồ sơ vụ án trong giai đoạn truy tố là rất ngắn nên trên thực tế hầu hết các luật sư được hỏi đều bỏ qua việc tiếp cận hồ sơ ở giai đoạn truy tố và sẽ tiếp cận hồ sơ vụ án sau khi đã được chuyển sang tòa án. Đối với một số vụ việc phức tạp, VKS nghiên cứu hồ sơ lâu thì luật sư mới thể tham gia vào giai đoạn này để có thể tiếp cận được thân chủ trong trại tạm giam.

Bảng 5: Khó khăn của luật sư gặp phải trong giai đoạn truy tố (% người trả lời)

Khó khăn của luật sư	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Không được cấp giấy chứng nhận người bào chữa	9	27	7
Được cấp giấy chứng nhận người bào chữa quá thời hạn quy định	15	25	8
Không được phép tiếp xúc với bị can, bị cáo trong trại tạm giam	9	27	10
Không được sự hợp tác của cơ quan tiến hành tố tụng	15	31	6
Thái độ coi thường Luật sư của cán bộ thụ lý	11	35	7

Có kiểm sát viên cho rằng luật sư thường rất “lười” đọc tài liệu ở giai đoạn truy tố. Có trường hợp ông gọi điện hỏi luật sư sao không lên đọc tài liệu thì vị luật sư này cho biết là đã có hồ sơ rồi (bản cáo trạng của VKS lấy từ bị can/bị cáo). Theo các kiểm sát viên được phỏng vấn kiểm sát viên “không ngại” có sự tham gia của luật sư vì bất kỳ lý do nào tại giai đoạn truy tố. Bởi lẽ, tại giai đoạn điều tra, hồ sơ vụ án đã được CQĐT làm chặt chẽ dưới sự kiểm sát điều tra của kiểm sát viên nên khi chuyển sang VKS không có vấn đề gì để phải cản trở sự tiếp cận của luật sư đối với hồ sơ vụ án. VKS cũng tạo điều kiện cho luật sư được tiếp xúc, gặp gỡ bị can/bị cáo đang bị tạm giam.

Bảng 6: Lý do từ chối hợp tác với luật sư của VKS (% người trả lời)

Lý do	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Thiếu giấy tờ hoặc giấy tờ không hợp lệ	11	31	11
Cần bảo đảm bí mật điều tra	9	23	15
Nhằm khai thác lời khai nhận tội của bị can trước khi có mặt Luật sư	12	22	13
Không xin được ý kiến chấp thuận của Thủ trưởng	8	29	12
Người bị tạm giữ/bị can/bị cáo có ý kiến hoặc bị tác động của điều tra viên nên từ chối sử dụng sự giúp đỡ của Luật sư	11	30	13
Im lặng, không trả lời và không đưa ra lý do	5	28	16

Để được cấp giấy chứng nhận người bào chữa trong giai đoạn truy tố, khảo sát bằng phiếu hỏi cho thấy những giấy tờ mà VKS yêu cầu luật sư phải trình như sau:

Bảng 7: Giấy tờ cần phải có để được cấp giấy chứng nhận người bào chữa của VKS (% người trả lời)

Giấy tờ	Bản gốc	Bản sao có công chứng	Bản sao thường
Thẻ Luật sư	7	42	28
Giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề Luật sư	60	14	3
Văn bản cử Luật sư của tổ chức hành nghề Luật sư	41	8	5
Giấy yêu cầu Luật sư của khách hàng	54	9	11
Hợp đồng dịch vụ pháp lý	10	3	8
Chứng từ thanh toán phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý	2	2	3
Chứng chỉ hành nghề Luật sư	5	30	23
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	3	10	7
Hợp đồng ủy quyền của đương sự cho Luật sư hoặc cho tổ chức hành nghề Luật sư	21	9	5

⁸⁵ BLTTHS, Điều 166 (1)

⁸⁶ BLTTHS, Điều 166 (3)

d. Những khó khăn đối với luật sư trong giai đoạn xét xử

Giai đoạn xét xử là giai đoạn cuối của quá trình tố tụng. Ý kiến của các luật sư hành nghề hình sự đều cho rằng cơ quan tòa án thường tạo điều kiện cho luật sư được tiếp cận hồ sơ từ rất sớm. Kết quả nghiên cứu bằng bảng hỏi cũng khẳng định được ý kiến này. Gần 23% luật sư cho rằng họ không bao giờ bị từ cấp giấy chứng nhận người bào chữa trong giai đoạn này hoặc 21% luật sư cho rằng không bị từ chối không cho phép tiếp xúc bị can, bị cáo trong trại tạm giam. Tỷ lệ này tích cực hơn so với các tỷ lệ tương tự của CQĐT (bảng 2) và VKS (bảng 5).

Bảng 8: Khó khăn của luật sư gặp phải trong giai đoạn xét xử (% người trả lời)

<i>Khó khăn của luật sư</i>	<i>Thường xuyên</i>	<i>Thỉnh thoảng</i>	<i>Không bao giờ</i>
Không được cấp giấy chứng nhận người bào chữa	3	21	23
Được cấp giấy chứng nhận người bào chữa quá thời hạn quy định	8	29	14
Không được phép tiếp xúc với bị can, bị cáo trong trại tạm giam	3	21	21
Không được sự hợp tác của cơ quan tiến hành tố tụng	6	37	10
Thái độ coi thường Luật sư của cán bộ thụ lý	8	35	10

Một thẩm phán cho rằng: “trong giai đoạn xét xử, tòa án thường tạo điều kiện cho luật sư được tham gia ngay khi luật sư có đề nghị. Thậm chí, khi xem xét hồ sơ vụ án nếu thấy bị can, bị cáo đã từng đề nghị luật sư ở các giai đoạn trước nhưng chưa được đáp ứng thì thẩm phán thường tạo điều kiện để bị can, bị cáo có khả năng có luật sư ở giai đoạn này. Lý do chính mà tôi phải làm vậy vì phải tránh khả năng bản án của tôi có thể bị hủy vì vi phạm tố tụng. Hơn nữa, có luật sư tham gia tôi sẽ có thêm được ý kiến đánh giá về hồ sơ vụ án để xét xử được tốt hơn...”

Các luật sư chuyên về hình sự được phỏng vấn cho rằng lý do chủ yếu mà cơ quan tòa án từ chối không hợp tác với luật sư chủ yếu là do luật sư không có đủ giấy tờ hợp lệ hoặc thẩm phán, thư ký tòa án chưa thể hợp tác với luật sư vì thủ trưởng chưa có ý kiến. Điều này cũng phù hợp với kết quả khảo sát bằng bảng hỏi ở dưới đây (Bảng 9).

Bảng 9: Lý do từ chối hợp tác với luật sư của tòa án (% người trả lời)

<i>Lý do</i>	<i>Thường xuyên</i>	<i>Thỉnh thoảng</i>	<i>Không bao giờ</i>
Thiếu giấy tờ hoặc giấy tờ không hợp lệ	9	34	14
Cần bảo đảm bí mật điều tra	3	16	26
Nhằm khai thác lời khai nhận tội của bị can trước khi có mặt Luật sư	4	13	28
Không xin được ý kiến chấp thuận của Thủ trưởng	3	25	20
Người bị tạm giữ/bị can/bị cáo có ý kiến hoặc bị tác động của điều tra viên nên từ chối sử dụng sự giúp đỡ của Luật sư	7	23	22
Im lặng, không trả lời và không đưa ra lý do	3	20	23

Tương tự như CQĐT và VKS, ngành tòa án không có hướng dẫn cụ thể về những loại giấy tờ mà người bào chữa cần phải xuất trình khi làm việc với tòa án bởi vậy các luật sư đều có ý kiến rằng mỗi tòa án, thậm chí mỗi thẩm phán lại có những yêu cầu khác nhau về giấy tờ cần phải xuất trình để được cấp giấy chứng nhận người bào chữa tại tòa án.

Bảng 10: Đòi hỏi về giấy tờ cấp giấy chứng nhận người bào chữa của tòa án (% người trả lời)

<i>Giấy tờ</i>	<i>Bản gốc</i>	<i>Bản sao có công chứng</i>	<i>Bản sao thường</i>
Thẻ Luật sư	9	40	34
Giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề Luật sư	63	13	5
Văn bản cử Luật sư của tổ chức hành nghề Luật sư	41	8	4
Giấy yêu cầu Luật sư của khách hàng	56	7	12
Hợp đồng dịch vụ pháp lý	9	3	8
Chứng từ thanh toán phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý	2	2	3
Chứng chỉ hành nghề Luật sư	6	29	26
Giấy chứng nhận đăng kí hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	3	9	7
Hợp đồng ủy quyền của đương sự cho Luật sư hoặc cho tổ chức hành nghề	23	8	6

3. Những khó khăn đối với Luật sư trong các vụ án phi hình sự

Khó khăn mà các luật sư gặp phải trong các vụ án phi hình sự (bao gồm: án dân sự, kinh tế, lao động, hành chính) chỉ là từ cơ quan tòa án. Khó khăn chủ yếu mà các luật sư gặp phải đó là tòa án chưa thực sự phối hợp với các luật sư trong việc thu thập chứng cứ hay tham gia định giá, kê biên tài sản (Bảng 11).

Bảng 11: Khó khăn đối với Luật sư trong các vụ án phi hình sự (% người trả lời)

TX = Thường xuyên; TT = Thi thoảng; KBG = Không bao giờ

	Tòa án cấp huyện			Tòa án cấp tỉnh			Tòa án cấp tối cao		
	TX	TT	KBG	TX	TT	KBG	TX	TT	KBG
Không cấp giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự	5	29	26	2	23	34	3	14	34
Không tạo điều kiện để tiếp xúc hồ sơ vụ án	10	51	13	6	42	17	5	28	26
Không chấp thuận cho Luật sư có mặt hoặc được quyền phát biểu ý kiến tại các buổi hòa giải	5	30	27	3	27	30	4	17	30
Không hỗ trợ Luật sư trong việc thu thập chứng cứ	23	44	6	21	42	5	18	31	10
Không tạo điều kiện cho Luật sư được tham gia định giá, kê biên tài sản...	21	36	10	16	32	11	12	24	16
Không trả lời, không hỗ trợ Luật sư khi hành nghề	15	37	7	12	34	8	10	28	11
Thái độ coi thường Luật sư của cán bộ thụ lý	19	39	9	11	37	11	8	30	12

Ngoài những khó khăn được khảo sát tại bảng hỏi nêu trên, một số luật sư còn ghi thêm những khó khăn khác mà họ gặp phải tại phiếu hỏi như sau:

- *Tòa án cố tình gửi chậm Giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp để luật sư tham gia tố tụng bị chậm.*
- *Gặp khó khăn trong các vụ án có dấu hiệu Bên đối phương "gửi gắm" Tòa;*
- *Đa phần cán bộ thụ lý đều ngại vụ việc có sự tham gia của luật sư, không muốn có luật sư tham gia tư vấn, bảo vệ cho đương sự;*
- *Tòa không gửi giấy thông báo cho luật sư về ngày giờ xét xử (chỉ gửi cho đương sự) kể cả các quyết định khác;*
- *Hồ sơ tài liệu quan trọng có thể bị cất dấu không cho vào hồ sơ để luật sư không biết, hồ sơ ở cấp sơ thẩm không được đánh bút lục gây khó cho luật sư khi nghiên cứu hồ sơ;*
- *Khó khăn hay gặp nhất là khâu thụ lý và nhận đơn. Có nhiều cán bộ nhận đơn trình độ về pháp luật rất yếu, làm khó khăn gián tiếp đến hoạt động của luật sư;*
- *Tòa án thường không chú ý đến quan điểm bảo vệ của Luật sư hoặc hạn chế thời gian, nội dung phát biểu của luật sư.*

Khi thảo luận với các thẩm phán, tất cả các thẩm phán đều cho rằng họ tạo điều kiện cho luật sư được tham gia vào các vụ án phi hình sự và không hề có thái độ coi thường luật sư. Về việc hỗ trợ luật sư trong việc thu thập bằng chứng, các thẩm phán cho rằng họ chỉ có thể cung cấp cho luật sư “*giấy người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự*” để luật sư có thể tới làm việc với các cơ quan liên quan nhằm thu thập chứng cứ. Nghĩa vụ thu thập và xuất trình chứng cứ là của đương sự theo BLTTDS nên đương sự phải phối hợp với luật sư.

Các luật sư được phỏng vấn trực tiếp đều cho rằng việc tòa án không hỗ trợ trong việc thu thập chứng cứ là một trong những khó khăn lớn nhất của họ tại các vụ án phi hình sự. Trên thực tế, nhiều đương sự không có thói quen lưu trữ tài liệu liên quan đến giao dịch dân sự hoặc tài liệu do một bên nắm giữ. Khi tranh chấp phát sinh, việc đề nghị một bên cung cấp chứng cứ nhiều khi bị từ chối nên dẫn đến bên đề nghị cung cấp rất muốn tòa án hỗ trợ trong việc thu thập. Ngoài ra, nếu một bên muốn trích sao các số liệu, tài liệu từ cơ quan thuế, ngân hàng hoặc những cơ quan có thẩm quyền khác thì những cơ quan này cũng đòi hỏi phải có giấy yêu cầu của tòa án.

Kết quả khảo sát tại Bảng 11 cũng cho thấy tòa án cấp huyện thường xuyên có những khó khăn đối với luật sư hơn là các tòa án ở cấp cao hơn. Điều này cũng phản ánh đúng về mức độ không gây khó khăn của tòa án cấp trên cũng là cao hơn so với tòa án cấp dưới.

Việc không cho luật sư được tham gia ngay quá trình tố tụng cũng được các luật sư đưa ra nhiều lý do như nêu ở Bảng 12 dưới đây.

Bảng 12: Lý do cơ quan tiến hành tố tụng từ chối việc tham gia của Luật sư (% người trả lời)

TX = Thường xuyên; TT = Thi thoảng; KBG = Không bao giờ

	Tòa án cấp huyện			Tòa án cấp tỉnh			Tòa án cấp tối cao		
	TX	TT	KBG	TX	TT	KBG	TX	TT	KBG
Thiếu giấy tờ hoặc giấy tờ không hợp lệ	14	35	10	8	36	12	6	24	19
Chưa đến giai đoạn mà Luật sư cần phải tham gia	12	29	17	9	25	18	4	17	26
Sự tham gia của Luật sư có thể làm phức tạp hóa vụ án hoặc vụ án bị kéo dài	13	35	15	10	32	19	4	17	28
Coi thường luật sư, lo ngại luật sư phát hiện yếu kém trong hoạt động tố tụng hoặc vì lý do tiêu cực	24	43	6	15	41	9	8	24	19

Có chín (09) luật sư còn nêu những lý do khác mà cơ quan tiến hành tố tụng đã viện dẫn để từ chối sự tham gia của luật sư như:

- Chưa đánh số bút lục nên chưa thể cho nghiên cứu hồ sơ;
- Chỉ cho xem hồ sơ vào ngày xét xử;
- Thẩm phán đi vắng hoặc thư ký cầm hồ sơ nghỉ;
- Thẩm phán hoặc thư ký gièm pha, nói không đúng sự thật về nghề luật sư để khách hàng từ chối hoặc hủy hợp đồng với luật sư (đặc biệt là những luật sư hay khiếu nại);
- Thẩm phán khuyên luật sư không nên tham gia phiên tòa vì e ngại cấp trên cho rằng “có luật sư là có chạy án”.
- Tòa án không gửi bản án cho luật sư vì cho rằng đó là trách nhiệm của đương sự.

Có thể dễ dàng nhận thấy là “yếu tố coi thường luật sư, lo ngại luật sư phát hiện yếu kém trong hoạt động tố tụng hoặc vì lý do tiêu cực” chiếm ở mức cao thường xuyên ở tòa án các cấp, nhưng cao nhất là ở tòa án cấp huyện.

Tại những vụ án phi hình sự, tòa án thường không yêu cầu luật sư có nhiều giấy tờ để được cấp giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Chủ yếu, tòa án yêu cầu luật sư phải xuất trình giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề luật sư, giấy yêu cầu luật sư của khách, văn bản cử luật sư của tổ chức hành nghề... Điều đáng lưu ý là các giấy tờ thường được yêu cầu là bản gốc hoặc bản sao có công chứng. Một số ít cơ quan tố tụng chấp nhận cho luật sư chỉ cần nộp bản sao thường.

Bảng 13: Đòi hỏi về giấy tờ cấp giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tòa án (% người trả lời)

Giấy tờ	Bản gốc	Bản sao có công chứng	Bản sao thường
Thẻ Luật sư	8	48	38
Giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề Luật sư	67	19	11
Văn bản cử Luật sư của tổ chức hành nghề Luật sư	44	7	5
Giấy yêu cầu Luật sư của khách hàng	68	9	10
Hợp đồng dịch vụ pháp lý	15	6	9
Chứng từ thanh toán phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý	3	2	3
Chứng chỉ hành nghề Luật sư	10	27	24

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	3	11	5
Hợp đồng ủy quyền của đương sự cho Luật sư hoặc cho tổ chức hành nghề luật sư	32	8	5

Ngoài những giấy tờ nêu trên, trong trường hợp luật sư tham gia bảo vệ quyền lợi cho đương sự tại các vụ án do Trung tâm TGPL cử thì tòa án còn yêu cầu luật sư phải xuất trình giấy giới thiệu của Trung tâm TGPL.

4. Khả năng giải quyết khó khăn của luật sư với các cơ quan tiến hành tố tụng

Để tìm hiểu được nguyên nhân về những khó khăn cho luật sư thì cần thiết nghiên cứu những lý do mà các cơ quan nhà nước, người có trách nhiệm đã đưa ra cho luật sư khi họ có hành vi/thái độ như vậy. Tuy nhiên, qua khảo sát bằng bảng hỏi, đa số các luật sư cho rằng trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, cán bộ có thẩm quyền là không cao, như đa số luật sư cho rằng CQĐT không thông báo cho luật sư khi có bất kỳ khó khăn nào xảy ra hoặc chỉ thông báo khi có yêu cầu và thông báo nhưng không bằng văn bản (xem Bảng 14).

Bảng 14: Trách nhiệm giải trình của các cơ quan tiến hành tố tụng khi có khó khăn xảy ra (% người trả lời)

	Cơ quan điều tra	VKS	Tòa án
Không thông báo	38	22	22
Có thông báo nhưng không giải thích lý do	15	14	12
Có thông báo kèm giải thích rõ lý do	9	13	15
Chỉ thông báo sau khi được luật sư yêu cầu	37	32	32
Có thông báo nhưng không bằng văn bản	30	25	25
Không ý kiến	10	9	10

Thông qua khảo sát bằng bảng hỏi, các luật sư đã có ý kiến về những nguyên nhân của những khó khăn đối với luật sư (bảng 15). Điều đáng chú ý rằng đa số lượng luật sư có ý kiến rằng nguyên nhân của những khó khăn xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan như “cán bộ thụ lý cho rằng luật sư có thể gây cản trở trong quá trình tố tụng” chiếm đến 97,5% (159 người bao gồm cả “phổ biến” và “thì thoảng”), những luật sư không có quan điểm này chỉ là 2,5% (4 người).

Bảng 15: Ý kiến của luật sư về nguyên nhân của những khó khăn cho luật sư (% người trả lời)

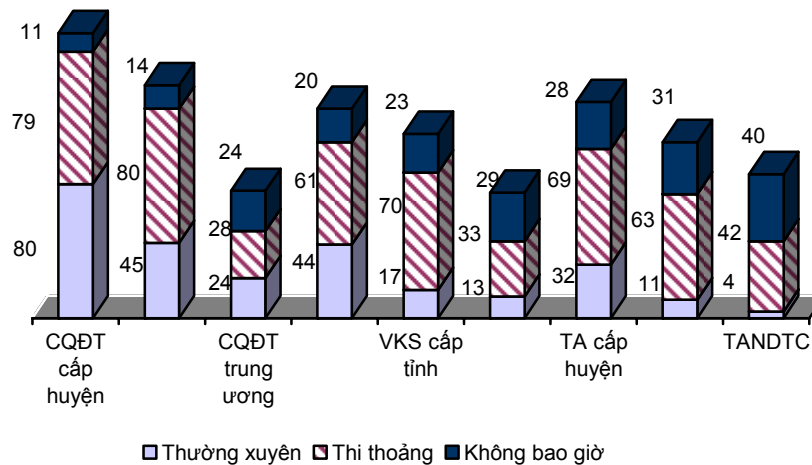
Lý do	Phổ biến	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Do sự "quá tải" về công việc của cơ quan tiến hành tố tụng	10	24	13
Cán bộ thụ lý cho rằng luật sư có thể gây cản trở trong quá trình tố tụng	48	31	2
Cán bộ thụ lý có trình độ yếu kém nên tránh làm việc với luật sư	26	36	4
Cán bộ thụ lý đòi hỏi luật sư phải chấp thuận “điều kiện” của cán bộ thụ lý đưa ra	7	33	8
Do cán bộ thụ lý có tiêu cực, không muốn luật sư biết quan hệ riêng giữa họ và đương sự, thân nhân của đương sự	15	45	3
Do cán bộ thụ lý và luật sư không hiểu phương pháp làm việc của nhau	11	26	18

Phần lớn các luật sư cho rằng CQĐT vẫn là cơ quan mà họ thường gặp khó khăn nhất (xem Hình 13). Ngoài ra kết quả khảo sát cho thấy các cơ quan ở cấp thấp bị các luật sư cho rằng gây khó khăn nhiều hơn (có tính thường xuyên) so với các cơ quan ở cấp cao hơn. Đặc biệt, các cơ quan cấp huyện là đơn vị tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm phần lớn

các loại vụ án theo thẩm quyền được quy định tại BLTTHS và BLTTDS, trong đó không bao gồm những tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia.

Hình 13: Đánh giá của luật sư về mức độ khó khăn tại cơ quan tiến hành tố tụng

Tính theo số người trả lời



Nhóm Nghiên cứu nhận thấy rằng cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp huyện được coi là cấp gần với dân nhất. Nếu người dân gặp khó khăn khi tiếp cận các luật sư hoặc ngược lại các luật sư gặp khó khăn khi hỗ trợ cho người dân tại cấp này thì sẽ làm giảm uy tín nghiêm trọng của các cấp chính quyền nói chung. Nhà nước cần có biện pháp làm giảm khó khăn của luật sư trong hoạt động tố tụng hình sự nói riêng và các hoạt động bảo vệ công dân nói chung của luật sư.

Để giải quyết những khó khăn trong quá trình tố tụng, các luật sư có nhiều cách xử lý khó khăn khác nhau. Kết quả khảo sát cho thấy các luật sư rất tích cực “*thường xuyên*” “*kiến nghị giải thích, đấu tranh để đạt được mục đích tham gia tố tụng, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng*” ở cả 3 cơ quan tiến hành tố tụng (xem Bảng 16) hoặc các luật sư tiến hành “*kiến nghị lên thủ trưởng của cơ quan tố tụng đó*”. Tỷ lệ các luật sư đề nghị ĐLS có biện pháp can thiệp hoặc tố cáo hành vi/thái độ không hợp tác của cơ quan tiến hành tố tụng không được nhiều luật sư lựa chọn.

Bảng 16: Hành động của luật sư khi bị cơ quan tiến hành tố tụng từ chối hoặc có thái độ không hợp tác trong quá trình tố tụng (% theo tổng số bảng trả lời)

TX = Thường xuyên; TT = Thi thoảng; KBG = Không bao giờ

	CQĐT			VKS			Tòa án		
	TX	TT	KBG	TX	TT	KBG	TX	TT	KBG
Khiếu nại lên thủ trưởng của cơ quan tố tụng đó	27	33	3	22	28	4	23	26	6
Khiếu nại lên cơ quan cấp trên của cơ quan tố tụng đó	8	29	10	4	25	11	5	24	13
Tố cáo hành vi “từ chối” là hành vi vi phạm pháp luật	5	18	15	5	15	15	5	13	18
Đề nghị ĐLS can thiệp	7	23	14	5	16	15	6	18	16
Kiến nghị giải thích, đấu tranh để đạt được mục đích tham gia tố tụng, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng	47	22	1	36	18	3	36	20	4
Im lặng	3	8	15	2	5	15	3	5	15

Bên cạnh những gợi ý trả lời nêu trên, các luật sư còn phản ánh tại bảng hỏi và phỏng vấn sâu những cách thức mà các luật sư đã sử dụng để giải quyết việc “từ chối” hoặc thái độ không hợp tác của cơ quan tiến hành tố tụng như sau:

- Không áp dụng một biện pháp mà bằng nhiều biện pháp mà pháp luật cho phép.
- Gửi văn bản kiến nghị đến cơ quan chức năng phản ánh trên báo chí, các hội thảo do ĐLS phối hợp cơ quan tiến hành tố tụng.

- Bỏ không tham gia giai đoạn điều tra nữa mà để đến khi ra toà sẽ tranh luận, bóc trần vụ việc và nếu có những sai sót vi phạm của các khâu điều tra, truy tố thì sẽ đề nghị tuyên vô tội và kiến nghị tại tòa về những sai phạm trong tố tụng.
- Nhân nại chờ đợi, xin cái hẹn khác khi việc giải thích không được tiếp thu
- Phải dùng biện pháp chưa đúng về thủ tục để đạt được mục đích, ví dụ: nói dối với người gác cổng trại giam là gặp thủ trưởng có hẹn trước mới được vào gặp để tìm hiểu lý do tại sao thân chủ lại từ chối luật sư.
- Tùy từng giai đoạn tố tụng và quyền lợi của thân chủ mà luật sư lựa chọn thời điểm và mức độ khiếu nại và đấu tranh.
- Sử dụng mối quan hệ cá nhân để tác động tới hành vi và thái độ của cán bộ thụ lý.
- Cần phải “khéo léo đối ngoại” với cơ quan tiến hành tố tụng để hạn chế việc bị “từ chối” hoặc có “thái độ không đúng mực” của cán bộ thụ lý tại các cơ quan tiến hành tố tụng.

5. Những khó khăn đối với Luật sư trong thủ tục tố tụng trọng tài

Số lượng vụ việc kinh tế-thương mại được xét xử bằng thủ tục trọng tài tại Việt Nam ít hơn rất nhiều so với số lượng giải quyết các vụ án kinh tế⁸⁷. Các luật sư tham gia các vụ án được giải quyết bằng thủ tục trọng tài thì chủ yếu ở các thành phố lớn (như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh). Các luật sư tham gia thủ tục tố tụng trọng tài chỉ chiếm 22% tổng số luật sư tham gia trả lời khảo sát bằng phiếu hỏi (45 người). Tỷ lệ cũng có thể đại diện cho những ý kiến của giới luật sư đối với thủ tục tố tụng trọng tài.

Bảng 17: Những khó khăn, trở ngại trên thực tế của luật sư trong tố tụng trọng tài

Lý do	Tỷ lệ % theo số lượng phiếu hỏi được trả lời		
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Không cấp giấy chứng nhận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự	2%	6%	12%
Không tạo điều kiện để tiếp xúc hồ sơ vụ án	2%	10%	10%
Không chấp thuận cho Luật sư được quyền phát biểu ý kiến tại các buổi hòa giải	1%	7%	13%
Không hỗ trợ Luật sư trong việc thu thập chứng cứ	5%	10%	7%
Không tạo điều kiện cho Luật sư được tham gia định giá, kê biên tài sản...	6%	8%	9%
Không trả lời, không hỗ trợ Luật sư khi hành nghề	2%	11%	7%
Thái độ coi thường Luật sư của trọng tài viên	1%	8%	10%

Trên thực tế, các trọng tài viên tại các trung tâm trọng tài hiện nay phần lớn là các luật sư hoặc những người có tham gia hành nghề tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hàng hải, xây dựng, xuất nhập khẩu... Họ phần lớn hiểu rõ nhu cầu của các luật sư khi hành nghề. Hơn nữa, trọng tài là hoạt động dịch vụ xét xử tư nhân nên các trung tâm trọng tài, trọng tài viên thường tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho các luật sư làm việc để có thể thu hút được sự lựa chọn của các luật sư sử dụng dịch vụ trọng tài. Kết quả khảo sát (Bảng 17) đã cho số liệu rất tích cực (ở cột “Không bao giờ”).

Có hai (02) luật sư đồng thời là trọng tài viên của Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) cho rằng các trung tâm trọng tài thường là ủng hộ hoạt động của các luật sư. Các trung tâm trọng tài thường đồng ý với những kiến nghị hoặc đề nghị giúp đỡ, hỗ trợ của luật sư khi giải quyết vụ án. Chỉ có một số trường hợp hãn hữu khi luật sư hoặc

⁸⁷ Hội Luật Gia Việt Nam, Tờ trình về Dự án Luật Trọng tài Thương mại, 30/04/2009; Website Chính phủ, Trọng tài sẽ giám tài về giải quyết tranh chấp thương mại, <http://baodientu.chinhphu.vn/Home/Trong-tai-se-giam-tai-ve-giai-quyet-tranh-chap-thuong-mai/200911/24674.vgp>; Bạch Thị Lệ Thoa, Giải quyết tranh chấp bằng trọng tài và cơ chế hỗ trợ của tòa án, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp (điện tử),

đương sự lại đòi hỏi những vấn đề vượt quá thẩm quyền của trung tâm hoặc của trọng tài viên mà Pháp lệnh Trọng tài Thương mại không quy định nên mới bị từ chối.

Tại một cuộc hội thảo bàn về dự thảo của Luật Trọng tài do Phòng Thương Mại và Công nghiệp (VCCI) tổ chức vào cuối năm 2009, một số luật sư đã cho rằng do Pháp lệnh Trọng tài Thương mại hiện hành quy định việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong tố tụng trọng tài lại do tòa án quyết định. Cơ chế phối hợp giữa tòa án và trung tâm trọng tài để ra quyết định này chưa được rõ ràng và áp dụng thống nhất trong cả nước. Vấn đề này thực sự là khó khăn đối với các luật sư khi đề nghị trọng tài và tòa án hỗ trợ trong việc kê biên tài sản.

Những giấy tờ mà luật sư phải nộp khi tham gia tố tụng trọng tài được phản ánh khá tích cực (xem Bảng 18) nếu so sánh với kết quả khảo sát trong thủ tục tố tụng tòa án (xem Bảng 13).

Bảng 18: Những giấy tờ mà luật sư phải nộp khi tham gia tố tụng trọng tài (% theo tổng số bảng trả lời)

Giấy tờ	Bản gốc	Bản sao có công chứng	Bản sao thường
Thẻ Luật sư	3	17	6
Giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề luật sư	16	8	2
Văn bản cử Luật sư của tổ chức hành nghề Luật sư	15	4	1
Giấy yêu cầu Luật sư của khách hàng	17	6	2
Hợp đồng dịch vụ pháp lý	4	5	2
Chứng từ thanh toán phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý	2	1	3
Chứng chỉ hành nghề Luật sư	4	12	4
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	2	6	2
Hợp đồng ủy quyền của đương sự cho Luật sư hoặc cho tổ chức hành nghề luật sư	8	5	2

Các luật sư đánh giá cao trách nhiệm giải trình của tổ chức trọng tài (xem Bảng 19), đặc biệt so sánh với trách nhiệm giải trình của các cơ quan tiến hành tố tụng (xem Bảng 14).

Bảng 19: Trách nhiệm giải trình của tổ chức trọng tài

	(Tỷ lệ % theo số bảng trả lời phần câu hỏi liên quan đến trọng tài)		
Không thông báo	7%	Chỉ thông báo sau khi được Luật sư yêu cầu	47%
Có thông báo nhưng không giải thích lý do	27%	Có thông báo nhưng không bằng văn bản	18%
Có thông báo kèm giải thích rõ lý do	42%	Không ý kiến	11%

Một luật sư đã từng tham tranh tụng tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) cho rằng thủ tục tố tụng ở cơ quan trọng tài hiện nay chủ yếu theo hướng tranh tụng. Các bên tham gia được tạo điều kiện để đưa ra quan điểm theo vụ việc. Các trọng tài viên thường là những luật sư hành nghề nên hiểu những khó khăn của các đồng nghiệp khi tham gia tranh tụng. Luật sư này cho rằng vấn đề khó khăn duy nhất hiện nay là Việt Nam còn thiếu các trọng tài viên giỏi tiếng Anh và kinh nghiệm xét xử các vụ án lớn và có sự tham gia của các bên thuộc các quốc gia khác nhau.

6. Những khó khăn đối với Luật sư trong việc đại diện cho khách hàng thực hiện các thủ tục hành chính và các loại vụ việc khác

Các quy định pháp luật, như Luật Cảnh Tranh, Luật Doanh Nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Thương Mại, Luật Sở hữu Trí tuệ, Luật Đấu thầu... chủ yếu đề cập tới “Người nộp đơn”, “doanh nghiệp”... là nhằm đề cập tới đối tượng mà pháp luật điều chỉnh. Bộ luật Dân sự và Luật Luật sư quy định rõ ràng về hoạt động đại diện của luật sư ngoài tổ tụng và dịch vụ pháp lý khác của luật sư⁸⁸.

Theo ý kiến của các luật sư trả lời tại Bảng hỏi thì các cơ quan nhà nước chấp nhận vai trò đại diện của luật sư thay mặt đối tượng để giải quyết công việc. Tỷ lệ chấp thuận (bao gồm cả “Phổ biến” và “Thỉnh thoảng”) luôn luôn cao hơn tỷ lệ không chấp thuận (“Không bao giờ”).

Các luật sư tại Hà Nội xác nhận rằng Phòng Đăng ký Kinh doanh tại Hà Nội có chấp nhận luật sư được đại diện cho khách hàng tới thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh trên cơ sở hợp đồng ủy quyền giữa khách hàng với văn phòng luật sư hoặc cá nhân luật sư. Việc chấp thuận này đã thực hiện một cách công khai vài năm trở lại đây. Trong khi năm (05) luật sư ở Thành phố Hồ Chí Minh hành nghề về tư vấn pháp luật kinh doanh thì cho rằng Phòng Đăng ký Kinh doanh tại Tp. Hồ Chí Minh chỉ chấp nhận luật sư trên cơ sở quen biết.

Bảng 20: Mức độ hợp tác của cơ quan nhà nước với luật sư với tư cách là đại diện cho khách hàng

(% theo tổng số bảng trả lời)

Cơ quan	Phổ biến	Thỉnh thoảng	Không bao giờ	Không biết vì chưa bao giờ liên hệ
UBND cấp xã	32	33	6	13
UBND cấp huyện và các phòng chức năng	25	47	4	8
Các sở chuyên ngành thuộc UBND cấp tỉnh	18	48	6	5
UBND cấp tỉnh	18	40	7	12
Bộ chuyên ngành	12	25	7	21
Chính phủ	7	15	7	33

Giống như đối với các cơ quan tiến hành tố tụng, các cơ quan hành chính cũng đòi hỏi chủ yếu giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề hoặc văn bản cử luật sư của tổ chức hành nghề khi các luật sư tới làm việc tại cơ quan của họ. Giấy yêu cầu luật sư hoặc giấy ủy quyền của đương sự cho luật sư cũng là những văn bản được yêu cầu chủ yếu (xem Bảng 21).

Bảng 21: Những giấy tờ mà luật sư phải xuất trình hoặc nộp khi thực hiện thủ tục hành chính

(% theo tổng số bảng trả lời)

Giấy tờ	Bản gốc	Bản sao có công chứng	Bản sao thường
Thẻ Luật sư	30	38	13
Giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề luật sư	61	16	4
Văn bản cử Luật sư của tổ chức hành nghề luật sư	40	7	2
Giấy yêu cầu Luật sư của khách hàng	58	9	4
Hợp đồng dịch vụ pháp lý	14	6	4
Chứng từ thanh toán phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý	3	3	3
Chứng chỉ hành nghề Luật sư	14	22	7
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	5	11	3

⁸⁸ Luật Luật sư, Điều 29 và Điều 30.

Hợp đồng ủy quyền của đương sự cho Luật sư hoặc cho tổ chức hành nghề luật sư	36	7	4
---	----	---	---

Trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước ở cấp thấp kém hơn rất nhiều so với các cơ quan hành chính ở cấp cao hơn khi họ không phối hợp với các luật sư (xem Bảng 22). Có 3 luật sư trả lời phỏng vấn sâu cho rằng đây là một khó khăn cho các luật sư vì chủ yếu các luật sư hiện nay là sống ở khu vực thành thị (thành phố, thị xã thuộc tỉnh...) nên khi giải quyết cho khách hàng ở những khu vực nông thôn, ngoại thành thì họ thường gặp phải thái độ không hợp tác từ các cấp chính quyền cơ sở.

Bảng 22: Trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước

	(% theo tổng số bảng trả lời)					
	Cơ quan hành chính cấp xã	Cơ quan hành chính cấp huyện	Cơ quan hành chính cấp sở	UBND tỉnh	Các Bộ	Chính phủ
Không thông báo	35	21	14	12	6	6
Có thông báo nhưng không giải thích lý do	12	13	9	6	3	2
Có thông báo kèm giải thích rõ lý do	7	9	11	15	11	8
Chỉ thông báo sau khi được Luật sư yêu cầu	19	24	19	19	9	5
Có thông báo nhưng không bằng văn bản	20	19	12	9	8	6
Không ý kiến	13	13	11	10	11	11

Phần lớn các luật sư cho rằng những khó khăn mà cơ quan hành chính nhà nước đã gây cho luật sư chủ yếu xuất phát từ nhận thức sai lệch về “vai trò của luật sư...”, tiếp đến là nhận thức của cán bộ thụ lý cho rằng “luật sư có thể gây cản trở của hoạt động hành chính”. Ở mức độ “phổ biến” thì luật sư lại không lựa chọn cao vấn đề tham nhũng với câu hỏi “cán bộ thụ lý đòi hỏi luật sư phải chấp nhận “điều kiện”...”.

Bảng 23: Lý do luật sư cho rằng cơ quan hành chính gây khó khăn (% theo tổng số bảng trả lời)

Lý do	Phổ biến	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Do nhận thức sai lệch về vai trò của Luật sư trong việc đại diện cho khách hàng trong thủ tục hành chính	49	17	2
Do sự "quá tải" về công việc của cơ quan hành chính	13	19	10
Cán bộ thụ lý cho rằng Luật sư có thể gây cản trở của hoạt động hành chính	37	28	2
Cán bộ thụ lý có trình độ yếu kém nên tránh làm việc với Luật sư	34	26	3
Cán bộ thụ lý đòi hỏi Luật sư phải chấp thuận “điều kiện” của cán bộ thụ lý đưa ra	10	30	6
Cán bộ thụ lý và Luật sư không hiểu phương pháp làm việc của nhau	8	21	13
Cán bộ thụ lý muốn làm việc trực tiếp với khách hàng của Luật sư	32	25	3
Cán bộ thụ lý có thái độ coi thường Luật sư	20	30	4

Nhóm Nghiên cứu cũng trao đổi với hai (02) cán bộ thuộc UBND phường tại Hà Nội và bốn (04) cán bộ cấp phép của các bộ và sở chuyên ngành trên địa bàn Hà Nội về quan điểm của họ khi làm việc với các luật sư, các cán bộ này đều cho rằng bản thân họ chấp nhận luật sư đại diện cho đương sự nhưng họ đòi hỏi luật sư phải có đầy đủ “các giấy tờ cần thiết” để chứng minh luật sư có mối quan hệ đại diện cho đương sự. Tuy nhiên, những người này cho rằng có thể có những cán bộ khác do năng lực yếu nên không muốn tiếp luật sư vì e ngại luật sư có thể làm “phiền” hoặc “làm cho họ khó kiểm soát được công việc”.

Ở mục “Ý kiến khác” của Bảng hỏi, có tám (08) luật sư phản ánh rằng để luật sư có thể làm việc được với cơ quan hành chính nhà nước thì luật sư phải có “mối quan hệ” với cơ quan hành chính đó. Nếu không, luật sư không bao giờ có thể làm được việc vì các cơ quan này sẽ tìm cách để luật sư không thể đại diện được cho khách hàng của mình. Có một (01) luật sư ghi chú về khả năng mong muốn tham nhũng và hai (02) luật sư ghi chú về vấn đề trình độ của cán bộ thụ lý.

Tỷ lệ các luật sư “khieu nại lên thủ trưởng cơ quan hành chính” và “kiên trì giải thích, thuyết phục để đạt được mục đích đại diện...” khi gặp khó khăn, trở ngại cao hơn trong hoạt động tố tụng (so sánh số liệu Bảng 16 và Bảng 24). Đường như các luật sư tích cực phản ứng về thái độ hoặc hành vi gây khó khăn của cơ quan hành chính nhà nước đối với hoạt động hành nghề của họ.

Hộp 4: Phỏng vấn một luật sư ở một tỉnh phía Nam:

Luật sư này đề nghị được giấu tên vì e ngại những chuyện không hay khi luật sư kể câu chuyện dưới đây.

Luật sư đã thực hiện một dịch vụ xin cấp giấy phép cho một doanh nghiệp. Cơ quan cấp phép đã không cấp phép theo thời hạn luật định. Khi được hỏi, cơ quan cấp phép cho rằng quy định pháp luật chưa rõ nên họ đã không thể cấp phép. Luật sư đã gửi bản ý kiến pháp lý của mình cho cơ quan cấp phép (người nhận là Thủ trưởng cơ quan) để chứng minh rằng quy định pháp luật là rõ ràng. Nhưng cơ quan cấp phép vẫn không cấp phép.

Luật sư đề nghị doanh nghiệp cho ý kiến về khả năng luật sư sẽ làm công văn hỏi Bộ chủ quản để giải thích luật. Trong thời gian này, cán bộ thuộc phòng cấp phép đã liên hệ trực tiếp tới doanh nghiệp và đề nghị được trao đổi trực tiếp. Doanh nghiệp được đề nghị là rút lại văn bản ý kiến pháp lý của luật sư và giấy phép đã được cấp. Doanh nghiệp đó đã thông báo cho luật sư rằng cơ quan cấp phép đã khuyến doanh nghiệp không nên dùng luật sư này vì thái độ “coi thường người khác”.

Luật sư phản ánh rằng cho đến nay, luật sư và các cộng tác của mình không thể nào đại diện được cho bất kỳ doanh nghiệp nào tại cơ quan cấp phép đó. Họ thường xuyên có lý do từ chối đơn, giấy giới thiệu mà tổ chức hành nghề này cử đến.

Bảng 24: Hành động của luật sư khi gặp khó khăn, trở ngại trong thủ tục hành chính

Lý do	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không bao giờ
Khiếu nại lên thủ trưởng của cơ quan hành chính đó	32	31	2
Tổ cáo hành vi “không hợp tác” là hành vi vi phạm pháp luật	4	19	14
Khiếu nại lên cơ quan cấp trên của cơ quan hành chính đó	12	33	6
Đề nghị ĐLS can thiệp	9	19	16
Kiên trì giải thích, thuyết phục để đạt được mục đích đại diện cho khách hàng trong thủ tục hành chính	40	21	1
Im lặng	3	5	18

Qua phỏng vấn sâu và ghi chú trong Bảng hỏi, có đến 18 luật sư cho rằng việc khiếu nại cơ quan hành chính về thái độ của họ sẽ không đi tới đâu vì nhiều yếu tố. Nhưng các luật sư được phỏng vấn sâu đều thống nhất cho rằng họ có khiếu nại hay không hoàn toàn phụ thuộc vào sự mong muốn của khách hàng – người mà họ đại diện. Vì việc khiếu nại có thể dẫn tới khách hàng của họ sẽ không được suôn sẻ. Các luật sư cho rằng hiếm khi họ gặp được khách hàng đồng ý cho họ được khiếu nại cơ quan nhà nước. Thậm chí, khi khách hàng của họ đồng ý thì họ cũng phải cân nhắc xem việc khiếu nại đó có ảnh hưởng tới mối quan hệ, công việc của cá nhân luật sư hoặc của tổ chức hành nghề đó không.

Liên quan tới thủ tục lựa chọn luật sư của các doanh nghiệp có vốn nhà nước (gọi tắt là doanh nghiệp nhà nước-DNNN), 3 luật sư đã từng tư vấn cho các DNNN trong những vụ

kiện tại cơ quan tài phán quốc tế cho biết các luật sư Việt Nam và khách hàng DNNN thường gặp khó khăn về thủ tục lựa chọn luật sư như mô tả dưới đây:

Theo quy định của pháp luật đấu thầu, DNNN muốn sử dụng luật sư để bảo vệ cho mình trong một vụ việc thì phải thông qua hình lựa đấu thầu để lựa chọn luật sư. Nếu muốn lựa chọn luật sư theo đúng quy định thì hồ sơ mời thầu phải “tiết lộ” hết các vấn đề đang tranh chấp hoặc nội dung của vụ việc, trong trường hợp này DNNN sẽ gặp phải rủi ro khi đối tác (tranh chấp) sẽ biết được các thông tin về “quan điểm vụ việc”, “luật sư dự định đấu thầu”... Trong trường hợp “không tiết lộ”, luật sư rất khó nắm được nội dung để có thể “đề xuất phương pháp làm việc” và “phí”.

Điều đáng lưu ý rằng “phí” hay “giá hợp đồng” theo các quy định về đấu thầu phải là một khoản cố định điều này gây nên khó khăn cho các luật sư vì không nắm rõ được nội dung vụ việc trong giai đoạn đấu thầu. Trong khi, thực tiễn hành nghề của luật sư tư vấn là thường tính phí theo “khối lượng công việc thực tế” hoặc “thời gian thực tế” mà luật sư phải bỏ ra.

Các luật sư không được trả phí khi làm “hồ sơ thầu cung cấp dịch vụ pháp lý” cho các DNNN trong khi họ có thể tính phí đối với các doanh nghiệp khác cho phần chuẩn bị những tài liệu tương tự

Hiện tại chưa có hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền về tiêu chí đánh giá “hồ sơ thầu tư vấn pháp luật”. Thực tế, các luật sư bị ràng buộc về “bảo mật thông tin” cho khách hàng nên không thể tiết lộ các thông tin về tranh chấp doanh nghiệp được xét xử bởi cơ quan trọng tài. Do đó, DNNN gặp khó khăn khi lựa chọn luật sư qua hồ sơ thầu trong khi các doanh nghiệp tư nhân hoặc nước ngoài, doanh nghiệp có thể phỏng vấn luật sư để tìm hiểu mức độ kinh nghiệm của luật sư.

Những yếu tố trên đã tác động tới việc một số DNNN đã không thể lựa chọn được luật sư có kinh nghiệm về giải quyết tranh chấp quốc tế để bảo vệ mình. Các luật sư trả lời phỏng vấn nói rằng họ “thường từ chối những đề nghị tham gia đấu thầu bảo vệ DNNN”.

II. KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Kết quả khảo sát của Chương 3 cho thấy luật sư vẫn đang gặp những khó khăn trong quá trình hành nghề. Kết quả này cho thấy luật sư hành nghề trong lĩnh vực hình sự và dân sự luôn phải đối mặt với những khó khăn nêu trên. Hệ lụy của vấn đề này có thể tạo nên những yếu tố tiêu cực khác như xã hội nhận thức sai lệch về vai trò của luật sư, cá nhân luật sư phải thỏa hiệp, “chung chi” ... với một số cán bộ làm việc trong cơ quan nhà nước để có thể hoàn thành công việc; nhận thức của xã hội đối với nghề luật sư bị sai lệch như coi luật sư là “cầu nối cho việc hối lộ”, “người chạy việc”; không bảo đảm được quyền của công dân do luật sư không thể thoải mái trong quá trình hành nghề...

Đối chiếu với Nguyên tắc Cơ bản về Vai trò của Luật sư thì thực tiễn tại Việt Nam có những vấn đề cần phải được các cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, điều chỉnh:

- “*Tính độc lập của luật sư*”: chưa được bảo đảm trên thực tiễn. Các luật sư vẫn bị “tác động” bởi cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan hành chính nhà nước trong quá trình hành nghề như: “*không được gặp riêng bị can, bị cáo*”, “*yêu cầu phải chung*

chỉ”, “phải hợp đồng dịch vụ pháp lý giữa luật sư và khách hàng”, “cán bộ thụ lý yêu cầu luật sư phải chấp nhận những điều kiện mà họ đưa ra”...

- “Vai trò của luật sư cần phải được tôn trọng và được sự quan tâm của Chính phủ trong khuôn khổ pháp luật”: chưa được bảo đảm bởi các cơ quan thực thi pháp luật ở cấp địa phương. Mức độ hợp tác, thái độ tôn trọng của các cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan hành chính với luật sư được phản ánh qua khảo sát còn nhiều vấn đề phải nghiên cứu để khắc phục. Các cơ quan địa phương đã đặt ra nhiều loại giấy tờ, thủ tục hành chính để yêu cầu luật sư phải thực hiện mà không dựa vào tinh thần “tôn trọng” luật sư được quy định tại Luật Luật sư và các văn bản pháp luật khác.

Thủ tục cấp GCNNBC cần phải được cải tiến. GCNNBC chỉ cần cấp một lần cho cả quá trình tố tụng. Việc các cơ quan tiến hành tố tụng không công nhận GCNNBC được cấp bởi cơ quan khác đã gây cản trở không nhỏ tới việc tham gia một cách liên tục của luật sư trong cùng một vụ án tại các giai đoạn tố tụng khác nhau và gây lãng phí thời gian, công sức của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vấn đề này đi ngược lại với chủ trương lớn về cải cách thủ tục hành chính hiện nay của Chính phủ theo Đề án 30⁸⁹.

Trong hoạt động tư vấn, cần phải có quy định cụ thể cho phép các dự án sử dụng vốn của Nhà nước được chủ động thuê luật sư tư vấn. Cần lưu ý rằng hoạt động tư vấn của luật sư là rất đặc thù, không giống với hoạt động tư vấn xây dựng nên không thể áp dụng các quy phạm pháp luật tương tự trong hoạt động xây dựng đối với hoạt động của luật sư.

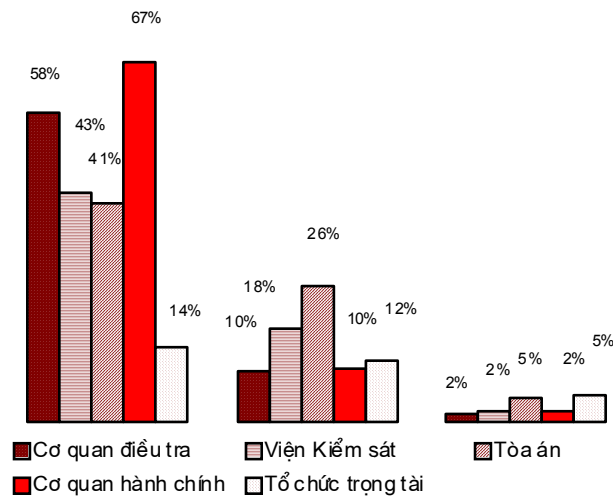
- Lý do mà các cán bộ điều tra không tạo điều kiện cho luật sư được gặp khách hàng trong quá trình điều tra vì e ngại “lộ bí mật điều tra” hay “thông cung” là không phù hợp quy tắc “không được coi luật sư cùng bản chất với khách hàng của họ khi họ thực hiện chức năng của mình”. Đồng thời, thực tế này cũng đã không bảo đảm được nguyên tắc “công nhận và tôn trọng việc liên lạc và tham vấn giữa luật sư và khách hàng của họ trong mối quan hệ chuyên môn được bảo mật”.
- Luật sư chưa được bảo đảm về “tiếp cận các thông tin, tài liệu và văn bản thích hợp mà các cơ quan nắm giữ hoặc kiểm soát trong một khoảng thời gian tương xứng để luật sư có thể cung cấp các hỗ trợ pháp lý hiệu quả cho khách hàng của họ”. Kết quả khảo sát cho thấy cho thấy phần lớn các luật sư chỉ được tiếp cận hồ sơ vụ án khi vụ án đã được chuyển sang giai đoạn xét xử. Việc này cản trở rất nhiều công việc hành nghề của luật sư. Việc tiếp cận thông tin cần phải được tạo điều kiện trong thời gian thích hợp sớm nhất.

Để có thể bảo đảm được việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư được nghiêm minh, pháp luật cần có những chế tài cụ thể đối với những

⁸⁹ Đề án 30 là tên gọi tắt của Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010, xem <http://www.thutuchanhchinh.vn/>.

cán bộ thụ lý của các cơ quan tiến hành tố tụng khi họ cố ý hoặc vô ý không thực hiện đúng “tinh thần” và “nội dung quy định” của pháp luật như cấp GCNBC cho luật sư hoặc có những cản trở khác đối với hoạt động của luật sư.

Hình 14: Mức độ hài lòng của luật sư đối với việc giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền



Pháp luật có quy định về cơ chế giải quyết khiếu nại của công dân đối với những hành vi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhưng việc giải quyết khiếu nại của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với luật sư chưa thực sự được các luật sư tin tưởng (Hình 14). Nếu công tác giải quyết khiếu nại mà tốt thì có thể sẽ hạn chế được các hành vi xâm phạm tới quyền và lợi ích của luật sư.

Pháp luật cần có những hướng dẫn cụ thể đối với công tác “đấu thầu” lựa chọn luật sư của các DNNN và các cơ quan đại diện nhà nước để bảo đảm được sự tham gia có hiệu quả của luật

sư trong nước đối với các tranh chấp kinh doanh thương mại ở trong nước và quốc tế.

CHƯƠNG 4

VAI TRÒ, THỰC TIỄN CÔNG TÁC BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA LUẬT SƯ TẠI CÁC ĐOÀN LUẬT SƯ ĐỊA PHƯƠNG

1. Công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư từ các ĐLS

a. Công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư

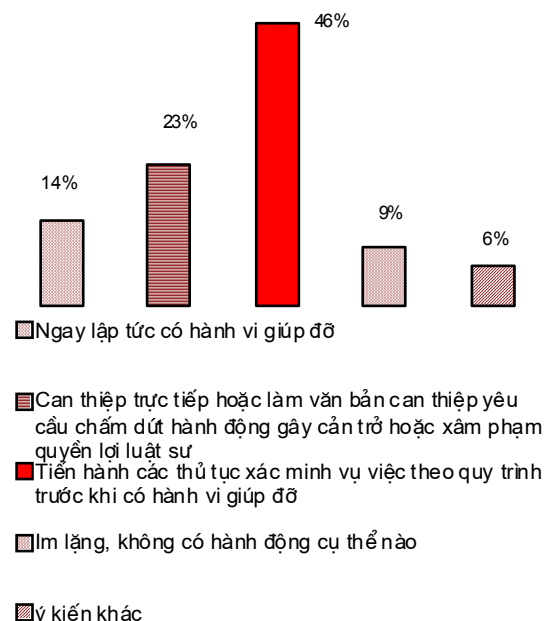
Theo như các trả lời của luật sư ở Phần 3, các luật sư không đánh giá cao công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư từ các ĐLS. Theo kết quả khảo sát bằng Bảng hỏi về “hành động của ĐLS khi có hành vi xâm phạm quyền lợi của luật sư thành viên”, chỉ 14% luật sư cho rằng ĐLS có ngay hành vi giúp đỡ các luật sư, 9% luật sư thấy ĐLS “im lặng”. Nhưng phần lớn luật sư cho rằng ĐLS đã “*tiến hành các thủ tục xác minh vụ việc theo quy trình...*”. Theo các luật sư được phỏng vấn sâu, chính việc tiến hành xác minh này đã làm kéo dài thời gian hỗ trợ cho luật sư và một số ĐLS đã đề vạ việc vào “*quên lãng*” hoặc ĐLS có “*chờ khi vụ việc lắng xuống thì mới can thiệp cho đỡ nhạy cảm*” (xem Hình 15).

Có ba (03) luật sư thuộc ĐLS Hà Nội khi được phỏng vấn sâu cho rằng ở tùy từng nhiệm kỳ Ban Chủ nhiệm, Ban Chủ nhiệm lúc đó có tích cực giải quyết vấn đề quyền và lợi ích của luật sư khi bị xâm phạm hay không? Tương tự như vậy đối hai (02) luật sư được phỏng vấn sâu tại Tp. Hồ Chí Minh. Cả hai luật sư này đều cho rằng Ban Chủ nhiệm của ĐLS đã có tích cực giúp đỡ luật sư khi biết luật sư bị xâm phạm quyền lợi. Ở những địa phương được phỏng vấn sâu, các luật sư và Ban Chủ nhiệm đều cho rằng Ban Chủ nhiệm chưa làm được gì nhiều cho công tác bảo vệ luật sư khi họ có quyền lợi bị xâm phạm.

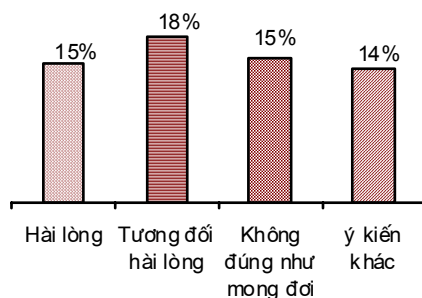
Thực tế, thành viên Ban Chủ nhiệm cũng là những luật sư hành nghề, bản thân họ cũng nhiều khi quyền lợi bị xâm phạm. Có hai Chủ nhiệm ĐLS nói rằng họ cũng đã từng kiến nghị nhưng không có hiệu quả, thậm chí còn bị cơ quan tố tụng nhắc nhở “*chưa hiểu chuyện gì mà đã làm lớn tiếng*”. Tất các thành viên Ban Chủ nhiệm tại các địa phương khảo sát đều tỏ mong muốn là Liên Đoàn Luật sư sẽ là nơi giúp họ kiến nghị để xử lý và hạn chế những xâm phạm đối với quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư.

Kết quả khảo sát bằng Bảng hỏi cho thấy tỷ lệ luật sư “hài lòng” hoặc “tương đối hài lòng” đối với công tác giải quyết khiếu nại của ĐLS là chiếm đa số so với ý kiến “không đúng như mong đợi” (xem Hình 16).

Hình 15: Hành động của Đoàn luật sư khi có hành vi xâm phạm quyền lợi của luật sư thành viên

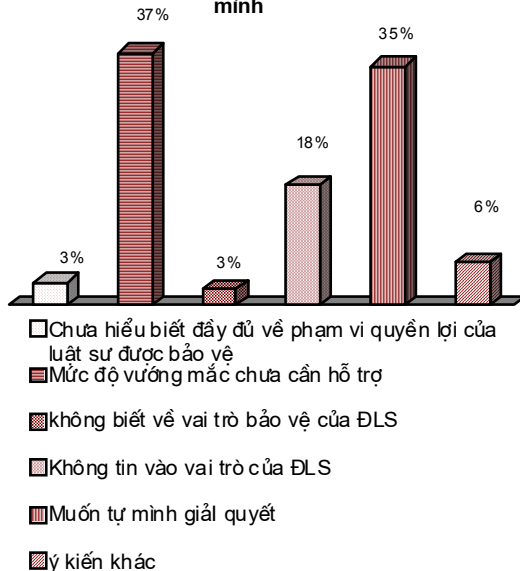


Hình 16: Mức độ hài lòng của luật sư đối với việc giải quyết khiếu nại của Đoàn luật sư

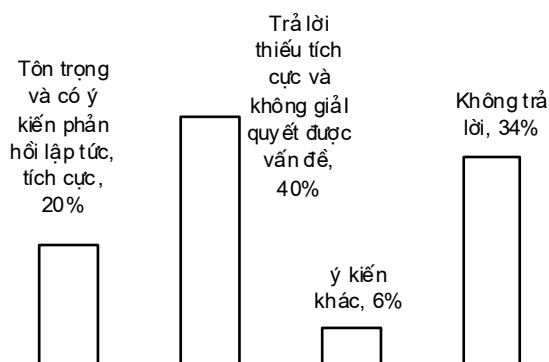
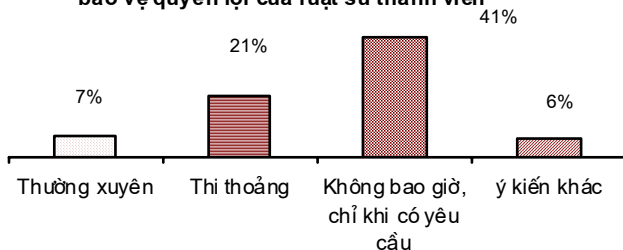


Các luật sư có nhiều lý do để không nhờ ĐLS can thiệp bảo vệ quyền lợi của mình. Nhưng lớn nhất lại vẫn đề các luật sư cho rằng “*những vướng mắc của mình chưa cần đến sự hỗ trợ của ĐLS*” (chiếm 37% số luật sư tham gia khảo sát), thứ hai là các luật sư muốn được “*tự mình giải quyết vấn đề*” (chiếm 35%). Điều đáng lưu ý có đến 18% luật sư cho rằng mình “*không tin vào vai trò của ĐLS*” có thể giải quyết được những xâm phạm (xem Hình 17).

Hình 17: Lý do luật sư không nhờ Đoàn luật sư can thiệp để bảo vệ quyền lợi của mình



Hình 18: Tính chủ động của ĐLS trong việc bảo vệ quyền lợi của luật sư thành viên



Hình 19: Thái độ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hành động can thiệp của ĐLS

Qua phỏng vấn sâu, có ba (03) luật sư cho rằng họ không muốn nhờ ĐLS đứng ra can thiệp vào việc của họ bởi họ e ngại “*làm lớn chuyện*”. Việc này sẽ rất ảnh hưởng tới mối quan hệ của các luật sư với các cơ quan tiến hành tố tụng sau này. Đối với hai (02) luật sư đã từng gửi đơn đến ĐLS đề nghị hỗ trợ là vì “*cực chẳng đã*”. Cơ quan tiến hành tố tụng đã không tạo điều kiện và coi thường họ. Những luật sư này cũng xác định là sẽ không cần giữ mối quan hệ với cán bộ thụ lý và cơ quan tố tụng đó nên họ mới đề nghị ĐLS lên tiếng ủng hộ họ.

Tính chủ động của ĐLS trong việc bảo vệ luật sư cũng rất thấp. Chỉ có 7% luật sư trả lời Bảng hỏi cho rằng ĐLS “*thường xuyên*” chủ động. Trong khi có tới 41% luật sư ĐLS “*không bao giờ*” chủ động, chỉ tham gia khi có yêu cầu (xem Hình 18). Các luật sư ở các địa phương phỏng vấn sâu thì cho rằng ĐLS Hà Nội và ĐLS Tp. Hồ Chí Minh tích cực hơn ĐLS ở địa phương họ. Nhưng các luật sư này cho rằng hai ĐLS này cho thế mạnh vì có số lượng luật sư đông, Ban Chủ nhiệm lại là những người có uy tín, có người đã từng giữ chức vụ cao trong cơ quan chính trị nên có khả năng can thiệp tốt hơn ở các ĐLS. Ở các ĐLS khác dù biết quyền lợi của luật sư bị xâm phạm nhưng cũng khó có thể can thiệp được. Có luật sư ghi vào Bảng hỏi “*đã từng nhờ ĐLS can thiệp nhưng ĐLS im lặng, không trả lời*”.

Đa số các luật sư cho rằng “*thái độ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với hành động can thiệp của ĐLS*” là “*thiếu tích cực và không giải quyết được vấn đề*” (xem Hình 19). Có luật sư cho rằng “*sức nặng của ĐLS chưa đủ để cơ quan hành chính, cơ quan tiến hành tố tụng quan tâm trả lời giải quyết*”. Cho dù Ban Chủ nhiệm có tiến hành gửi công văn kiến nghị thì cũng không được các cơ quan tiến hành tố tụng cân nhắc.

Nhưng 15/24 luật sư được phỏng vấn sâu cho rằng họ nhận thấy vai trò của Ban Chủ nhiệm là rất quan trọng trong việc lên tiếng bảo vệ luật sư khi bị xâm phạm.

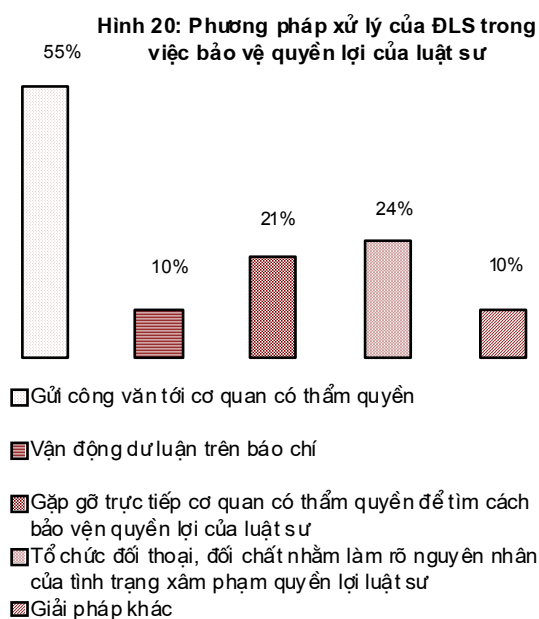
Có 12 luật sư (6%) có ý kiến khác trong Bảng hỏi là các cơ quan nhà nước không giải quyết rốt ráo các kiến nghị của ĐLS hay tìm cách tránh né hoặc thể hiện thái độ coi thường.

Tất cả các thành viên Ban Chủ nhiệm của 4 ĐLS có số lượng luật sư ít (không có ĐLS Hà Nội và ĐLS Tp. Hồ Chí Minh) khi được phỏng vấn sâu cho rằng ở các ĐLS có ít luật sư thì tiếng nói của ĐLS “ít khi được coi trọng”. Theo báo cáo của 29 ĐLS, những khó khăn đối với ĐLS trong công tác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư là rất đa dạng, ví dụ như:

- Không có cơ chế cho ĐLS được sử dụng những biện pháp nào để bảo vệ thành viên của mình; Đoàn chỉ có biện pháp duy nhất là làm văn bản kiến nghị. Nhưng những cơ quan nhận được kiến nghị lại không có cơ chế nào để họ giải quyết và hồi âm kiến nghị của ĐLS;
- Các cơ quan nhà nước chưa quan tâm tới hoạt động của luật sư trên địa bàn;
- Các cơ quan nhà nước chưa hiểu rõ vai trò và sứ mệnh của người luật sư, thậm chí có cơ quan còn cho rằng luật sư và ĐLS không nghiêm túc chấp hành mệnh lệnh của Đảng, của Chính quyền;
- Không có cơ chế phối hợp làm việc giữa ĐLS với các cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước khác để giải quyết những vướng mắc của pháp luật nói chung và của luật sư nói riêng.

Các luật sư này kỳ vọng vào vai trò bảo vệ luật sư của LĐLS. Họ cho rằng LĐLSVN sẽ có tiếng nói độc lập hơn nên dễ dàng can thiệp hơn.

b. Phương pháp xử lý của ĐLS trong việc bảo vệ quyền lợi của luật sư



Phỏng vấn sâu các thành viên Ban Chủ nhiệm ở các ĐLS, những luật sư này cho rằng Ban Chủ nhiệm sẵn sàng tham gia hỗ trợ giải quyết lợi ích của luật sư bị xâm phạm khi luật sư có đơn yêu cầu hoặc yêu cầu trực tiếp bằng miệng tại cuộc họp. Tuy nhiên, trước khi có những hành động can thiệp thì Ban Chủ nhiệm cần phải xác minh vụ việc. Việc xác minh được tiến hành bằng nhiều cách khác nhau, có lúc thì xác minh bằng việc cử luật sư khác điều tra, nghiên cứu; có lúc thì xác minh bằng việc tổ chức cuộc họp giữa Ban Chủ nhiệm với luật sư liên quan. Đây là cách làm của 11/29 ĐLS đã gửi “Báo cáo về tình hình công tác bảo vệ luật sư tại các ĐLS”.

Việc gửi công văn kiến nghị đi các nơi hay không phụ thuộc vào việc Ban Chủ nhiệm sẽ xác minh “*nội dung vụ việc*” của luật sư. Có 12/29 ĐLS gửi “*Báo cáo*” đã áp dụng phương thức công văn kiến nghị tới các cơ quan có thẩm quyền. Có thành viên Ban Chủ nhiệm của một ĐLS cho rằng rất khó để có thể bảo vệ luật sư vì “*ĐLS không có tiếng nói ở tỉnh*” nên họ chỉ có thể ghi lại những kiến nghị của luật sư và tìm cách phản ánh tới các cơ quan nhà nước khi có điều kiện.

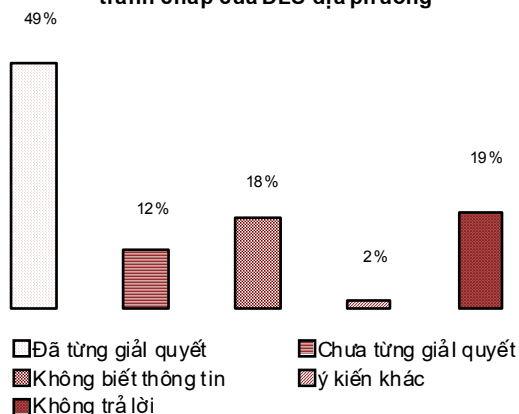
Có hai thành viên Ban Chủ nhiệm ĐLS được phỏng vấn trực tiếp bộc lộ rằng họ cũng thường xuyên khuyên các luật sư có kiến nghị nên tìm cách “*hòa giải*” với cơ quan tiến hành tố tụng hoặc cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương. Nhưng không có bất kỳ một ĐLS nào báo cáo rằng mình đã áp dụng phương pháp này.

Hiện chỉ có ĐLS Hà Nội và ĐLS Tp. Hồ Chí Minh có sử dụng phương pháp vận động báo chí “*lên tiếng*” bảo vệ luật sư khi vụ việc luật sư bị xâm phạm trong quá trình hành nghề. Thành viên Ban chủ nhiệm của một số ĐLS khác cho rằng hai địa phương này có nhiều cơ quan báo chí thuộc nhiều cấp quản lý khác nhau đóng trên địa bàn nên dễ dàng hơn cho ĐLS có thể áp dụng phương pháp này. Ở các địa phương khác thì cơ quan báo chí hoạt động tích cực trên địa bàn chỉ có cơ quan báo chí của tỉnh nên rất khó cho các ĐLS.

Có 3 ĐLS (Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh và Cà Mau) đã tổ chức một số cuộc hội thảo về những trở ngại của các luật sư khi thực hiện BLTTHS và BLTTDS. ĐLS Hà Nội đã mời các cơ quan hữu quan tại Hà Nội và Trung ương tới tham dự. Tuy nhiên, các luật sư Hà Nội được phỏng vấn sâu cho rằng mức độ thực hiện các cam kết của những cơ quan Nhà nước tham gia hội thảo là hầu như không đáng kể.

Tại một số địa phương được phỏng vấn sâu, các thành viên Ban Chủ nhiệm có phản ánh rằng họ đã từng nhận được yêu cầu “*xử lý luật sư*” của Sở Tư Pháp, UBND tỉnh hoặc Tỉnh Ủy về việc luật sư này hay luật sư kia đã có những hành vi “*không đúng mực*”, “*kích động người dân*”, “*tuyên truyền sai đường lối*” hoặc “*bôi nhọ uy tín của các cơ quan nhà nước*”... Trong những trường hợp như vậy, Ban Chủ nhiệm thường họp nhau để thảo luận về phương án xử lý. Nhìn chung, các Ban Chủ nhiệm cố gắng tìm cách không phải “*xử lý*”. Có Ban Chủ nhiệm mời riêng luật sư liên quan đến để trao đổi và nắm thêm thông tin. Đây cũng là phương án được lựa chọn nhiều thứ hai tại phỏng vấn bằng Bảng hỏi (Hình 20). Có Ban Chủ nhiệm thì lại cử luật sư khác điều tra, đánh giá lại vụ việc. Những người này đều cho rằng những người có thẩm quyền thường không hiểu hết vai trò, nhiệm vụ chuyên môn của người luật sư khi hành nghề. Một số Ban Chủ nhiệm thì cố gắng kéo dài thời gian để vụ việc “*chìm xuống để xử lý khéo léo sau*”.

Hình 21: Công tác giải quyết mâu thuẫn và tranh chấp của ĐLS địa phương

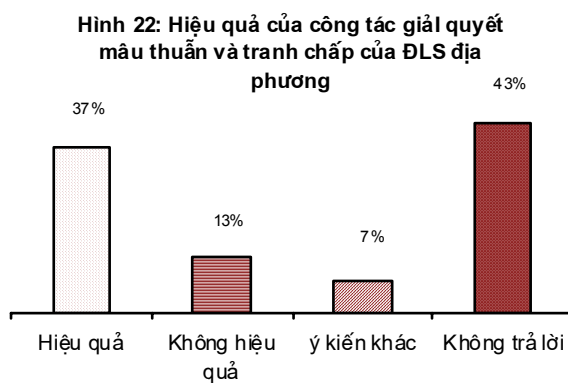


Đối với trường hợp luật sư bị các đối tượng khác xâm phạm, điển hình là một số trường hợp tấn công bằng axit, chất phóng uế vào luật sư hoặc mang quan tài đến trụ sở hành nghề của luật sư tại Hà Nội, ĐLS Hà Nội đã gửi công văn tới các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị điều tra và bảo vệ luật sư ngay khi luật sư có yêu cầu. Có trường hợp cơ quan công an đã tạm giữ luật sư không đúng pháp luật, ĐLS Hà Nội đã kịp thời can thiệp. Kết quả cơ quan công an đó đã phải tới ĐLS để xin lỗi luật sư liên quan.

c. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và hòa giải của ĐLS

Không có ĐLS nào thống kê số liệu cụ thể về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp đối với các luật sư. Qua báo cáo của các ĐLS và nghiên cứu thực tế tại địa phương, số lượng mâu thuẫn, khiếu nại hay tố cáo luật sư tại các ĐLS là không nhiều. Có ĐLS đã từng tham gia giải quyết những vấn đề trên, nhưng có ĐLS chưa từng bao giờ giải quyết.

Chỉ có ĐLS Hà Nội và ĐLS Tp. Hồ Chí Minh có trường hợp khách hàng gửi đơn tố cáo luật sư có “biểu hiện vôi vĩnh” hoặc “gợi ý hối lộ” còn các ĐLS được phỏng vấn sâu khác thì chưa gặp trường hợp nào. Cách giải quyết của ĐLS Hà Nội và ĐLS Tp. Hồ Chí Minh là mời người gửi đơn và luật sư liên quan tới trụ sở đoàn để xác minh và hòa giải. Có trường hợp đơn tố cáo là đơn “nặc danh” thì ĐLS không giải quyết nhưng báo cho luật sư liên quan biết.



Năm (05) luật sư thuộc ĐLS Tp. Hồ Chí Minh đều có nhận xét tốt về công tác giải quyết tranh chấp, mâu thuẫn của ĐLS Tp. Hồ Chí Minh. Trong khi đó các luật sư ở các ĐLS khác thì có đánh giá khác nhau về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, hòa giải của ĐLS mình.

Phần lớn (43%) các luật sư không đánh giá tính hiệu quả của công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, mâu thuẫn... của ĐLS (xem Hình 18).

Nhưng số lượng đông thứ hai (37%) các luật sư cho rằng công tác này tại các ĐLS là hiệu quả. Các lãnh đạo của các ĐLS khi được phỏng vấn cho rằng họ dễ dàng giải quyết ổn thỏa các mâu thuẫn, tranh chấp, tố cáo...

Báo cáo của 8/29 ĐLS đã áp dụng phương thức “hòa giải” để giải quyết những xung đột. Trong số tám (08) ĐLS này, chỉ có một ĐLS áp dụng phương thức hòa giải bằng việc nhờ một luật sư lớn tuổi đứng ra hòa giải. Bảy (07) ĐLS còn lại thì hòa giải thông qua Ban Chủ nhiệm hoặc Hội đồng Khen thưởng-Kỷ luật của ĐLS.

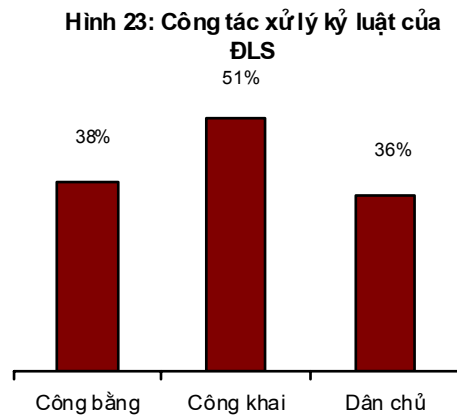
d. Công tác xử lý kỷ luật đối với luật sư

Kết quả khảo sát bằng bảng hỏi cho thấy 76% luật sư có biết đến việc ĐLS của mình đã từng kỷ luật luật sư. Trong khi chỉ có 9% luật sư trả lời là chưa từng bao giờ và 13% trả lời là không biết thông tin.

Ngoài ĐLS Hà Nội và ĐLS Tp. Hồ Chí Minh, các ĐLS được khảo sát trực tiếp còn lại chưa phải tiến hành xử lý kỷ luật luật sư. Nhóm Khảo sát không gặp được trực tiếp bất kỳ một luật sư nào bị xử lý kỷ luật của ĐLS Hà Nội và ĐLS Tp. Hồ Chí Minh. Dường như những

luật sư bị kỷ luật tại hai địa phương này cũng đồng thời là những luật sư bị xử lý về hình sự và đang phải thọ án.

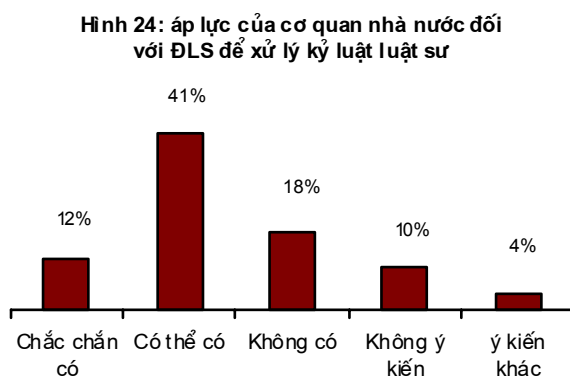
Theo báo cáo của 29 ĐLS, có 14 ĐLS báo cáo là đã từng xử lý kỷ luật luật sư. Tổng số luật sư bị kỷ luật vào khoảng 20 người.



Một số vụ việc đề nghị xử lý kỷ luật đối với luật sư gần đây (3 vụ trên 4 ĐLS được phỏng vấn sâu) như vụ luật sư Tạ Đình với ĐLS Tp. Hà Nội... đã gây ra nên dư luận liệu ĐLS có độc lập khi xử lý kỷ luật luật sư hay không? Có bị sức ép nào đó buộc phải xử lý kỷ luật luật sư hay không? Việc xử lý kỷ luật có được công bằng, công khai và dân chủ không?

Có luật sư phản ánh rằng việc xử lý kỷ luật luật sư mang nặng tính mâu thuẫn cá nhân nhưng phần lớn các luật sư được khảo sát bằng Bảng hỏi (51% luật sư) cho rằng công tác xử lý kỷ luật của

ĐLS là công khai, 38% cho là công bằng và 36% cho là dân chủ (xem Hình 23). Như vậy, tỷ lệ các luật sư nhận xét tiêu cực công tác xử lý kỷ luật luật sư tại ĐLS là rất thấp.



Một số luật sư ghi trong Bảng hỏi và qua phỏng vấn sâu cho rằng các ĐLS thường “né nang” trong việc xử lý kỷ luật luật sư nếu lỗi của luật sư không đến mức độ truy cứu hình sự. Thực tế, Ban chủ nhiệm của các ĐLS cũng đều là các luật sư và thường quen biết với luật sư bị đề nghị kỷ luật. Bởi vậy, các luật sư e ngại khi phải kỷ luật đồng nghiệp của mình.

Có ba (03) luật sư phản ánh rằng hoạt động của Hội đồng Khen thưởng Kỷ luật của ĐLS hoạt động không được công khai nên các luật sư không nắm được hoạt động của Hội đồng cũng như cơ chế khen thưởng và kỷ luật luật sư. Hơn 50% luật sư trả lời Bảng hỏi cho rằng có áp lực của cơ quan nhà nước đối với việc xử lý kỷ luật luật sư (xem Hình 24). Các luật sư được phỏng vấn sâu đều cho rằng nếu Ban chủ nhiệm ĐLS mà chịu sự ảnh hưởng của cơ quan nhà nước trong việc xử lý kỷ luật luật sư thì sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới uy tín của Ban chủ nhiệm và của cơ quan nhà nước.

Phương thức xử lý kỷ luật của ĐLS Tp. Hồ Chí Minh (theo báo cáo của ĐLS)

Ban Chủ nhiệm giao cho Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật xác minh, thu thập chứng cứ liên quan, lập biên bản ghi lời trình bày của bên tố cáo, khiếu nại lẫn bên bị tố cáo, khiếu nại. Hội đồng cũng có trách nhiệm lập tờ trình đề xuất hình thức kỷ luật. Ban Chủ nhiệm mở cuộc họp với sự tham dự của luật sư hoặc tập sự hành nghề luật sư bị tố cáo, khiếu nại; Trưởng Tổ chức hành nghề luật sư của Luật sư, tập sự hành nghề luật sư bị tố

cáo. Cuộc họp này có thể có sự tham gia của luật sư bảo vệ cho luật sư, tập sự hành nghề luật sư bị tố cáo (nếu có yêu cầu của luật sư, tập sự hành nghề luật sư bị tố cáo, khiếu nại). Cuộc họp có sự tham gia của Hội đồng khen thưởng - kỷ luật và Ban Chủ nhiệm.

Tại cuộc họp này, Ban Chủ nhiệm sẽ chất vấn luật sư, tập sự hành nghề luật sư bị tố cáo. Đường sự (luật sư, tập sự hành nghề luật sư bị tố cáo) được quyền phản biện.

Ban chủ nhiệm bỏ phiếu kín quyết định hình thức kỷ luật đối với luật sư, tập sự hành nghề luật sư. Đại diện Ban Chủ Nhiệm công bố kết quả xử lý kỷ luật, quyết định xử lý kỷ luật này được đăng vào bản tin của Đoàn luật sư TP.HCM. Đồng thời báo cho Luật sư, tập sự hành nghề luật sư biết được quyền khiếu nại đối với quyết định kỷ luật của Ban chủ nhiệm.

Có bốn (04) ĐLS báo cáo đã từng kỷ luật luật sư do chậm nộp đoàn phí. Hai ĐLS báo cáo là họ xử lý kỷ luật luật sư khi mà cơ quan tiến hành tố tụng truy tố luật sư phạm tội hình sự. Một ĐLS thì thông báo rằng họ đã từng kỷ luật luật sư do “*luật sư đã có những phát biểu không thích hợp tại tòa*”.

Như đã nêu ở trên, một số thành viên Ban chủ nhiệm đã tiết lộ rằng họ cũng đã từng nhận được đề nghị “*xem xét xử lý đối với hành vi của luật sư*” từ cơ quan tiến hành tố tụng, Sở Tư pháp địa phương.

Có thành viên Ban Chủ nhiệm và luật sư phản ánh nhiều Sở Tư pháp coi ĐLS là cơ quan trực thuộc và coi luật sư là đối tượng chịu sự quản lý trực tiếp nên Sở Tư pháp đã trực tiếp yêu cầu ĐLS phải xử lý kỷ luật luật sư hoặc Sở Tư pháp đã từng mời trực tiếp luật sư liên quan đến “*trao đổi*”. Nhận thức và cách làm này đã ảnh hưởng rất lớn đến tính độc lập của luật sư và quyền của luật sư khi hành nghề.

Theo báo cáo của một ĐLS, công tác xử lý kỷ luật luật sư của họ có sự tham gia của Sở Tư pháp. Các ĐLS còn lại (28/29) thì báo cáo là họ cố gắng tiến hành hòa giải giữa các bên.

2. Nhận thức của những lãnh đạo các ĐLS trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho luật sư

Như đã phân tích ở trên, dường như hầu hết các lãnh đạo của ĐLS đều nhận thức được vai trò của ĐLS trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư mặc dù mỗi cá nhân lãnh đạo ĐLS lại có những cách hiểu khác nhau trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho luật sư.

Theo 29 báo cáo của ĐLS, các ĐLS có những nhận xét về nguyên nhân dẫn đến các hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư, những vụ việc khiếu nại, tố cáo hoặc mâu thuẫn của luật sư... Các ĐLS cũng có biện pháp và cách thức khác nhau để giải quyết những vấn đề trên với một mục tiêu bảo vệ được luật sư và uy tín của nghề luật sư.

Các báo cáo của các ĐLS đã tổng kết những biện pháp mà các ĐLS đã và đang áp dụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư, những biện pháp này chủ yếu như sau (xếp xếp theo thứ tự nhiều ý kiến nhất):

- *Gửi công văn kiến nghị tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền (18/29 ĐLS);*

- *Gặp gỡ trực tiếp cơ quan có thẩm quyền để tìm cách bảo vệ quyền lợi của luật sư (17/29 ĐLS);*
- *Tổ chức đối thoại, đối chất nhằm làm rõ nguyên nhân của tình trạng xâm phạm quyền lợi luật sư (17/29 ĐLS);*
- *Vận động dư luận trên báo chí, vận động các cơ quan nhà nước nhận thức rõ về sự việc (16/29 ĐLS);*
- *Tổ chức họp hòa giải những mâu thuẫn giữa các luật sư và giữa luật sư với bên thứ ba (15/29 ĐLS);*
- *Tăng cường công tác đối ngoại với các cơ quan tiến hành để nâng cao vị thế của luật sư và khả năng hỗ trợ luật sư trong quá trình hành nghề (3/29 ĐLS);*
- *Tổ chức tuyên truyền về chức năng, nhiệm vụ và vai trò của luật sư (2/29 ĐLS);*
- *Trực tiếp làm việc trại giam của tỉnh để đề nghị tạo điều kiện cho luật sư được tiếp xúc bị can, bị cáo (1/29 ĐLS);*
- *Tăng cường giáo dục tình đoàn kết trong nội bộ luật sư (1/29 ĐLS);*
- *Nhờ sự can thiệp của Sở Tư pháp (1/29 ĐLS);*
- *Gửi công văn kiến nghị tới Vụ Bổ Trợ Tư pháp – Bộ Tư pháp (1/29 ĐLS);*
- *Gửi công văn kiến nghị tới LĐLS (1/29 ĐLS).*

Cũng theo báo cáo của các ĐLS, để hạn chế các vi phạm đối với quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư, các Ban Chủ nhiệm đã áp dụng những biện pháp phòng ngừa vi phạm như sau (xếp xếp theo thứ tự nhiều ý kiến nhất):

- *Đẩy mạnh tuyên truyền về vai trò, nhiệm vụ của luật sư (18/29 ĐLS);*
- *Thực hiện công tác vận động chính sách, tuyên truyền về vai trò của luật sư trong xã hội (16/29ĐLS);*
- *Tổ chức tọa đàm giữa ĐLS với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những khó khăn của luật sư trong hoạt động tố tụng và các hoạt động khác (5/29 ĐLS);*
- *Mạnh dạn đấu tranh với những hành vi xâm phạm, cản trở người luật sư khi hành nghề để làm trường hợp điển hình nhằm hạn chế các tình huống tương tự sau này (1/29 ĐLS);*
- *Tổ chức sinh hoạt ĐLS thường xuyên để có thể nhắc nhở luật sư giữ vững quan điểm lập trường cách mạng, đồng thời nắm bắt được những vấn đề mới phát sinh (1/29 ĐLS);*
- *Tổ chức cho luật sư được học nghị quyết của Đảng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và đạo đức của nghề luật sư (1/29 ĐLS);*
- *Thường xuyên tổ chức gặp mặt để nhắc nhở luật sư trau dồi đạo đức, chuyên môn và tạo uy tín đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền (1/29 ĐLS);*
- *Đề nghị LĐLS cần có văn bản trao đổi, yêu cầu chấp hành quy định pháp luật giữa các cơ quan tiến hành tố tụng. Đồng thời khuyến khích luật sư, tập sự hành nghề luật sư mạnh dạn đấu tranh yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng phải thực thi quy định pháp luật trong mối quan hệ giữa hoạt động luật sư với các cơ quan tiến hành tố tụng (1/29 ĐLS).*

3. Một số kiến nghị về công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư

Trong quá trình khảo sát, Nhóm Nghiên cứu thu thập được rất nhiều kiến nghị, đóng góp của các luật sư đối với ĐLS, LDLS và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc nâng cao vị thế của luật sư, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư. Những kiến nghị này được khái quát như sau:

a. Nhóm kiến nghị liên quan đến thủ tục, giấy tờ có tính chất hành chính liên quan đến hoạt động của luật sư

Các luật sư mong muốn nhất khi làm việc với cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan hành chính và trọng tài thì họ chỉ cần xuất trình (i) bản gốc Giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề; (ii) bản gốc Giấy yêu cầu luật sư của khách hàng và (iii) bản gốc Thẻ luật sư (Bảng 25). Việc xuất trình bản gốc sẽ giản tiện rất nhiều cho luật sư không phải tiến hành photo (bản sao thường) hoặc xin công chứng, chứng thực (bản sao công chứng).

Bảng 25: Những giấy tờ chỉ cần xuất trình khi làm việc với cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan hành chính và trọng tài (% theo tổng số bảng trả lời)

Loại giấy tờ	Bản gốc	Bản sao công chứng	Bản sao thường
Thẻ Luật sư	42	28	24
Chứng chỉ hành nghề Luật sư	15	18	16
Giấy giới thiệu của tổ chức hành nghề Luật sư	63	13	7
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	6	8	5
Văn bản cử Luật sư của tổ chức hành nghề luật sư	33	7	5
Giấy yêu cầu Luật sư của khách hàng	49	10	8
Hợp đồng dịch vụ pháp lý	7	4	4
Hợp đồng ủy quyền của đương sự cho Luật sư	17	8	4
Hợp đồng ủy quyền của đương sự cho tổ chức hành nghề luật sư	14	7	3
Chứng từ thanh toán phí dịch vụ theo Hợp đồng dịch vụ pháp lý	2	2	3

Các giấy tờ được yêu cầu nên được thống nhất giữa các thủ tục tố tụng và hành chính.

b. Nhóm kiến nghị liên quan đến tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của ĐLS, LDLS

Ý kiến của các luật sư chủ yếu:

- Ban Chủ nhiệm ĐLS cần phải được bầu từ những luật sư có năng lực, tâm huyết để có thể thực hiện tốt vai trò đại diện giới luật sư ở địa phương;
- Tạo cơ chế và điều kiện để các ĐLS được độc lập;
- Các ĐLS và LDLS cần phải đoàn kết chặt chẽ với nhau để có được tiếng nói chung khi yêu cầu các cơ quan nhà nước phải tôn trọng luật sư;
- Giữa các ĐLS và LDLS nên có cơ chế chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và giúp đỡ lẫn nhau trong công tác bảo vệ luật sư;
- Các ĐLS và LDLS cần phải độc lập;

c. Nhóm kiến nghị về hoàn thiện pháp luật

- Pháp luật không được chồng chéo và mâu thuẫn trong hoạt động tố tụng;
- Cần có những quy định pháp luật về bảo vệ luật sư, cụ thể là yêu cầu mọi tổ chức, cá nhân phải tôn trọng và giúp đỡ luật sư;
- Yêu cầu các cơ quan nhà nước thực hiện đúng các quy định pháp luật mà chưa cần sửa luật. Nghiêm cấm các hành vi diễn giải pháp luật theo quan điểm cá nhân, cục bộ cơ quan;
- LĐLS cần phối hợp với các cơ quan tố tụng ban hành văn bản liên tịch về việc hỗ trợ luật sư trong hoạt động hành nghề;

d. Nhóm kiến nghị về phương pháp bảo vệ luật sư

- Đề nghị lãnh đạo các ĐLS, LĐLS cần phải chủ động trong công tác bảo vệ luật sư khi thấy quyền lợi của luật sư bị xâm phạm mà không cần phải chờ đến khi luật sư có đơn đề nghị bảo vệ;
- Nên thiết lập một đường dây “nóng” của LĐLS để các luật sư có thể phản ánh 24/24 về những xâm phạm đối với luật sư;
- LĐLS cần khảo sát hàng năm về những khó khăn của luật sư để thực hiện công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư;
- Đề nghị LĐLS tiến hành họp tổng kết hàng năm về công tác bảo vệ luật sư;

e. Nhóm kiến nghị về công tác đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn

- Cần tổ chức trau dồi nghiệp vụ, chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của luật sư;
- Thường xuyên tổ chức các hội thảo, tọa đàm giữa ĐLS, LĐLS với các cơ quan tiến hành tố tụng để luật sư có thể phản ánh các vướng mắc;
- Cần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn luật sư;

d. Nhóm kiến nghị về tuyên truyền và nâng cao ý thức

- Cần tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về vai trò của luật sư;
- Đề nghị các cấp ủy Đảng, cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 49/NQ-TU về cải cách tư pháp trong đó phải tôn trọng “tranh tụng”;

e. Nhóm kiến nghị về hỗ trợ vật chất

- UBND địa phương cần tạo điều kiện về cơ sở vật chất cho ĐLS hoạt động.

Đối với các ĐLS, Ban Chủ nhiệm của các ĐLS được khảo sát (29 ĐLS gửi báo cáo khảo sát) đã thể hiện ý thức về công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư. Thông qua báo cáo gửi về LĐLS, các Ban Chủ nhiệm cũng đề xuất nhiều biện pháp, sáng kiến khác nhau nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư bao gồm:

- Cần xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng với ĐLS hoặc LĐLS;

- LĐLS đặt vấn đề với Chính phủ và các cơ quan trong khối nội chính Trung ương và địa phương quan tâm tạo điều kiện cho luật hoạt động, đặc biệt là việc thi hành pháp luật, tránh hình thức chiếu lệ;
- Phải có những biện pháp đủ mạnh và đồng bộ 3 cơ quan tiến hành tố tụng ở cấp Trung ương tới địa phương;
- Cần ban hành quy định yêu cầu các cơ quan nhà nước tạo mọi điều kiện cho luật sư hoạt động, các cơ quan nhà nước phải cung cấp tài liệu khi có yêu cầu của luật sư
- Cần ban hành các văn bản hướng dẫn về quyền và nhiệm vụ của người luật sư để thực thi pháp luật được thống nhất đảm bảo quyền lợi của luật sư;
- LĐLS cần phải có văn bản gửi các ngành chức năng về trách nhiệm và quyền hạn của mình để cơ quan chức năng biết;
- LĐLS cần phải tuyên truyền trên thông tin đại chúng về vai trò của luật sư trong cải cách tư pháp hiện nay;
- Nhà nước cần sớm ban hành luật tố tụng hành chính tạo điều kiện cho luật sư tư vấn pháp luật, dịch vụ pháp lý, hành nghề được thuận lợi, giảm phiền hà cho dân. Nhà nước cần ban hành quy định các cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại phải thực hiện theo đúng quy định của Luật Khiếu nại - Tố cáo, để người dân không đồng ý thì có quyền kiện ra tòa hành chính;
- Cần sửa đổi bổ sung BLTTHS quy định chỗ ngồi của luật sư, quy định chỗ ngồi của luật sư tại phiên tòa ngang hàng với vị trí của công tố;
- LĐLS cần bổ sung (xây dựng) Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của luật sư phù hợp với Luật Luật sư và hội nhập WTO;
- LĐLS cần ban hành mẫu trang phục của luật sư, để có sự khác biệt trong hội trường xét xử;
- LĐLS nên nhanh chóng mở cuộc họp liên tịch với cơ quan tố tụng để đề ra thông tư cho luật sư tham gia từ giai đoạn điều tra mà phải gặp riêng bị can, bị cáo;
- LĐLS can thiệp với các cơ quan chức năng tăng thêm thù lao cho luật sư trong các vụ án chỉ định và vụ án có TGPL;
- Đề nghị quy định cụ thể yêu cầu hội đồng xét xử khi gặp trường hợp bị can, bị cáo từ chối luật sư bào chữa thì hội đồng xét xử hỏi lại thật sự bị can, bị cáo về việc từ chối. Nếu bị can, bị cáo khẳng định việc từ chối luật sư thì luật sư sẽ rút lui hoàn toàn không ý kiến gì, để tránh tình trạng bị cáo ở trong trại giam không hiểu về quyền hạn của mình nghe những lời khuyên không trung thực mà từ chối luật sư bào chữa.
- LĐLS cần kiến nghị với các cơ quan Đảng và Nhà nước quan tâm và tạo điều kiện cho luật sư như sau:
 - o Cung cấp thông tin mà cơ quan nhà nước lưu trữ có liên quan đến lĩnh vực đất đai theo luật khiếu nại, tố cáo và Bộ luật Tố tụng Dân sự;
 - o UBND tỉnh chỉ đạo cho UBND cấp dưới xác nhận chữ ký theo tinh thần Nghị định số 79 về việc chứng thực chữ ký bằng tiếng việt, nhằm tạo điều kiện hành nghề thuận lợi cho luật sư;
 - o Cho luật sư được tham gia đối thoại, đề xuất ý kiến của mình khi giải quyết tranh chấp đúng tinh thần Luật khiếu nại, Tố cáo.
 - o Gửi lịch xét xử hàng tháng và gửi thông báo đối với những trường hợp hoãn phiên tòa, khi lên lịch xét xử lại về ĐLS;

- o Gởi quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với những luật sư có đăng ký tham gia phiên tòa, để luật sư thuận tiện trong quan hệ làm việc, tránh bị động cho luật sư;
- o Cho luật sư được sao, chụp, photo tất cả các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kể cả biên bản phiên tòa.
- LĐLS cần đề nghị Tòa án Nhân dân Tối cao phải yêu cầu các hội đồng xét xử ghi ý kiến của luật sư trong bản án dù có chấp nhận hay không những ý kiến đó;

Những kiến nghị của các luật sư và Ban Chủ nhiệm nêu trên đã phản ánh phần nào nhu cầu về công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư. Đặc biệt, nhiều ý kiến nêu bật vai trò quan trọng của LĐLS đối với công tác này, từ góc độ tập hợp tiếng nói của các ĐLS trên phạm vi toàn quốc đến vai trò độc lập để có thể tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới các cơ quan có thẩm quyền.

4. KẾT LUẬN CỦA CHƯƠNG IV

Kết quả khảo sát ở Chương III cho thấy quyền và lợi ích hợp pháp của các luật sư cần được bảo đảm tốt hơn để các luật sư có thể phát huy được vai trò, chức năng trong xã hội. Kết quả khảo sát ở Chương IV chỉ ra rằng tổ chức xã hội-nghề nghiệp của luật sư cần xem xét, nghiên cứu một cách thấu đáo về vai trò của mình trong công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư trên cơ sở thực tiễn của Việt Nam và định hướng tuân thủ cam kết quốc tế của Việt Nam.

Công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư tại các ĐLS cần phải chú trọng tới:

- “*Bảo đảm tính độc lập của luật sư*” như đã được đề cập trong các cam kết quốc tế và pháp luật Việt Nam. Các ĐLS phải chủ động và tích cực can thiệp các hành vi tác động tới “*tính độc lập của luật sư*” và “*tính độc lập trong việc quản lý luật sư*” của mình. Hơn nữa, các ĐLS và LĐLS cũng cần tích cực can thiệp ngay trong quá trình xây dựng những quy định pháp luật có thể can thiệp vào “*tính độc lập của luật sư*” và “*tính độc lập trong việc quản lý luật sư*”.
- Việc xây dựng các tiêu chuẩn và đạo đức nghề nghiệp của luật sư. Các tiêu chuẩn và đạo đức của luật sư sẽ khuôn khổ để bảo vệ thành viên của họ khỏi bị truy tố, xâm phạm bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời hạn chế những hành vi không đúng đắn từ phía các luật sư.
- Công tác vận động sự quan tâm của các cơ quan nhà nước trong khuôn khổ pháp luật về vai trò của luật sư trong xã hội và tại địa phương. Đặc biệt, các ĐLS cần phải nâng cao chính “uy tín” của ĐLS tại địa phương để có thể bảo vệ các luật sư được tốt hơn.
- Công tác tuyên truyền, đào tạo để luật sư thành viên nắm được những quy định của pháp luật về quyền và lợi ích hợp pháp của mình để các luật sư mạnh dạn đấu tranh chống lại tiêu cực trong hoạt động tố tụng và các hoạt động khác.

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, mâu thuẫn, tranh chấp giữa các luật sư hoặc giữa luật sư với bên thứ ba. ĐLS phải phát huy tốt vai trò này. Đặc biệt trong công tác này, ĐLS cần phải bảo đảm không có sự phân biệt đối xử khi bắt đầu hành nghề hoặc khi đang hành nghề vì những yếu tố dân tộc, giới tính, tôn giáo... Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, mâu thuẫn, tranh chấp cần phải được xử lý nhanh chóng, công khai để bảo đảm quyền và lợi ích của luật sư cũng như của bên khác. Để giảm thiểu mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ luật sư hoặc của bên thứ ba với luật sư, các ĐLS cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò và nhiệm vụ của luật sư, đấu tranh với hành vi tiêu cực.
- Việc xử lý kỷ luật luật sư cần phải được xử lý nhanh chóng và công bằng theo các thủ tục luật định hoặc do ĐLS xây dựng. Tất cả các việc xử lý kỷ luật luật sư phải được giải quyết bởi một hội đồng xử lý kỷ luật không thiên vị, có tính chuyên môn. Thủ tục kỷ luật luật sư phải phù hợp với pháp luật, điều lệ của LĐLS, ĐLS đó và quy tắc xử sự, tiêu chuẩn đạo đức được công nhận của nghề luật sư.
- Cần phải vận động các cơ quan có thẩm quyền giảm bớt những yêu cầu về thủ tục, giấy tờ không đúng với tinh thần “cải cách tư pháp” và “tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư”. Các ĐLS cần có những kiến nghị cụ thể tới từng cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề, thủ tục, giấy tờ gây cản trở cho công tác hành nghề của luật sư và/hoặc có thể xây dựng các quy chế phối hợp/làm việc giữa ĐLS với các cơ quan.
- Cần chủ động gửi các kiến nghị đối với những quy định pháp luật chưa hoàn thiện mà có thể gây rủi ro trong hoạt động hành nghề của luật sư. Để làm tốt công tác này, các ĐLS cần vận động các luật sư thông báo những vướng mắc về pháp luật. Trên cơ sở đó, ĐLS sẽ có những kiến nghị tới các cấp có thẩm quyền về vấn đề vướng mắc. Phương pháp này đã được ĐLS Hà Nội thực hiện trong nhiều năm qua.
- Cần chủ động phối hợp và học tập kinh nghiệm trong công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư từ các ĐLS khác và từ LĐLS.

LĐLS cần nghiên cứu những khó khăn và kiến nghị của các luật sư và của các ĐLS địa phương đối với công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư được đề cập cụ thể tại Phần 3 của Chương này.

CHƯƠNG 5

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Việt Nam ngày càng khẳng định vị thế của mình trên trường quốc tế. Điều này đòi hỏi Việt Nam phải thể hiện cam kết quốc tế một cách nhất quán và nghiêm chỉnh thực hiện những cam kết đó. Việt Nam đã gia nhập hầu hết các công ước nhân quyền quốc tế chủ chốt, trong đó có Công ước về Có Công ước về Quyền Dân sự, Chính trị, Công ước về Quyền Kinh tế, Xã hội, Văn hoá; Công ước về Xoá bỏ mọi Hình thức Phân biệt Chủng tộc, Công ước về Xoá bỏ mọi Hình thức Phân biệt Đối xử với Phụ nữ; là nước thứ hai trên thế giới và nước châu Á đầu tiên tham gia Công ước Quyền Trẻ em; phê chuẩn 17 công ước của Tổ chức Lao động Quốc tế. Ngày 22/10/2007, Việt Nam đã ký Công ước Quốc tế về Quyền của Người khuyết tật và hiện đang nghiêm túc xem xét việc ký Công ước chống Tra tấn⁹⁰.

Trong các văn kiện quốc tế về nhân quyền, Việt Nam đã ký kết Những Nguyên tắc Cơ bản về Vai trò của Luật sư. Điều này đã chứng minh tính đúng đắn và nhân bản của Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa và nhận thức của Nhà nước Việt Nam về vai trò của luật sư trong xã hội.

Nhà nước Việt Nam đã quyết tâm cải cách hệ thống pháp luật toàn diện và hệ thống các cơ quan tư pháp nhằm bảo đảm tốt hơn quyền con người trong Nhà nước Xã hội Chủ nghĩa với trọng tâm là “*bảo đảm chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, lấy kết quả tranh tụng tại tòa làm căn cứ quan trọng để phán quyết bản án*”. Để thực hiện được vấn đề này, công tác phát triển luật sư và hoạt động của luật sư cần phải được chú trọng.

Nghiên cứu này đã chứng minh được nhiều vấn đề, khó khăn đối với luật sư trên quy mô toàn quốc mà có thể chưa có những nghiên cứu độc lập nào nhằm tới cho đến thời điểm này. Những khó khăn mà các luật sư Việt Nam đang gặp phải có thể bắt nguồn từ những vấn đề về lý thuyết và thực tế của công cuộc xây dựng và hoàn thiện thể chế Nhà nước Pháp quyền, nhưng cũng có thể là do những hạn chế từ văn hóa, các tác động của những sự kiện lịch sử và mô hình thể chế chính trị của Việt Nam...

Về cơ bản, các quy định pháp luật trong nước đã phần lớn phù hợp với các vấn đề chủ yếu của các điều ước quốc tế liên quan đến quyền cơ bản của luật sư và việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư. Tuy nhiên, quy định hướng dẫn vẫn còn có những vấn đề cần được xem xét để tác động vào công tác thực thi pháp luật nhằm bảo đảm các vấn đề mà Việt Nam đã cam kết quốc tế như:

- “*Bảo đảm tính độc lập của luật sư*”: cần phải có các văn bản hướng dẫn cụ thể về việc bảo đảm “tính độc lập” của luật sư, như luật sư có quyền được nghiên cứu hồ sơ vụ án một cách độc lập và thích hợp về thời gian. Luật sư được phép gặp riêng và đủ thời gian với khách hàng của mình tại trại tạm giam, tạm giữ trong quá trình tố tụng nhưng phải tuân thủ quy định của pháp luật về “không làm lộ bí mật điều tra”. Văn bản hướng dẫn cần cụ thể ở mức độ cao nhất có thể được, như quy định rõ về cấp GCNNBC. GCNNBC là cơ sở để thực hiện quyền tham gia của luật sư trong các giai đoạn tố tụng. Nghiêm cấm các cơ quan nhà nước có thẩm quyền “*tác*

⁹⁰ Báo cáo Quốc gia kiểm điểm định kỳ việc thực hiện quyền con người ở Việt Nam, Đoạn 15, Bộ Ngoại Giao Việt Nam, 2009.

động” vào luật sư trong quá trình hành nghề. Các ĐLS phải chủ động và tích cực can thiệp các hành vi tác động tới “*tính độc lập của luật sư*” và “*tính độc lập trong việc quản lý luật sư*” của mình. Hơn nữa, các ĐLS và LĐLS cũng cần tích cực can thiệp ngay trong quá trình xây dựng những quy định pháp luật có thể can thiệp vào “*tính độc lập của luật sư*” và “*tính độc lập trong việc quản lý luật sư*”.

- “*Bảo đảm vai trò của các tổ chức xã hội nghề nghiệp của luật sư*”: cần nghiên cứu một cách cụ thể khoa học bao gồm cả vấn đề tính tự chủ của tổ chức xã hội-ngành nghiệp hoặc sự hỗ trợ về cơ chế, pháp luật của Nhà nước trong công tác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư. LĐLS và các ĐLS cần chú trọng xây dựng các tiêu chuẩn và đạo đức nghề nghiệp của luật sư. Các tiêu chuẩn và đạo đức của luật sư sẽ khuôn khổ để bảo vệ thành viên của họ khỏi bị truy tố, xâm phạm bởi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời hạn chế những hành vi không đúng đắn từ phía các luật sư.
- “*Bảo đảm quyền tự do hành nghề và tự do tiếp cận luật sư để sử dụng dịch vụ pháp lý của luật sư*”: cần có quy định hướng dẫn cụ thể để bảo đảm rằng người dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cả cơ quan nhà nước có thể tiếp cận dịch vụ của luật sư. Những vướng mắc về quy định pháp luật, như pháp luật đấu thầu, gây nên những khó khăn cho các đối tượng này tiếp cận được dịch vụ luật sư cần phải được tháo gỡ.
- “*Vai trò của luật sư cần phải được tôn trọng và được sự quan tâm của Chính phủ trong khuôn khổ pháp luật*”: cần xây dựng những chính sách và quy định pháp luật để bảo đảm các cơ quan thực thi pháp luật ở cấp địa phương tôn trọng luật sư. Các ĐLS và LĐLS cần nâng cao công tác vận động sự quan tâm của các cơ quan nhà nước trong khuôn khổ pháp luật về vai trò của luật sư trong xã hội và tại địa phương. Đặc biệt, các ĐLS cần phải nâng cao chính “uy tín” của ĐLS tại địa phương để có thể bảo vệ các luật sư được tốt hơn. Các ĐLS và LĐLS cũng cần vận động các cơ quan có thẩm quyền giảm bớt những yêu cầu về thủ tục, giấy tờ không đúng với tinh thần “cải cách tư pháp” và “tạo điều kiện thuận lợi cho luật sư”.
- “*Bảo đảm quyền tiếp xúc, tư vấn của luật sư đối với khách hàng của họ và bảo đảm sự bí mật về chuyên môn của luật sư*”: cần những quy định hướng dẫn cụ thể và các biện pháp chế tài để các cán bộ thụ lý tạo điều kiện cho luật sư được tiếp xúc khách hàng của mình một cách riêng tư.
- “*Bảo đảm luật sư không bị coi như cùng bản chất với khách hàng*”: cần phải tuyên truyền, giáo dục đối với toàn xã hội về vấn đề này, trong đó bao gồm cả việc tuyên truyền giáo dục cho các cán bộ trong các quan nhà nước có thẩm quyền.
- “*Bảo đảm luật sư được tiếp cận các thông tin, tài liệu và văn bản thích hợp mà các cơ quan nắm giữ hoặc kiểm soát trong một khoảng thời gian tương xứng để luật sư có thể cung cấp các hỗ trợ pháp lý hiệu quả cho khách hàng của họ*”: cần xây dựng những quy định pháp lý cụ thể đối với quyền này để ngăn ngừa những hành vi xâm phạm vào hoạt động hành nghề của luật sư.

- “Việc xử lý kỷ luật luật sư cần phải được xử lý nhanh chóng và công bằng theo các thủ tục luật định hoặc do ĐLS xây dựng”: vấn đề này đòi hỏi các ĐLS và LĐLS phải xây dựng điều lệ, quy tắc đạo đức hành nghề luật sư và thành lập một hội đồng khen thưởng kỷ luật không thiên vị, có tính chuyên môn. Thủ tục kỷ luật luật sư phải phù hợp với pháp luật, điều lệ của LĐLS, ĐLS đó và quy tắc xử sự, tiêu chuẩn đạo đức được công nhận của nghề luật sư.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy trông đợi của các luật sư và các ĐLS địa phương vào trong vai trò đại diện của các ĐLS tại địa phương và của LĐLS ở quy mô toàn quốc. Từ những phát hiện trong quá trình khảo sát, Nhóm Nghiên cứu mạnh dạn đề xuất LĐLS những vấn đề sau, ngoài những vấn đề đã kết luận ở trên, nhằm phát huy hoạt động bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư:

- (i) LĐLS cần chủ động kiến nghị cải cách các thủ tục, giấy tờ có tính chất hành chính liên quan đến hoạt động của luật sư theo hướng rút gọn. LĐLS có thể kiến nghị trực tiếp tới các cơ quan chủ trì soạn thảo, thẩm định các dự án luật, nghị định hoặc kiến nghị thông qua Đề án Đơn giản hóa thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước giai đoạn 2007-2010 (“Đề án 30”).
- (ii) LĐLS cần xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và giúp đỡ giữa LĐLS với các ĐLS và giữa các ĐLS trong công tác bảo vệ luật sư.
- (iii) LĐLS nên huy động các luật sư tham gia rà soát các quy định pháp luật mâu thuẫn, chồng chéo để làm cơ sở kiến nghị các cơ quan nhà nước sửa đổi.
- (iv) LĐLS nên chủ động phối hợp giữa LĐLS với các cơ quan tiến hành tố tụng ban hành các văn bản liên tịch nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc hành nghề của luật sư.
- (v) LĐLS đặt vấn đề với Chính phủ và các cơ quan trong khối nội chính Trung ương và địa phương quan tâm tạo điều kiện cho luật sư hoạt động.
- (vi) LĐLS cần phải chủ động trong công tác bảo vệ luật sư khi thấy quyền lợi của luật sư bị xâm phạm mà không cần phải chờ đến khi luật sư có đơn đề nghị bảo vệ. LĐLS nên có những văn bản hướng dẫn cụ thể các ĐLS về công tác này.
- (vii) LĐLS cần khảo sát hàng năm về những khó khăn của luật sư để thực hiện công tác bảo vệ quyền và lợi ích của luật sư;
- (viii) LĐLS cần thường xuyên tổ chức các hội thảo, tọa đàm giữa ĐLS, LĐLS với các cơ quan tiến hành tố tụng để luật sư có thể phản ánh các vướng mắc.
- (ix) LĐLS cần phối hợp với các cơ quan nhà nước ở trung ương và ở địa phương tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân về vai trò của luật sư.
- (x) LĐLS cần bổ sung (xây dựng) Quy tắc đạo đức nghề nghiệp của luật sư phù hợp với Luật Luật sư và hội nhập quốc tế;
- (xi) LĐLS cần kiến nghị với các cơ quan chức năng tăng thêm thù lao cho luật sư trong các vụ án chỉ định và vụ án có TGPL.

Như đã từng nêu trong Báo cáo này, thực tiễn đòi hỏi LĐLS cần có một kế hoạch tổng thể và cụ thể đối với hoạt động của LĐLS trong công tác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của luật sư.

Nghiên cứu này cũng thể hiện rằng trong giai đoạn hiện nay, luật sư cũng là những chiến sỹ bảo vệ và phát triển Nhà nước “CỦA DÂN, DO DÂN VÀ VÌ DÂN”. Luật sư luôn luôn không phải là những người “*chỉ biết chạy theo đồng tiền*”, “*chỉ biết tìm kiếm khuyết*” hay “*vận động, xúi giục người dân chống lại pháp luật và cơ quan nhà nước*”... Thực tế, luật sư là những người đồng hành với các cơ quan nhà nước, người dân trong việc phát triển kinh tế và xã hội của đất nước; là những chiến sỹ trong thời bình để bảo vệ quyền và lợi ích của đất nước trong bối cảnh hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới./.

PHỤ LỤC:

**BẢNG THỐNG KÊ MỘT SỐ VỤ VIỆC ĐIỂN HÌNH
VÀ PHẢN ÁNH QUA BÁO CHÍ LIÊN QUAN VIỆC XÂM PHẠM QUYỀN LỢI LUẬT SƯ Ở VIỆT NAM
(Giai đoạn từ 1999 đến 2009)**

*

*Người thống kê: TS. LS PHAN TRUNG HOÀI (1-16)
VPLS NHQuang và Cộng sự (17-27)*

<i>STT</i>	<i>Nội dung vụ việc</i>	<i>Tên luật sư và tổ chức hành nghề bị xâm phạm</i>	<i>Thời điểm xảy ra vụ việc</i>	<i>Kết quả giải quyết</i>	
1	VKSND TPHCM làm công văn đề nghị xử lý luật sư khi cho rằng LS phát biểu khi tranh tụng vụ khống CQTHTT trong vụ án Minh Phụng- Epco	Luật sư B.Q.N. thuộc Đoàn Luật sư TPHCM	9/8/1999	Không xử lý do Đoàn Luật sư TPHCM làm văn bản phản đối và Bộ Tư pháp ủng hộ	
2	Kiểm sát viên T.M.T. thuộc VKSNDTPHCM đề nghị khởi tố luật sư và C16 Bộ Công an có văn bản đề nghị xử lý luật sư do xúc phạm CQTHTT tại phiên tòa xét xử vụ án Trương Văn Cam và đồng bọn	Luật sư Đ.V.L. thuộc Văn phòng luật sư Miền Bắc	20/5/2003	Vụ việc đã tạo ra dư luận xôn xao, các cơ quan Bộ Tư pháp, Hội Luật gia VN, Đoàn Luật sư Hà Nội lên tiếng ủng hộ luật sư, phản đối VKS	

3	Luật sư phản ánh việc chậm cấp Giấy chứng nhận người bào chữa đối với bị can Lương Quốc Dũng của VKSND TP Hà Nội	Luật sư N.H.T. thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội	28/7/2004	Chưa rõ kết quả giải quyết	
4	Nguyên điều tra viên C.V.H. đề nghị khởi tố 3 luật sư tham gia trong vụ án Vườn Điều sau khi 3 luật sư có đơn tố giác sai phạm của ĐTV	Các luật sư P.H.H., T.V.H., B.Đ.T. thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội	6/8/2004	Vụ việc thu hút sự quan tâm của dư luận, chưa có kết quả giải quyết cuối cùng	
5	Bà N.T.Q.L. khởi kiện VPLS đòi lại tiền đặt cọc 30 triệu đồng do cho rằng luật sư tư vấn sai trong một vụ tranh chấp dân sự nên không đủ tư cách khởi kiện	VPLS H.V.L. thuộc Đoàn Luật sư TPHCM	12/5/2005	TAND TPHCM xử bác yêu cầu, trong khi TAND quận 10 xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn	
6	Bệnh viện Việt- Pháp nêu thông tin trên báo chí “có thể khởi kiện” luật sư và báo chí liên quan vụ việc luật sư tham gia tư vấn và bảo vệ quyền lợi cho bệnh nhân	Luật sư N.H.B. thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội	24/5/2006	Luật sư yêu cầu làm rõ trách nhiệm của Bệnh viện, chưa rõ vụ việc được giải quyết thế nào	
7	Luật sư khởi kiện bà T.T.K.P. là khách hàng vay nợ 400 triệu đồng vốn và 150 triệu đồng lãi ra TAND quận Gò Vấp, sau khi bà P. tố cáo luật sư ra Công an	Luật sư V. T.V. thuộc Đoàn Luật sư TPHCM	14/8/2006	TAND quận Gò Vấp và TPHCM chấp nhận yêu cầu của luật sư, nhưng TANDTC hủy án	

8	Luật sư phản ánh đã 6 tháng kể từ ngày nộp thủ tục chưa được cấp Giấy chứng nhận người bào chữa cho Bùi Tiến Dũng	Luật sư N.N.T. thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội	9/11/2006	Sau khi phản ánh mới được xét cấp Giấy chứng nhận người bào chữa	
9	Luật sư kiện thân chủ N.H.N. tại TAND thị xã Hội An, Quảng Nam đòi bồi thường 60 triệu đồng	Luật sư P.T.T. thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam	29/12/2006	Chưa rõ kết quả giải quyết	
10	Luật sư bị một kẻ lạ mặt nhấn 5 tin nhắn dọa giết luật sư, đặt cọc 100.000 đồng ở cơ sở dịch vụ quan tài, đặt vòng hoa “kính viếng Bác Luật sư”	Luật sư T.Q.P. thuộc Đoàn Luật sư TPHCM	các ngày 30/12/2006, 14-15/01 và 8-10/2/2007	LS báo CQĐT nhưng chỉ nhận được thông báo chuyển đơn ngày 25/01/2007 của PC16	
11	Chủ tọa phiên tòa ngắt lời, hạn chế thời gian luật sư phát biểu trong phần tranh luận khi xử vụ án Bùi Tiến Dũng	Một số luật sư tại Đoàn Luật sư TP Hà Nội	3/8/2007	Một số luật sư phản đối quyết liệt, “bãi tòa” và rời khỏi phòng xử án	
12	Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Thị Yến Phương tại phiên tòa TAND TPHCM khiếu nại và đề nghị thay đổi Thẩm phán chủ tọa do thiếu khách quan	Luật sư D.Đ.B thuộc Đoàn Luật sư TPHCM	01/11/2007	Không được chấp nhận, luật sư phản đối, bị cáo im lặng không trả lời thẩm vấn	

13	Bị đơn dùng guốc đánh luật sư và rượt nhà báo ngay tại phiên tòa dân sự TAND TP Hà Nội	Luật sư T.Đ.T. thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội	01/4/2008	Chánh án TAND TP Hà Nội có tiếp nhận đơn yêu cầu xử lý và khiếu nại, PC14 tiếp LS. Chưa rõ kết quả xử lý	
14	Luật sư kiện 2 Phó CN Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long bồi thường 500 triệu đồng ra TAND thị xã Vĩnh Long vì bị xóa tên, sau đó UBND tỉnh ra QĐ đình chỉ việc xóa tên	Luật sư T.V.S. thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long	30/5/2008	Chưa rõ kết quả xử lý	
15	Luật sư bị tạt a xít trên đường từ VPLS về nhà	Luật sư M.X.H. thuộc Đoàn Luật sư TP Hà Nội	5/01/2009	Chưa rõ kết quả xử lý	
16	Luật sư khởi kiện kiểm sát viên P.V.K. thuộc VKSND tỉnh Bình Thuận vì đã xúc phạm luật sư tại phiên tòa xét xử vụ án đất đai tại Mũi Né từ ngày 17 đến 20/3/2009	Luật sư N.T.Th. Chủ nhiệm Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận	22/4/2009	Chưa rõ kết quả thụ lý và giải quyết	
17	Cán bộ công an xã Hải Bối – Đông Anh – Hà Nội bắt giam nhầm luật sư	Luật sư Q – Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội	14/9/2009	Chủ tịch UBND xã Hải Bối đã đến Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội để xin lỗi về hành vi “nhầm “ nói trên.	http://luatsuhanoi.vn/index.php?page=productView&id=1093

18	UBND thành phố Hà Nội đề nghị “có biện pháp xử lý nghiêm đối với văn phòng luật sư TĐ” vì cho rằng Ls. TĐ “gây cản trở việc tổ chức thực hiện công tác bồi thường GPMB”.	Luật sư TĐ – Đoàn Luật sư Hà Nội	6/2009	Ông Phan Hồng Sơn – Giám đốc Sở Tư pháp Hà Nội đề nghị VPLS Tạ Đình phải nghiêm túc rút kinh nghiệm trong hoạt động tư vấn pháp luật của mình	http://vietnamnet.vn/ban-docviet/theodauthu/2010/01/Pho-Chu-tich-Ha-Noi-de-nghi-xu-ly-mot-luat-su-887607/ http://www.anninhthudo.vn/Tianyon/Index.aspx?ArticleID=53851&ChannelID=5
19	VKSND huyện Cam Lộ có công văn kiến nghị Giám đốc Sở tư pháp tỉnh Quảng Trị xem xét, có hình thức xử lý luật sư VĐM vì đã “xui” bị cáo khai gian dối.	Luật sư VĐM – Đoàn Luật sư Quảng Trị	23/1/2009	Theo VKSND huyện Cam Lộ, việc làm của luật sư VĐM đã vi phạm điểm b, khoản 3, Điều 58 Bộ Luật tố tụng hình sự.	http://dantri.com.vn/c20/s20-365507/de-nghi-xu-ly-luat-su-xui-bi-cao-khai-gian-doi.htm http://www.congan.com.vn/?mod=detnews&catid=703&p=&id=44944
20	Ba luật sư tố cáo bị HĐXX đề nghị công an bảo vệ phiên tòa mời ra khỏi phòng xử án.	Ba luật sư TĐT, TVH và LVA – Đoàn Luật sư Hà Nội	27/3/2009	Các luật sư làm đơn tố cáo HĐXX, yêu cầu làm rõ để xử lý nghiêm minh hành vi vi phạm của HĐXX và thẩm phán NTK trong quá trình giải quyết vụ án	http://vietnamnet.vn/xahoi/2009/03/839187/
	Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai có hai công văn yêu	Luật sư ĐC – Đoàn	4/4/2008	Chưa rõ kết quả giải quyết	http://phapluattp.vn/224

21	cầu Đoàn luật sư tỉnh kiểm điểm và kỷ luật luật sư ĐCH do “luật sư H nhận ủy quyền sai”	luật sư tỉnh Gia Lai			688p1015c1074/nhan-uy-quyen-sai-bi-xu-ly.htm
22	Viện kiểm sát nhân dân và công an tỉnh Nghệ An gửi công văn liên ngành số 354/LN- VKS-CA đề nghị kỉ luật luật sư PDT với lý do vi phạm đạo đức nghề nghiệp và vi phạm pháp luật. Ông PDT cũng phản ánh việc VKSND tỉnh Nghệ An không cấp giấy chứng nhận bào chữa đối với bị can mà không có công văn trả lời và không nêu rõ lý do.	Luật sư P.D.T thuộc đoàn luật sư Hà Nội	19/7/2007	Ông PDT đã có đơn giải trình và cho rằng mình không vi phạm pháp luật.	http://www.laodong.com.vn/Home/De-ngghi-ky-luat-mot-luat-su-thuoc-Doan-luat-su-Ha-Noi/20077/46753.laodong
23	Ông NTT đã khởi kiện yêu cầu kiểm sát viên PVK công khai xin lỗi và bồi thường danh dự do cố tình xúc phạm thô bạo đến danh dự, uy tín, đạo đức nghề nghiệp trong phiên tòa sơ thẩm xử lý vụ tiêu cực về đất đai tại Mũi Né	Ông N.T.T - Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận	22/4/2009	Chưa rõ kết quả giải quyết	http://w11.vnexpress.net/GL/Phap-luat/2009/04/3BA0E4F0/ http://www.thanhnien.com.vn/News/Pages/200917/20090423113200.aspx
24	Luật sư TĐT bị hành hung tại phiên tòa	Luật sư TĐT – Đoàn Luật sư Hà Nội	2/4/2008	Luật sư TĐT đã đề nghị TAND TPHN khởi tố vụ án gây rối trật tự công cộng và xúc phạm danh dự nhân phẩm người khác đối với người hành hung ông	http://dantri.com.vn/c20/s20-225759/mot-luat-su-bi-choang-ngay-tai-toa.htm

				và đề nghị Toà xem xét lại tư cách của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa khi nhiều lần để xảy ra vụ việc như trên.	
25	Thấy luật sư không cùng quan điểm với mình, Kiểm sát viên “chê” luật sư thiếu kiến thức và hồ đồ.	Luật sư LĐ thuộc Đoàn luật sư tp Hồ Chí Minh	16/2/2006	Luật sư LĐ đã thẳng thắn lên tiếng đề nghị kiểm sát viên dùng những ngôn ngữ pháp đình để tránh mặt sát người khác và có thái độ hòa nhã khi tranh luận..."	http://vnexpress.net/GL/Phap-luat/2008/05/3BA0267C/
26	Hợp về vụ sập Viện KHXH vùng Nam Bộ, Sở Xây dựng ngăn cản không cho luật sư vào hợp với tư cách hỗ trợ pháp luật cho Viện Nghiên cứu KHXH	Luật sư NBT của Công ty TNHH Luật Sài Gòn	12/10/2007	Chưa rõ kết quả giải quyết	http://www6.vnmedia.vn/newsdetail.asp?NewsId=105507&Catid=23
27	Luật sư NDH bị kéo dài thời hạn cấp giấy chứng nhận bào chữa một cách khó hiểu trong vụ án hình sự lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản ở công ty Hoàng Liên.	Luật sư NDH thuộc ĐLS Quảng Nam	31/10/2003		http://www.vnexpress.net/GL/Phap-luat/2004/01/3B9CF3D3/

TÀI LIỆU THAM KHẢO

VĂN KIẾN CHÍNH SÁCH

- Cương lĩnh 1930 của Đảng Cộng sản;
- Nghị quyết Trung ương III, V, VI (lần 2), VII và VIII của khoá 8;
- Chỉ thị số 53 CT/TW ngày 21/3/2000 của Bộ Chính trị về “*Một số công việc cấp bách của các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000*”;
- Nghị quyết Trung ương số 49-NQ-TW của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” ngày 02/06/2005;
- Nghị quyết Trung ương số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020” ngày 24/05/2005;

VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1946, 1959, 1980, 1992.
- Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa 10 ngày 21 tháng 12 năm 1999.
- Bộ luật Tố tụng Dân sự số 24/2004/QH11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa 11 ngày 15/06/2004.
- Bộ Luật Tố tụng hình sự số 19/2003/QH11 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa 11 ngày 26 tháng 11 năm 2003.
- Luật Tổ chức Toà án Nhân dân số 33/2002/QH10 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa 10 ngày 02 tháng 4 năm 2002.
- Pháp lệnh số 29/2006/PL-UBTVQH11 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 11 ngày 05 tháng 4 năm 2006 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án Hành chính.
- Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH11 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 11 ngày 17 tháng 03 năm 2003 về bồi□thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự gây ra.

ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

- Basic Principles on the Role of Lawyers, adopted by the Eighth United Nations Congress on the Prevention of Crime and the Treatment of Offenders, Havana, Cuba, 27 August to 7 September 1990.
- International Covenant on Civil and Political Rights
- Convention on the Rights of the Child, adopted and opened for signature, ratification and accession by General Assembly resolution 44/25 of 20 November 1989.

- Convention on the Elimination of All Forms of Discrimination against Women, adopted and opened for signature, ratification and accession by General Assembly resolution 34/180 of 18 December 1979 entry into force 3 September 1981

TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU

- Đinh Văn Quế, *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự-Phần Chung-Bình luận chuyên sâu*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
- Đỗ Văn Dương, *Chứng cứ và chứng minh trong vụ án hình sự*, NXB Tư pháp, 2006.
- Đời sống và Pháp luật, *Trở lại vụ công dân kiện UBND TP. Yên Bái ra toà: Phải chăng vẫn là “con kiến kiện củ khoai”?*,
- Dự án Hỗ trợ Cải cách Pháp luật và Tư pháp tại Việt Nam (JOPSO), *Báo cáo Điều tra xã hội về khóa đào tạo nghề luật sư tại Học viện Tư pháp*, 2008.
- Dự án VIE/02/015, Hỗ trợ Thực thi Chiến lược Phát triển Hệ thống Pháp luật Việt Nam đến 2010, *TGPL ở Việt Nam, thực trạng và định hướng hoàn thiện*, NXB Tư pháp, 2005.
- Dự án VIE/02/015, Hỗ trợ Thực thi Chiến lược Phát triển Hệ thống Pháp luật Việt Nam đến 2010, *Báo cáo Khảo sát Nhu cầu Tòa án cấp huyện trên toàn quốc*, NXB Tư pháp, 2007.
- Fawcett Society’s Commission on Women and the Criminal Justice System, *Women and the Criminal Justice System*, 2004 và 2006.
- Học viện Tư pháp, *Sổ tay Luật sư*, NXB Công An Nhân dân, 2003.
- Jacques Mourgon, *Quyền Con người*, Chương trình Khoa học Công nghệ cấp Nhà nước KX-07 (Đề tài KX-07-016), 1995.
- Lê Đức Tiết, *Văn hóa Pháp lý tại phiên tòa*, Tạp chí Luật sư Ngày nay, 2007.
- Lê Đức Tiết, *Văn hóa Pháp lý Việt Nam*, Nxb Tư pháp, 2005.
- Lê Quốc Hùng, *Gợi mở những giá trị truyền thống của tư tưởng chính trị pháp lý Việt Nam*, Nxb Tư pháp, 2005.
- Lê Thúc Anh, *Một số suy nghĩ về tranh tụng tại phiên tòa trong cải cách tư pháp*, Tạp chí Tòa án Nhân dân, số 1, 2008.
- Lê Văn Minh, Phó Vụ trưởng Vụ Tổ chức-Cán bộ, TANDTC, *Thực trạng và nhu cầu nâng cao năng lực đội ngũ thẩm phán TAND địa phương*, tham luận tại Hội nghị bán thường niên và diễn đàn đối tác pháp luật “Cải cách pháp luật và tư pháp: Thực trạng và phương hướng”.
- Nguyễn Hà Thanh, *Vai trò hạn chế của luật sư trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự - Nguyên nhân và giải pháp*, Tạp chí Tòa án Nhân dân, số 3, 2007.
- Nguyễn Hưng Quang & Kerstin Steiner, *Tư duy và phẩm chất chuyên môn: sự trỗi dậy của luật sư Việt Nam (Ideology And Professionalism: The Resurgence Of The Vietnamese Bar)*, trong tập sách “Chủ nghĩa xã hội châu Á và Thay đổi Pháp luật: Động lực đổi mới của Việt Nam và Trung Quốc” (*Asian Socialism and Legal Change: The Dynamics of Vietnamese and Chinese Reform*), NXB Asia Pacific Press, 8/2005.

- Nguyễn Hưng Quang, *Luật sư và công tố: sự bình đẳng trong cải cách tư pháp (Lawyer and Prosecutors under legal Reform in Vietnam: The Problem of Equality)*, in "Vietnam's New Order", Stéphanie Balme & Mark Sidel (ed.), Palgrave MacMillan, 2006.
- Nguyễn Hưng Quang, *Những hạn chế tạo ra nhận thức của xã hội đối với nghề luật sư*, trong sách *Luật sư Việt Nam-Hội nhập Quốc tế* do Phạm Hồng Hải và Trần Văn Sơn (chủ biên), NXB Tư pháp, 2007.
- Nguyễn Huy Thiệp, *Luật sư khi tham gia tố tụng hình sự, thực trạng-giải pháp*, Tạp chí Luật sư Ngày nay, 2007.
- Nguyễn Thái Phúc, 'Sự tham gia bắt buộc của người bào chữa trong tố tụng hình sự', Tạp chí Khoa học Pháp lý, số 4 (41)/2007.
- Nguyễn Thanh Thủy, *Quyền của gia đình bị cáo trong việc được cung cấp thông tin tại giai đoạn xét xử*, Tạp chí Luật sư Ngày nay, 2007.
- Nguyễn Văn Chiến, *Những hạn chế đối với luật sư trong quá trình tham gia tố tụng vụ án hình sự*, Tạp chí Luật sư Ngày nay, 2007.
- Nguyễn Văn Chiến, *Quyền và nghĩa vụ của người bào chữa trong tố tụng hình sự*, Tham luận tại Hội thảo khoa học về Sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS năm 2003, Đoàn luật sư Hà Nội tổ chức vào tháng 10, 2009.
- Phạm Hồng Hải, *Mô hình lý luận Bộ luật Tố tụng Hình sự Việt Nam*, Nxb Công An Nhân dân, 2003.
- Phạm Hồng Hải, *Nâng cao văn hóa tố tụng hình sự ở nước ta hiện nay*, Tạp chí Luật sư Ngày nay, 2007.
- Phạm Hồng Hải, *Vụ án Vườn Điều – từ những góc nhìn*, Nxb Công An Nhân dân 2008.
- Phạm Thị Hương và Nguyễn Việt Xuân, *Hoạt động của luật sư trong tố tụng hình sự, thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Luật sư Ngày nay, 2007.
- Phạm Văn Lợi (chủ biên), *Chế định thẩm phán, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Viện Khoa học Pháp lý, NXB Tư pháp, 2004.
- Phạm Văn Lợi (chủ biên), *Chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam*, NXB Tư pháp, 2007.
- Phạm Văn Tinh, *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, NXB Tư pháp, 2007.
- Phan Thị Hương Thủy, *Vai trò của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của doanh nghiệp chống hình sự hóa quan hệ kinh tế-dân sự*, Tạp chí Luật sư Ngày nay, 2007.
- Phan Trung Hoài, *Bút ký luật sư-Tập I*, NXB Tư pháp, 2005.
- Phan Trung Hoài, *Hành nghề luật sư trong vụ án hình sự*, NXB Tư pháp, 2007.
- Social Weather Stations and Cordillera Studies Center, *Monitoring the State of the Judiciary and the Legal Profession*, 2003.
- Tạp chí Thông tin Khoa học Pháp lý, *Chuyên đề Hình sự hóa các quan hệ dân sự, kinh tế và phi hình sự hóa các quan hệ hình sự*, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý-Bộ Tư pháp, 2004.

- Tạp chí Thông tin Khoa học Pháp lý, *Chuyên đề Những vấn đề lý luận cơ bản về chính sách hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền*, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý-Bộ Tư pháp, 2004.
- Tạp chí Thông tin Khoa học Pháp lý, *Chuyên đề Vai trò của thực tiễn xét xử trong việc hoàn thiện và áp dụng thống nhất pháp luật*, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý-Bộ Tư pháp, 2004.
- Tạp chí Thông tin Khoa học Pháp lý, *Chuyên đề Văn hóa Tư pháp*, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý-Bộ Tư pháp, 2001.
- Tạp chí Thông tin Khoa học Pháp lý, *Chuyên đề về một số biện pháp nhằm nâng cao hiểu biết pháp luật của một số đối tượng bị thiệt thòi trong xã hội*, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý-Bộ Tư pháp, 2001.
- Tạp chí Thông tin Khoa học Pháp lý, *Chuyên đề về Một số vấn đề, lý luận, thực tiễn phục vụ xây dựng Bộ luật Hình sự (sửa đổi)*, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý-Bộ Tư pháp, 1998.
- Tạp chí Thông tin Khoa học Pháp lý, *Chuyên đề về Người Thẩm phán Nhân dân*, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý-Bộ Tư pháp, 2000.
- Tiền phong, *Vai trò của luật sư trong phiên tòa rất mờ nhạt*.
- Tô Văn Hòa, *Tính độc lập của tòa án*, NXB Lao động, 2007.
- Tòa án Nhân dân Tối cao & UNICEF, *Thủ tục Điều tra và Xét xử liên quan đến trẻ em và người chưa thành niên-Đánh giá về các thủ tục nhạy cảm đối với trẻ em*, 2007.
- Tòa án Nhân dân Tối cao, *Báo cáo tổng kết công tác ngành tòa án các năm 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006 và 2007*.
- UNDP, *Access to Justice in Vietnam (Tiếp cận Công lý)*, 2004
- Ủy ban Châu Âu (Dự án Hỗ trợ Thể chế cho Việt Nam) & Tòa án Nhân dân Tối cao, *Tài liệu tập huấn về thi hành Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng Hình sự*, NXB Chính trị Quốc gia, 2008.
- Vietnamnet, *Nâng cao quyền, nghĩa vụ luật sư để hạn chế oan sai*, 28/09/2008
- VnExpress, *Cuộc chiến văn bản giữa Sở Tư pháp và Đoàn Luật sư Hà Nội: Ai đúng - ai sai?*
- VnExpress, *Quốc hội cần bảo vệ quan điểm tăng quyền cho luật sư*.
- VnExpress, *Sửa đổi toàn diện Bộ luật tố tụng hình sự*, 2003
- Võ Khánh Vinh và Nguyễn Mạnh Kháng (chủ biên), *Pháp luật thi hành án hình sự Việt Nam-Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Tư pháp, 2006.
- Vũ Anh, *Viết tiếp bài hậu phiên tòa xử vụ PMU 18, Chủ tọa, luật sư đều phải xem lại mình*, Tạp chí Luật sư Ngày nay, 2007.
- Vũ Công Dũng, *Một số ý kiến đóng góp về sửa đổi, bổ sung BLTTHS năm 2003*, Tham luận tại Hội thảo khoa học về Sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTHS năm 2003, Đoàn luật sư Hà Nội tổ chức vào tháng 10, 2009